

Tình Người Cô Đơn

© 1999 Huy Lâm

Nhạc & Lời:
Huy Lâm

Pasodoble ♩ = 110

Một ngày đàn qua, ánh dương tàn phai — màu, bóng cây mờ in —
đài. tiếng chim riu riu gọi đàn. Minh ta một bóng, ngóng trông về chân —
trời, thoáng bóng nhẹ tiếng — đàn, âm vang niềm nhớ. Thời gian êm
trời, tháng năm âm thầm lướt — qua, bóng em muốn trùng cách — xa. Tình là ngàn
mây cuốn nhanh theo làn gió — đưa, cánh hoa xuôi dòng nước — trôi, bóng nhận bay cuối —
trời. — Rong chơi vui với cây đàn, tình tình
tưng nấn phím cho đời tươi. Vui cho hết đam mê mơ
mộng. — Hẹn hò lưu luyến chỉ vương thêm sầu đau, Phiêu

To Coda ⊕

lun khắp bốn phương trời. — Ngừng chân ta hát khúc hoan
 ca, — vì lòng ta vui với cây đàn, — để ta quên
 kiếp người cô đơn. Ngao du vui thú với cây đàn. — Kia là đồng
 xanh, sông uốn khúc, vồn quanh. Quê hương, nước non bao nhiêu
 tình. — Kỷ niệm thơ ấu bao năm không hề phai. Ra
 đi không vấn vương u hoài. — Ngừng chân ta hát khúc hoan
 ca, — vì là lòng ta vui với cây đàn, — để ta quên

D.S. al Coda ⊕ *CODA*

Kiếp người cô đơn. — Một ngày dần ca. — Lòng ta tha
 thiết với cây đàn cho quên kiếp người cô đơn. —

VŨ HỐI: NGHỆ THUẬT THƯ HỌA

Tham khảo: *Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối*.
NXB: EM Magazine, EMMEKONG, INC. 2007

Hải Bằng.HDB

(Phần Một)

*

Vũ Hối vốn là một giáo sư hội họa kiêm thi sĩ. Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, ông được nhà cầm quyền Hà Nội phóng thích. Ông qua Mỹ năm 1992 và hiện nay (2008) là một nhà thư pháp tâm vóc thế giới.

Bằng tác phẩm “Mộng Hòa Bình”, ông chiếm giải Khôi Nguyên “**Kennedy's Prize**” năm 1963 với sự tham dự của 32 thư pháp gia thế giới. Ông được vinh danh về “*Tinh Sáng Tạo Nghệ Thuật*” trong Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới năm 1994 tại Atlanta, Hoa Kỳ. Ông cũng được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là **Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền**.

Tên tuổi của ông được ghi trong nhiều tự điển như cuốn tự điển **Thư Đạo của Nhật Bản** (2006) và trong **Từ Điển Tiểu Sử Quốc Tế, Cambridge, Anh Quốc - Dictionary Of International Biography (tập XXVI)** của The International Biographical Centre, Cambridge, England (1998)

Vũ Hối đã từng dùng thư họa viết câu nói nổi tiếng của TT John F. Kennedy: “*Ask not what your country can do for you. Ask what you can do for your country. (1963)*”, dịch là: “*Đừng hỏi đất nước có thể làm gì cho bạn. Hãy hỏi bạn có thể làm gì cho đất*

nước”. Ông cũng đã vẽ chân dung Đại Tướng Creighton W. Abraham (1970).

Ông là người sáng lập ra trường phái **Painting in Motion (Họa Động)** và **Thư Pháp Họa**.

*

Sơ Lược Tiểu Sử và Thành Tích của Nhà Thư Họa Vũ Hối

Vũ Hối sinh ngày 22 tháng 11 năm 1932 (Nhâm Thân) tại Tam Kỳ, Quảng Nam.

Ông là họa sĩ, nhà nhiếp ảnh, và cũng là nhà thơ mang bút hiệu là **Hồng Khôi**. Ông nguyên là giáo sư hội họa Trường Trung Học Thủ Đô (Hậu Giang). Ông là Hội Trưởng Thi Văn Đoàn Cao Nguyên; hội viên Trung Tâm Văn Bút Việt Nam và Hội Nhà Văn Việt Nam.

Sau năm 1975, ông bị Cộng Sản Hà Nội bắt giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu và nhà tù Chí Hòa cùng với thi sĩ Vũ Hoàng Chương; rồi bị chuyển đi nhiều trại giam khác.

Ông bị tra tấn hỏng mất một mắt và khi được thả ra thì một chân bị liệt. Nhờ quốc tế can thiệp, năm 1989 Vũ Hối được Cộng Sản Hà Nội phóng thích. Gia đình ông cuối cùng đến được Hoa Kỳ năm 1992.

Hiện nay (2008), toàn bộ đại gia đình con cháu 16 người sống chung dưới cùng một mái nhà tại thành phố Laurel, Maryland.

Ông đoạt Giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế tại Hoa Kỳ, 1963, với sự tham dự của 32 quốc gia, qua tác phẩm “Mộng Hòa Bình” vẽ hình 3 con chim bồ câu trắng và

cô gái có bộ mắt đen mở rộng đầy diễn tả về ước mơ Hòa Bình.

Ông vẽ chân dung của TT. Kennedy và Đại Tướng Creighton W. Abraham.

Triển lãm tác phẩm tại Hoa Kỳ, Pháp, Ý, Anh, Đại Hàn, Phi, và Đức.

Ông được Trung Tâm Vô Tuyến Truyền Hình Columbia mời nói chuyện về Hội Họa và Thi Ca năm 1963.

Ông được nêu tên tuổi trong: Văn Học Tự Điển, Việt Nam Cộng Hòa; Về Vang Dân Tộc II; Tự Điển Danh Nhân Thế Giới ân hành tại Anh năm 1998; 5000 Personalities of the World của American Biographical Institute 2000; Tuyển Tập L'Art d'Écriture, Paris, 1993; Tuyển Tập Thư Đạo của Nhật Bản, 2006.

Được vinh danh về “Tính Sáng Tạo trong Nghệ Thuật” tại Atlanta, 5/11/1994. Được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền trong Nghị Quyết 322.

Tác phẩm đã xuất bản:

- *Mùa Giao Cảm* (Thơ, 1958)
- *Vân Thơ Màu Trắng* (Thơ, 1959)
- *Những Dấu Chân Đi* (truyện ngắn, 1960 và 1963)
- *Chiêm Bao Trở Giác* (Thơ, 1997)
- *Nghìn Thương Đất Mẹ* (Thơ và Thư Họa, 1999)
- *Thơ Nhạc Trong Tranh* (CD, 2000)
- *Chiêm Bao Trở Giác* (CD Thơ, 2003)
- *Mây Ngàn* (Thơ & Thư Họa, Norway 2004)
- *Nghệ Thuật Thư Họa*, 2007



Từ trái: Phan Khâm – Vũ Hối - Đinh Ngô - Nguyễn N. Oánh, Bạch Cúc NTN - Hải Bằng HDB – Nguyễn Thị Ngọc Dung – Hoàng Bạch Mai

Sẽ xuất bản:

- *Tác Phẩm và Tác Giả*

*

Thư Pháp và Khoa Thư Họa là Gì

Thư là chữ viết; pháp là phương pháp hay nghệ thuật. Theo định nghĩa hiện hành thì thư pháp (calligraphy) là nghệ thuật tạo hình cho các dấu một cách khéo léo, hòa điệu, và có diễn tả (calligraphy is the art of giving forms to signs in an expressive, harmonious and skillful manner).

Thư pháp được ghi nhận là đã xuất hiện khoảng 3500 năm trước Công Nguyên và nghệ thuật viết chữ đẹp này đã được dùng viết Thánh Kinh, Kinh Phật, Kinh Koran, và các thiệp mời, v.v.

Nhìn chung, nhân loại ở đâu có chữ viết và có những người có **hoa tay** thì ở đó có nghệ thuật viết chữ đẹp. Thứ chữ nào cũng có thể viết cho đẹp. Nhưng viết cho có hồn thì phải tùy năng khiếu mỗi con người. Khoảng năm 1500 Trước Tây Lịch, người Trung Hoa đã biết thưởng thức nghệ

thuật thư pháp. Nổi tiếng nhất về thư pháp cổ điển Trung Quốc là Vương Hy Chi.

Bàn về “Hoa tay”, nhà biên khảo **BS. Lê Văn Lâm** (Texas) viết trong *Nghệ Thuật Thư Họa*, tr. 11 như sau:

Các cụ Việt Nam mình ngày xưa hay dùng chữ “Hoa tay” để chỉ một người có thiên tài phú bẩm về cách sử dụng bàn tay để vẽ, để viết chữ, để nắm tượng, hay làm bất kỳ việc thủ công nào. Nếu hiểu như vậy thì Vũ Hối rõ ràng là một người có “Hoa tay” và bút vẽ của Vũ Hối là một thứ Bút Họa.

Điều đáng nói hơn cả là cái “Hoa tay” này được cộng thêm với một con mắt nghệ thuật cộng với một trái tim yêu quê hương, và một trí tuệ mãn cảm về Chân, Thiện, Mỹ. Nói ra quý vị đừng cười, tôi đã hỏi Vũ Hối xòe hai bàn tay ra để chính mắt tôi xem xét thì tôi đã đếm đủ 10 cái hoa văn ... từng lần chỉ tay hình tròn ốc trên 10 đầu ngón tay của anh ... Hoa tay đã hiện ra tướng của anh đó.

*

Nói về nhà thư pháp danh tiếng xưa kia của Trung Quốc, tác giả **Đào Đức Chương** viết trong *Nghệ Thuật Thư Họa* [tr. 39] như sau:

*Xưa có **Vương Hy Chi** (303- 361), người thời Đông Tấn, nổi tiếng viết chữ Hán theo lối Hành đẹp nhất nước Trung Hoa. ... Ngày 3 tháng 3 năm 353, Vương Hy Chi (Wang Xi Zhi) cùng Tạ An (Xie An, Tôn Xước, nhóm 10 người tụ tập ở Lan Đình làm thơ ngâm vịnh, gom thành Lan Đình Tập. Bài tự tập thơ này do Vương Hy Chi viết, gồm 28 hàng, 324 chữ, người đời gọi là **Lan Đình Tự**. Nguyên bản thiếp Lan Đình là báu vật của Trung Hoa được vua Đường Thái Tông (627- 649) đưa vào nội phủ. Khi Thái Tông mất, nguyên bản cũng mất.*

Người Ả Rập cũng nổi tiếng về lịch sử thư pháp. Tuy nhiên, các thứ chữ vốn có hình tượng sẵn như chữ Tàu, Nhật, Việt là những loại chữ rất thích hợp cho thư pháp, nghĩa là, những loại chữ đó có nhiều yếu tố giúp làm tăng vẻ đẹp nhờ những dấu giọng hay những đường nét xoắn hoặc ngang.

Nước ta thời trước, những nhân vật nổi tiếng viết chữ đẹp có Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du. Những nhân vật này viết thư pháp bằng chữ Nho hay chữ Nôm.

Vào đầu thế kỷ thứ 20, **nhà thư pháp tiên phong viết chữ quốc ngữ phải kể là thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác**. Ông là người đầu tiên múa ngọn bút lông viết những câu thơ, câu đối bằng chữ quốc ngữ làm cho bừng sáng những tia hy vọng đặt vào tuồng chữ Việt mới thuở sơ khai khi đất nước chuyển mình đoạn tuyệt với loại chữ Nho hay chữ Nôm cổ điển.

Thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác sinh ngày 16 tháng Hai năm 1906, người làng Mỹ Đức, Hà Tiên. Ông mất ngày 25 tháng 3 năm 1969 ngay tại Đại Học Văn Khoa Saigon đang lúc giảng dạy. Tiên tổ cả ông làm kỳ lục cho Mạc Cửu di cư từ Lôi Châu (Quảng Đông) sang VN khoảng 1671. Phu nhân của Đông Hồ là Mộng Tuyết nữ sĩ dòng họ Thái, họ của mẹ Mạc Cửu.

Ông tự cố gắng học để vươn lên và rất yêu quốc văn, đặc biệt là yêu chữ quốc ngữ. Ông mở Trí Đức Học Xá dạy chữ quốc ngữ tại Hà Tiên năm 1926, làm thơ đăng trong Tạp Chí Nam Phong, Trung Bắc Tân Văn, Đông Pháp Thời Báo, Kỳ Lân Báo; xuất bản tập Linh Phượng Tập Lệ Ký (1928), *Thơ Đông Hồ* (1932), *Cô Gái Xuân* (Thơ, 1935),

Hoài Cẩm (1933), *Thăm Đảo Phú Quốc* (1927), *Trinh Trắng* (tuyển thơ, 1961) ...

Ở Việt Nam hiện nay có xuất hiện nhiều nhà thư pháp tài tử như Kiều Văn Tiến (tác giả cuốn *Sự Kỳ Diệu của Chữ Viết Việt Nam Hiện Đại*), Lê Vũ, Tâm Trụ, Trụ Vũ, Tuấn Hải, Văn Long, v.v. Nhà thư pháp Kiều Văn Tiến cho biết một nét về khoa thư pháp tại VN như sau:

Chưa có một tiêu chuẩn nào, một luật định nào để “khâu phục, tâm phục” giữa các nhà thư pháp với nhau.

Kiến thức còn hạn chế hoặc có thành kiến trong việc thưởng thức tác phẩm nghệ thuật, các kiểu chữ viết, - giữa một bộ phận quần chúng với các tác giả thư pháp. [coi Sự Kỳ Diệu của Chữ Viết Việt Nam Hiện Đại, tr. 62]

Thư pháp Việt Nam hiện phần lớn hãy còn lệ thuộc vào tuồng chữ Hán. Các hoạt động thư pháp mới chỉ mở ra được dưới hình thức các câu lạc bộ, chưa có tiếng tăm gì với thế giới.

Các câu lạc bộ thư pháp ở Việt Nam nhìn nhận Đông Hồ là người đầu tiên dùng thư pháp để viết chữ quốc ngữ và chọn ngày 16 tháng 2 là Ngày Truyền Thống Thư Pháp Chữ Quốc Ngữ. Và, đây là mấy vần thơ tình cảm của nhà thơ Đông Hồ:

Mua Áo

Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi
Em đâu còn mặc để đi chơi?
Bán thơ nhân dịp anh ra chợ
Đành gọi anh mua chiếc mới thôi

Trinh Trắng

Mơn mơn dòng thơm lá cỏ thơm
Hồn đêm chưa có dấu sương mơn
Ao tràn mưa ngọt, bờ hoang đại

Bèo nở xinh xinh, cánh nhỏ tròn

*

Riêng với nhà thư pháp Vũ Hối, ông đã dùng những kỹ thuật hội họa để viết chữ Việt sao cho người ngắm có cảm tưởng đó là một bức họa lý thú và vì vậy ông đã đặt tên cho phương pháp viết đó là **Thư Họa**, phỏng dịch sang tiếng Anh là Calligraphy by Painting.

Trả lời cho câu hỏi: “Kỹ thuật viết thư họa như thế nào?”, nhà thư họa Vũ Hối cho biết:

Thật ra gọi là thư pháp. Gọi là thư họa do tôi là họa sĩ. Thư là thư pháp, họa là đưa hội họa vào thư pháp. Có thể gọi là một bức tranh thơ. Nói thật ra tôi rất dốt chữ Nho. Nét chữ của tôi không phải là nét chữ Nho. Có trường dạy viết thư pháp nhưng tôi không chịu lối đó. Việt Nam mình có chữ quốc ngữ riêng, tôi thấy rằng tại sao mình lại không dùng chữ Việt?

Tôi không muốn ảnh hưởng chữ của nước nào hết. Việt Nam phải dùng chữ Việt Nam. Tôi không bắt chước ai, tôi không muốn lai căng. Tôi là người sáng tạo thư họa. Từ năm 1986, lúc còn ở tù, sau giờ lao động, tôi lấy than trong nhà bếp hí hoáy viết những câu ca dao trên thềm cho khuấy khỏa qua ngày đoạn tháng [coi Nghệ Thuật Thư Họa, tr. 73].

Bàn về thư pháp hay thư họa, cũng cần phải nói về các dụng cụ cần bản để người nghệ sĩ múa tay bởi vì dụng cụ là thành phần thiết yếu của bất cứ một bộ môn nghệ thuật nào. Bạn đánh quần vợt giỏi ư? Nếu không có cái vợt vừa tay, ăn ý, thì bạn cũng khó lòng tạo được thành tích vượt bậc. Đời Tam Quốc, Quan Vân Trường không có thanh long đao vừa tay và không có ngựa

Xích Thổ chạy ngàn dặm thì làm sao có thể “vượt năm ải, trăm sáu tướng?”

Dụng Cụ Dùng trong Thư Pháp: Tứ Bảo Quá trình sáng chế ra loại bút viết chữ Nho như thế nào?

Người ta thường nói: “Nghề chơi cũng lắm công phu” nên trong thư pháp cũng phải có những dụng cụ nhất định để viết chữ và được mệnh danh là “văn phòng tứ bảo”, đó là: giấy, bút, mực, và nghiên.

Giấy: có nhiều loại: giấy gòn, giấy báo, giấy A 4, A 3, giấy dó, xuyên chỉ, hồng điều, hoa tiên, vải, và lụa.

Bút: có bút lông Trung Quốc, Hàn Quốc đủ cỡ. Đầu bút tròn, dài, nhọn, và có tính đàn hồi, là bút tốt. Bút viết xong nên ngâm và rửa sạch, lông vuốt cho thẳng ra.

Mực: thối mực Tàu hình chữ nhật, hay tròn, dài, để mài trên nghiên. Dùng mực nước chứa trong chai nhựa cũng tiện. Mực đậm có mùi thơm là mực tốt.

Nghiên: thường làm bằng đá. Khi mài mực, nên thêm nước. Nước mực chứa trong ly hay lọ có nắp đậy.

Khi làm việc - viết chữ - các dụng cụ để bên tay phải. Trước khi viết, nên rửa bút cho thật sạch và vuốt đầu bút cho ráo nước.

*

Nhà biên khảo BS. **Lê Văn Lân** viết trong Nghệ Thuật Thư Họa (tr. 11) của Vũ Hối như sau:

Từ lâu, tôi vẫn hâm mộ và ao ước có dịp gặp anh, và cơ duyên đã làm cho niềm mơ ước của tôi được thỏa mãn. Cách đây hai năm, tôi đã đến thăm xưởng vẽ của Vũ Hối và được anh dùng phương pháp Thư Họa để viết cho tôi một câu thơ ... trước sự yên lặng ngắm nghĩa của tôi. Cảm tưởng của tôi được cô đọng trong câu lục bát sau:

Bấy lâu ước thỏa phút dài
Lặng yên ngắm bút nhả đài nở hoa ...

*Ngày xưa loại bút tre loại cứng để viết loại chữ **Triện** có thể vạch những đường đi hình thể: tròn, hình thuẫn, ngoằn ngoèo nhưng chiều dày của những nét đều bằng nhau. Về sau, ông **Trình Mạo** sáng chế loại bút bằng gỗ mềm, nhưng ngòi bút lại đập thành có xơ chắm vào mực xạ, viết trên mặt giấy lụa. Do đó những hình tròn trở nên vuông, những đường cong trở nên gãy khúc.*

*Rồi đến ông Tướng **Mông Diêm**, trong khi xuất chinh đánh giặc Hung Nô ở Miền Bắc đã sáng chế ra bút lông, mực và giấy. Ngòi bút lông của Mông Diêm đã biến chuyển hẳn lối viết văn tự của Trung Hoa vì ngòi bút lông chỉ có thể vạch xuôi theo chiều của những sợi lông chứ không đi ngược lại vì sẽ làm xóc tóc sợi lông ra. Và lại, giấy hút mực nên có những nét dày, nét mỏng, uốn lượn, sổ xuống, đá lên, hoặc tòe ra như lưỡi mác, hoặc đi vuốt như những lá tre, hoặc nằm tụ lại thành một điểm. Ngòi bút nhảy múa, những nét liên lạc với nhau tạo thành những loại chữ gọi là **Liên Bút Tự**; hoặc cứ ném mình phăng phăng trên mặt giấy tạo thành những nét **Thảo Tự**.*

*Trong lối thư họa của Vũ Hối, ông đã tận dụng ngòi bút lông để viết những chữ đương nhiên là khác hẳn với viết bằng ngòi bút kim loại. Do sự uyển chuyển của ngòi bút lông, phối hợp với con mắt của người họa sĩ yêu đường nét và bút pháp Á Đông, Vũ Hối đã tạo ra nhiều **tự thể**: nào là **Thủy Tự, Hỏa Tự, Trúc Tự, Vân Tự** ... tùy theo nội dung của câu thơ hay câu nói diễn tả trên mặt giấy.*

Thư pháp của Trung Hoa đương nhiên là áp dụng vào những chữ Hán ... còn Thư Họa của Vũ Hối lại chuyển sang áp dụng vào chữ

quốc ngữ Việt Nam nên đường lối trình bày, bố cục đương nhiên là khác biệt. [tr. 13]

Ngày trước, các nhà thư pháp đã nghĩ ra các dạng chữ căn bản để viết cho thích hợp với yêu cầu của hoàn cảnh. Ngày nay, các dạng này vẫn còn được sử dụng và càng ngày càng được cải tiến và mỗi nhà thư pháp có một lối riêng để trình bày.

Các Thể Thư hay Các Dạng Chữ trong Thư Pháp

Các thể thư hay dạng chữ (fonts) căn bản hiện thông dụng trong thư pháp là: **Chân, Hành, Thảo, Triện, Họa**. Mỗi nhà thư pháp tự chọn lấy một hay nhiều dạng kể trên để viết tùy theo sở thích. Các nhà thư pháp lành nghề có thể sáng chế thêm thể thư mới theo cảm hứng của họ.

Chân thư: là dạng chữ có tính chân phương, đơn điệu, dành cho những người mới học viết thư pháp. Đó là những dạng chữ viết đứng, dễ đọc, dễ viết, nhưng cũng rất được nhiều người chuộng vì nét sáng sủa, chữ dễ nhận ra, và bình dị.

Hành thư: là loại chữ viết liên lạc như có vẻ đang di chuyển, thích hợp với những tình ý linh hoạt, yêu đời, vững tin.

Thảo thư: đây là loại chữ viết tháu, viết thảo, viết nháp, thường khó nhận ra chữ ngay mà phải ngắm nghĩ.

Triện thư: là dạng chữ viết dùng cho các loại con dấu (triện). Thường chữ viết được đóng khung trong một ô vuông, tròn, hay chữ nhật.

Họa thư: là dạng chữ mở rộng với các kỹ thuật của khoa hội họa, thường được dùng trong các bức tranh hay bức họa. Chẳng hạn, trong bộ *Sưu Tập Thi-Thư-Ảnh-Họa* có bức tranh vẽ cảnh mùa thu với những bông hoa kết tụ thành hình chữ S

(hình nước Việt Nam) của Vũ Hối, nhà thư họa Vũ Hối đã viết hai câu khiến cho bức tranh tăng thêm giá trị:

**Gom lá phong vàng, thu xứ lạ
Kết vòng chữ S, nhớ quê hương**

Ngoài những dạng chữ, thư pháp và thư họa đòi hỏi phải có kỹ thuật tạo những đường nét đẹp.

Kỹ Thuật Tạo Đường Nét Đẹp trong Thư Pháp và Thư Họa (tr. 39)

Nhìn những tuồng chữ đẹp, người ta đã xuýt xoa, nhưng thứ chữ đó chưa thể gọi là thư pháp. Nhà thư pháp cần phải học và sáng tạo ra những lối viết thể nào để diễn tả hơn và lôi cuốn hơn đối với cảm quan của người ngắm.

Đại cương, thư pháp có mười đường nét căn bản có tên là: **“Đương, Ưc, Đốn, Tỏa, Tri, Hoàn, Túc, Khẩn, Trọng, và Khinh”** mà tác giả **Đào Đức Chương** nêu trong *Nghệ Thuật Thư Họa Vũ Hối* (tr. 37) như sau:

Tôi [tức Đào Đức Chương] ở tù ra, phải đi kinh tế mới ở huyện Bình Long tỉnh Sông Bé, rồi bỏ về Sài Gòn sinh sống. ... Dịp Tết, nhà thơ Hồng Tâm, một đồng hương ở huyện Phù Mỹ đến thăm. Anh trịnh trọng đặt cuộn giấy trên bàn rồi chậm rãi trải ra. Mắt tôi hoa lên. Bức tranh thủy mặc, đường cong sông núi? Không! Vẽ hoa? Cũng không! Ô, đó là chữ viết, viết ở dạng đặc biệt. Viết như vẽ. Đúng thế! Vẽ chữ, Hán văn gọi là Thư Họa.

Tôi đã đọc qua vài tài liệu về thư pháp, đã xem nét Chữ Viết của Đông Hồ. Nhưng lần này, tôi ngây ngất trước bức hoành phi này:

Bút rung xuân động – mùa hoa nở

Hương ngát đời say – ánh nguyệt cười

Mãi say sưa ngắm từng nét, từng chữ; hỏi lâu tôi mới hỏi đến xuất xứ. Được biết **Hồng Tâm** làm câu đối, nhờ Vũ Hối viết, mang đến tặng tôi trong dịp đầu Xuân. Cảm xúc tốt cùng trước tác phẩm có sự đồng góp của hai người và bài phục nét bút **Vũ Hối**, tôi hứng khẩu câu đối:

Tứ thơ kết tụ say thần bút Hồng, Vũ tương phùng dậy thánh nhân

Thật vậy, ngày xưa **Tô Thức** (1036-1101) người tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa, mới 20 tuổi đậu Tiến Sĩ, giỏi thư pháp, nổi tiếng viết chữ đẹp. Đời Tống Thần Tông (1068 – 1085), Tế Vương An Thạch làm nhiều việc táo bạo. Tô Thức (Su Shi) thuộc nhóm Cựu đảng, phản đối chính sách cải cách. Ông bị cách chức và lưu đày ra đất Hoàng Châu (nay là Hoàng Giang, Hồ Bắc), ở sườn núi phía đông nên đặt hiệu là Đông Pha Cư Sĩ. Người đời gọi là **Tô Đông Pha** (Su Dong Po). Sau được tha, trên đường về từ Hoàng Châu về Bắc Kinh, mỗi trạm dừng chân nghỉ đêm, dân chúng sắp hàng từ sáng sớm để đón ông và xin ông cho được thủ bút lưu niệm. Ở mỗi trạm có hàng ngàn người chờ đợi. Ông chỉ kịp viết cho mỗi người một chữ, thế mà đêm nào cũng đến khuya mới xong. ...

Đấy, xưa nay người ta quan niệm Thư Pháp (calligraphy) không chỉ đơn thuần nghệ thuật mà chính là **Đạo**. Người Tàu nói Thư Pháp là **Giả Đạo**; ở Nhật gọi là **Thư Đạo**. Từ đời Hán, thư pháp được liệt vào giáo khoa với lý luận bài bản, gọi là **Thư Học**. Ở nước ta, các chữ Hán như Thần, Phật, ... được viết đại tự, thờ ở đình,

chùa, miếu. Những người viết chữ đẹp được tôn sùng như bậc thánh nhân. ...

Nhìn bài thơ anh [Vũ Hối] viết, tôi thấy đủ 10 hình thái trong luật thư pháp. Từ nét **Dương** đã lên: bút lực anh mạnh mẽ, ngang tàng. Ưc là nét nhấn xuống: sắc cạnh như một thanh gươm. **Đôn** là nét dè dặt: đường bút của anh không chút ngập ngừng, rụt rè. **Tỏa** là nét hạ xuống: nhẹ nhàng như cánh chim sà bãi đáp. **Tri** là nét chậm rãi: anh biểu lộ sự khoan thai. **Hoàn** là nét trả: điêu luyện như thân rồng uốn khúc. **Tốc** là nhanh: anh phóng bút nhanh như lằn chớp giữa trời không. **Khẩn** là nét vội vã và gấp gáp: tầm bút anh không bao giờ quá đà, đuối sức. **Trọng** là nét nặng: anh dùng cho dấu nặng và tận cùng của nét nhấn, tựa hồ như quả tạ ngàn cân. **Khinh** là nét nhẹ phớt: ở cuối chữ, anh kéo dài tầm bút nhạt dần như dải tơ trời mất hút ở cuối trời xa. Tôi biết anh dùng thư lụa viết bài thơ tôi, anh vì tình tri kỷ mà cảm xúc tốt cùng:

Hoa tiên sông núi rồng bay lượn Dòng chữ tâm tình gửi bạn thăm

Anh đã đạt đến độ **Tâm Bút Hợp Nhất**. Khoảnh khắc đó, từ ngữ thư pháp gọi là **Xuất Thần**. ...

Xưa có **Vương Hy Chi** (303- 361) người thời Đông Tấn, nổi tiếng viết chữ Hán theo lối Hành đẹp nhất nước Trung Hoa, được người đời tôn: "**Thiên hạ đệ nhất hành thư**". ...

Với Vũ Hối cũng thế, trước anh có vài người đem thư pháp vào chữ Việt như Đông Hồ, Trạ Vũ. Nhưng phải đợi đến Vũ Hối sáng lập phái Thư Họa, mới phô bày hết cái tinh hoa vào thư pháp chữ Việt.

Hiện nay có nhiều người theo lối thư họa của anh, như Song Nguyên, Phương Nam, nhưng chỉ đạt được dạng tự; còn thân tự thì không thể so sánh bằng anh được.

Mặc dầu phong trào thư pháp chữ Việt đang lên [2001], xuất hiện nhiều cây bút tài hoa như Chính Văn, Mặc Vị Nhân, Thanh Sơn, Tuấn Hải, Y Sa, mỗi người mỗi vẻ, nhưng thư họa Vũ Hối vẫn có giá trị lịch sử như thiếp Lan Đình Tự của Trung Hoa.

Nhân vì Vũ Hối vốn xuất thân từ đất Quảng Nam, nhà thơ Đào Đức chương cũng nhắc đến sự kiện Quảng Nam nổi tiếng với 5 ngọn núi được gọi là Ngũ Hành Sơn và có tên là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và Quảng Nam được tin là nơi “địa linh, nhân kiệt” sản xuất nhiều nhân tài, trong đó nổi tiếng có “Ngũ Phụng Tề Phi”:

Khoa Mậu Tuất (1898), niên hiệu Thành Thái Thứ 10, tỉnh Quảng Nam có 5 người đỗ Đại Khoa được phong danh hiệu: “Ngũ Phụng Tề Phi”, gồm:

Phan Liệu: người xã Trừng Giang, Diên Phước, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 26 tuổi.

Phan Quang: người xã Phước Sơn, huyện Quế Sơn, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 26 tuổi.

Phạm Tuấn: người xã Xuân Đài, huyện Diên Phước, đỗ Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ lúc 47 tuổi.

Ngô Tuấn: người xã Cẩm Sa, huyện Diên Phước, đỗ Phó Bảng lúc 26 tuổi.

Dương Hiến Tiến: người xã Cẩm Lâu, huyện Diên Phước, đậu Phó Bảng lúc 33 tuổi.

Nhà thơ Đào Đức Chương kết luận:

Quảng Nam đại khoa cùng lúc đến 5 người; trường phái Thư Họa nay có Vũ Hối

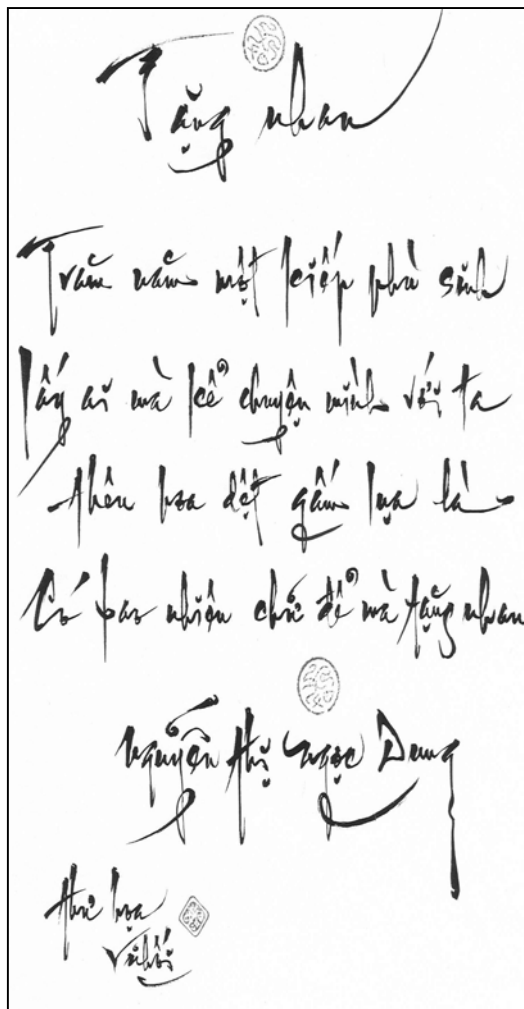
khởi xướng. Xin tặng anh và xứ Quảng địa linh nhân kiệt câu đối:

Ngũ Phụng dâng khoa còn vọng tiếng
Nhất danh thư họa mãi ngời tâm

*

[Xin coi tiếp phần hai đăng kỳ tới]

Hải Bằng.HDB
(Arizona)



VINH BÚC DƯ ĐỒ RÁCH

Nọ bức dư đồ thử đứng coi
Sông sông núi núi khéo bia cười
Diết bao lúc mới công vờn vẽ
Sao đến bây giờ rách tả tơi!
Ấy trước ông cha mua để lại
Mà nay con cháu lấy làm chơi
Thôi thôi chờ trách chi đàn trẻ
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi

TẢN ĐÀ N.K.H.

Hà Nội, 1937

Họa vịnh CẢNH QUÊ

Mê lá thư nhà ngao ngán coi
Cảnh quê chua xót, tất môi cười
Lang thang ngõ tối đôi chân gõ
Lặn lội xóm nghèo manh áo tơi
Tầu quán tràn đầy loài bóc lột
Trà đình huyền ảo giống ăn chơi
Thương thay con trẻ lều xiêu vẹo
Đất nước ai lo chuyện đường bồi?

N. T. NGỌC DUNG

Virginia 07/16/08

Họa vịnh VIỆT NAM BÊN BỜ VỰC THẨM

Giờ tám bản đồ nước Việt coi
Hình cong chữ S: khó mà cười!
Quê hương gấm vóc xưa liền lạc;
Đất nước tranh giành hiện rách tơi!
Bản Giốc còn đâu (!), khôn lấy lại!
Hoàng Sa mất dấu dễ như chơi!
Việt gian Cộng Sản đang tàn phá
Dân tộc lâm than khó đáp bồi!

HỒ CÔNG TÂM

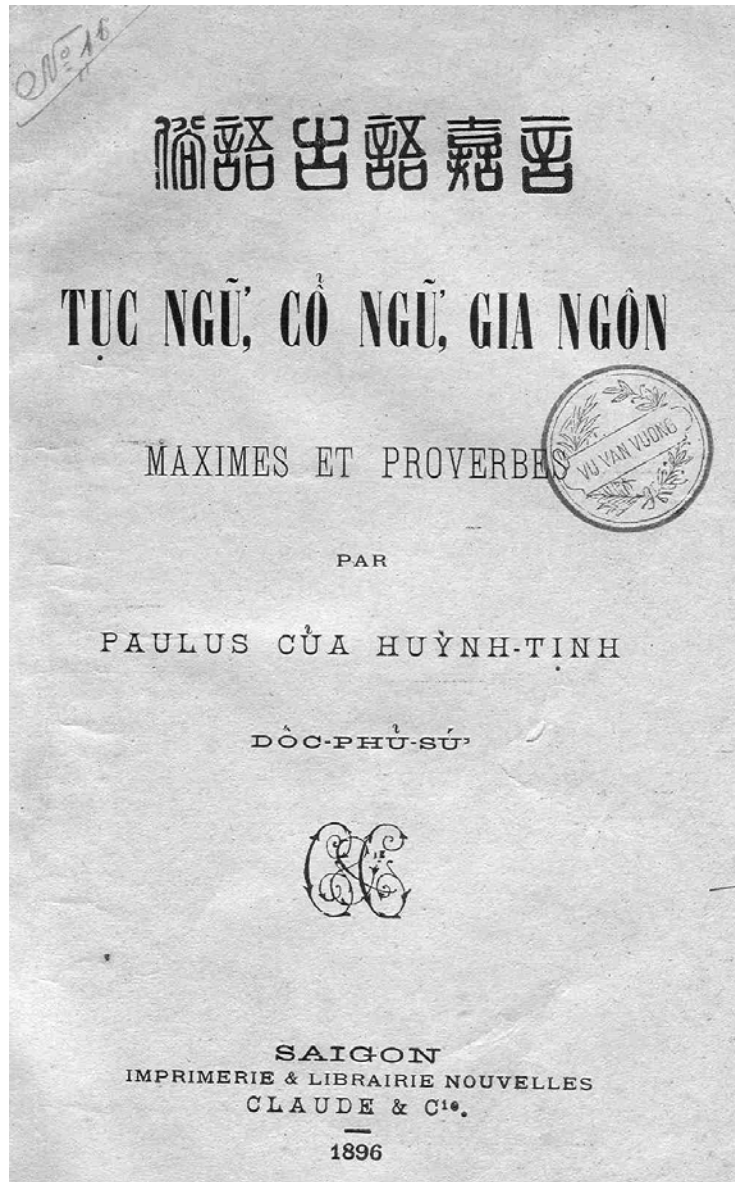
Austin, July 14, 2008

Họa vịnh ÁO GẤM VỀ LÀNG

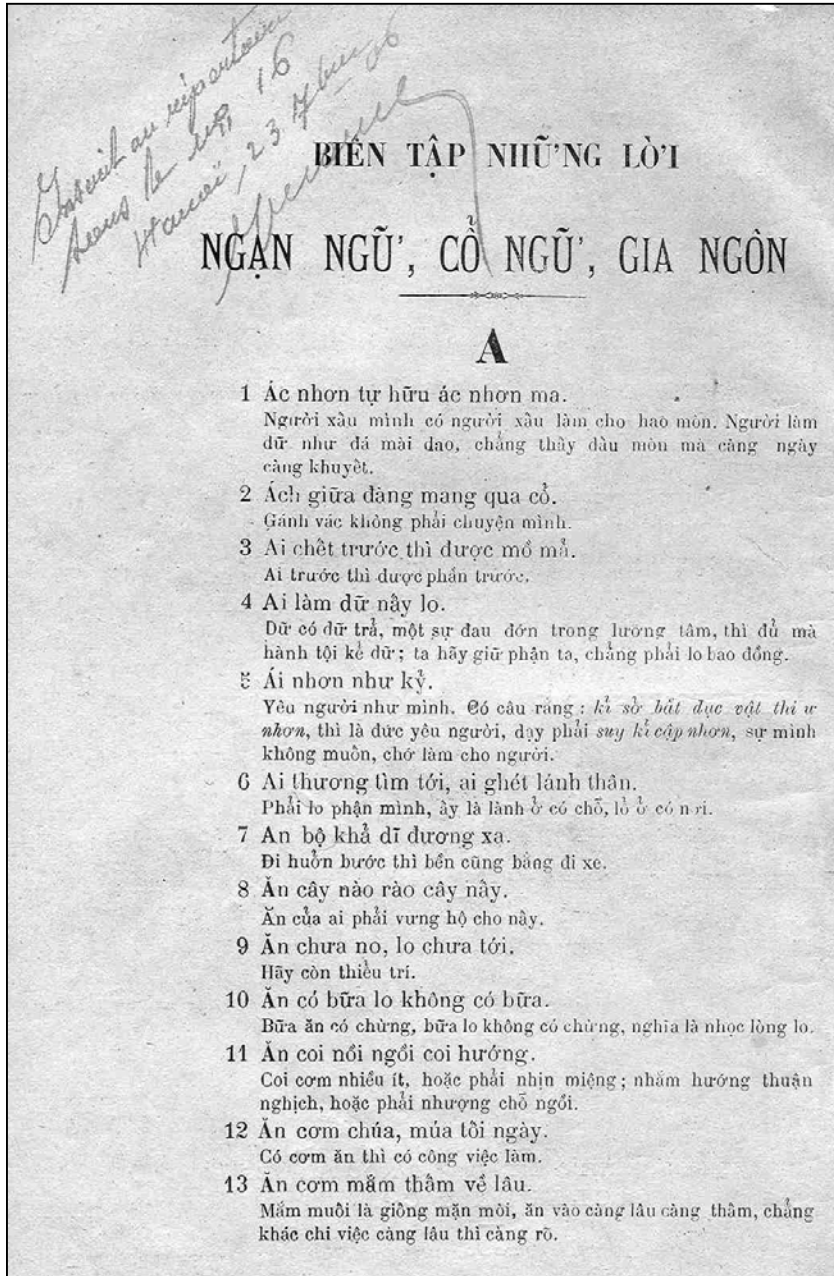
“Việt kiều yêu nước” đóng vai coi
Tiền bạc vung ra đổi trận cười
Quên tháng năm “cày” buồn héo hát
Hương giây phút “hết” sướng mê tơi
Chẳng màng kiếp khổ bao người sống
Chỉ kiếm nơi vui lắm kẻ chơi
Đám bữa huy hoàng rồi cạn “láng”
Trở về “lao động” lại làm... “bồi”!

TÂM MINH

Virginia, 10/2008



Trang 1. quyển **CỔ NGŨ – TỤC NGŨ** của Học Giả **HUỲNH TINH CỦA** in tại Sài Gòn 1896 (Sở hữu Cổ Thơm). Ông sinh năm 1854, mất năm 1907. Người tỉnh Bà Rịa, Nam Việt, làm chức Đốc Phủ Sứ, biên tập viên Gia Định Báo. Tác giả các sách: *Chuyện Buồn I* (1880); *Chuyện Buồn II* (1885); *Đại Nam Quốc âm Tự Vị*....



Trang 2, *Cổ Ngữ – Tục Ngữ* của Paulus Huỳnh Tịnh Của.

DÒNG LỆ SỬ

DUYÊN VIỆT - TÌNH CHIÊM

Lê Thương Thương (Lê Thương)

Trải qua 703 năm (từ năm 1306 đến năm 2009) trong chiều dài của trang sử Việt, có lẽ thiên tình sử “Duyên Việt-Tình Chiêm” là một bi kịch tình sử đã làm tổn nhiều giấy mực cho giới văn nhân thi sĩ.

Thật vậy, qua bài học “Trọng Thủy-My Châu”, người Việt xưa kia rất bảo thủ trong việc gả con gái cho người dị chủng nên dân gian có hai câu ca dao chê trách cuộc hôn nhân này:

*Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.*

Cây quế đây ví Huyền Trân công chúa, còn thằng Mán, thằng Mường ám chỉ vua Chiêm Thành Chế Mân. Dân tộc Việt xưa nay vẫn coi dân tộc Chiêm Thành là một giống dân man rợ, lạc hậu, kém văn minh. Nhưng người hiểu rõ lợi ích của cuộc hôn nhân này hơn hết là Thái Thượng Hoàng Trần Nhân Tông và vua Trần Anh Tông.

Sau khi đánh đuổi được quân xâm lăng Mông Cổ ra khỏi bờ cõi, vua Trần Nhân Tông nhường ngôi lại cho con là thái tử Thuyên, tức vua Trần Anh Tông rồi về ẩn tu ở Yên Tử Sơn, Quảng Yên. Vào năm 1301, nhân dịp phái đoàn Chiêm Thành sang nước ta kết giao, Thái Thượng Hoàng Nhân Tông theo phái đoàn sang thăm xã giao Chiêm quốc. Sau chín tháng thăm viếng danh lam thắng cảnh nước Chiêm thì Nhân Tông tạ từ vua Chiêm để về nước. Trong buổi lễ tiễn đưa, Chiêm vương là Chế Mân

có ngỏ ý muốn xin cưới công chúa Huyền Trân về làm hoàng hậu vì từ lâu Chế Mân được nghe tiếng Huyền Trân là một bậc sắc nước hương trời. Trước lời mớm ý của Chiêm vương, Nhân Tông có hứa sẽ gả con gái của mình cho vua Chiêm. Khi thốt ra lời hứa, trong thâm tâm Thái Thượng Hoàng nghĩ đến hai điều lợi ích cho tổ quốc là đổi lấy được Châu Ô và Châu Lý (hai châu này nằm về phía nam Quảng Trị và phía bắc Quảng Nam ngày nay) và kết tình thông giao với Chiêm quốc vì nước Việt Nam ta xưa nay vẫn “lưỡng đầu thọ địch”. Phía bắc thì bị nước Tàu luôn luôn lăm le xâm lăng, phía nam thì thường bị quân Chiêm Thành quấy nhiễu. Nếu kết thân được với Chiêm quốc thì ta chỉ còn lo đối phó với phương bắc mà thôi.

Thế theo lời hứa của Nhân Tông, qua năm sau Chế Mân cho sứ mang lễ vật sang để cầu hôn. Vua Anh Tông bèn cho họp quần thần để tham khảo ý kiến. Nhưng việc gả con gái cho người dị chủng là điều tối kỵ đối với dân tộc Việt Nam ta lúc đó, nhất là gả con vua cho người mà dân tộc ta xưa nay vẫn xem thường lại càng không thể chấp nhận được nên bị quần thần và dân gian phản đối qua các câu ca dao:

*Tiếc thay cây quế giữa rừng,
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.
Con vua mà gả thằng Mèo,
Nó dẫn qua đèo cũng rán đi theo!*

Trước sự phản đối của quần thần và quốc dân, vua Anh Tông phải lên Yên Tử Sơn để thỉnh ý Thái Thượng Hoàng. Thái Thượng Hoàng khuyên Anh Tông về thảo luận lại với quần thần và nên đặt quyền lợi

quốc gia lên trên hết. Để có thời gian thương thảo, vua Anh Tôn phải đình hoãn việc cầu hôn của vua Chiêm thêm một thời gian. Ba năm sau, Chiêm vương lại phái sứ sang nước ta để cầu hôn lần nữa với lễ vật là Châu Ô và Châu Lý. Lần này, vua Anh Tôn nhớ lời Thái Thượng Hoàng khuyên nên nhận lời. Tuy nhiên, “Duyên Việt-Tình Chiêm” không đơn giản như người ta tưởng vì Huyền Trân công chúa đã trao con tim cho chàng trai tuấn tú Trần Khắc Chung. Trần Khắc Chung tên thật là Trần Đức Chung, con của Tá Thiên Vương Trần Đức Việp (chú ruột của vua Anh Tôn) với một người cung nữ. Chung không những khôi ngô mà lại còn thông minh, học giỏi. Năm 16 tuổi đã đỗ tú tài, năm 17 tuổi được phong chức Nhập Nội Hữu Tùng Quan, có nhiệm vụ đọc và giảng sách cho thái hậu, hoàng hậu và các công chúa... Năm 24 tuổi, Chung được vua Anh Tôn cử đi theo phái bộ của chánh sứ Trương Hán Siêu sang Trung Hoa. Trong thời gian ở Trung Quốc, Chung học được nghề thêu của quan đại phu nước Tàu tên Trần Khắc Long. Kể từ đó, tên Trần Đức Chung được đổi thành Trần Khắc Chung theo giao ước của Trần Khắc Long trước khi truyền nghề. Khi về nước, Trần Khắc Chung được cử vào cung dạy thêu thùa cho các công chúa, trong đó có Huyền Trân. Mọi tình của đôi trai tài gái sắc đang độ mặn nồng thì công chúa Huyền Trân phải vâng lệnh cha và anh về làm dâu Chiêm quốc. Chung cũng đành ngậm đắng nuốt cay tiễn đưa người yêu đi lấy chồng, còn Huyền Trân cũng khóc hết nước mắt cho mối tình ngang trái của mình. Để khóc cho duyên bể bèo, Huyền Trân có làm một bài thơ theo điệu Nam Bình:

*Nước non ngàn dặm ra đi,
Mối tình chi!
Mượn màu sơn phấn,
Đền nợ Ô, Lý.*

*Xót thay vì,
Đương độ xuân thì,
Số lao đao hay là nợ duyên gì?
Má hồng da tuyết,
Cũng như liễu hoa tàn trắng khuyết.
Vàng lộn thau chì,
Khúc ly ca, sao còn mừng tượng nghe gì.
Thấy chim hồng nhạn bay đi,
Tình lai láng,
Hương dương hoa quỳ.
Dẫn một lời Mân quân:
Như chuyện mà như nguyện,
Đặng vài phân,
Tình đem lại mà cân,
Đắng cay muôn phần!*

Tháng 6 mùa hạ năm Bình Ngô 1306, Huyền Trân lên xe hoa về làm dâu Chiêm quốc nhưng bất hạnh thay, cuộc hôn nhân “Duyên Việt-Tình Chiêm” chỉ kéo dài được khoảng một năm thì đến tháng 5 năm Đinh Mùi 1307, Chiêm vương Chế Mân bị chết “bất đắc kỳ tử”. Triều đình nước Chiêm tôn Chế A Đà Ba lên ngôi kế vị quốc vương Chế Mân. Theo tục lệ Chiêm Thành, khi nhà vua băng hà thì đúng một năm sau hoàng hậu cũng được hỏa thiêu để chết theo nhà vua. Vì thế, khi được tin Chế Mân băng hà, Huyền Trân sắp lên đàn hỏa, vua Anh Tôn vội họp quần thần để bàn kế cứu em gái mình. Để giữ thể diện quốc gia và giữ hòa khí với Chiêm quốc, vua Anh Tôn đề nghị không nên dùng bạo lực chiến tranh để cứu Huyền Trân mà chỉ nên dùng kế bắt cóc Huyền Trân mà thôi. Theo kế hoạch, Phạm Ngũ Lão giữ nhiệm vụ tập trận giả để che mắt quân Chiêm, còn Đề Đốc Trần Đăng Long cùng phó Thủy Sư Lê Trung Nhiên có nhiệm vụ dẫn 100 chiến thuyền, giương cờ đen, giả dạng làm giặc cướp biển Tàu Ô để bắt cóc hoàng hậu Huyền Trân. Trong kế hoạch này Trần Khắc Chung cũng tình nguyện tham gia để cứu người yêu. Kế

hoạch dự thảo xong, Trần Khắc Chung và Đặng Thiệu được cử đi phúng điếu nước Chiêm. Trong thời gian lưu lại ở Chiêm Thành để làm nghi thức phúng điếu, Chung nhỏ to với vua Chiêm là nên để Chiêm hoàng hậu Huyền Trân được hóa thiêu ở một nơi thanh vắng ngoài hải đảo hầu Chiêm hậu được thăng hà theo quốc vương Chế Mân một cách yên tĩnh, bình thản. Vua Chiêm Chế A Đà Ba nghe êm tai, không một chút nghi ngờ nên chấp thuận đề nghị của Chung, rồi truyền lệnh cho pháp y và quan khâm giám cùng Chung soạn thảo nghi thức hỏa thiêu. Hòn đảo Chuk Mui nằm trong quần đảo Knor Knour ngoài khơi kinh đô Đồ Bàn (Kinh đô của Chiêm quốc thuở ấy là thành Đồ Bàn ở Bình Định) được chọn làm nơi hỏa thiêu Chiêm hậu. Soạn thảo xong nghi thức hành lễ, Trần Khắc Chung vội vã cáo biệt để về nước. Khi về đến biên giới Việt, Chung liền cho quân lính thay đổi y phục, giả dạng giặc biên Tàu Ô, lên thuyền rẽ sóng hướng về hải phận Chiêm Thành.

Tới ngày hành lễ, thuyền của 5 vị pháp y Chiêm dẫn đầu với khói hương nghi ngút, theo sau là long thuyền của Chiêm hậu Huyền Trân, sau cùng là đoàn thuyền hộ tống của quân Chiêm. Tới chập choạng tối thì buổi lễ bắt đầu, đang lúc các vị pháp sư Chiêm chuẩn bị nghi thức hỏa thiêu chiếc long thuyền của hoàng hậu thì Trần Khắc Chung huy động quân sĩ trên các thuyền Việt ào ào lướt sóng xông vào long thuyền bắt cóc Huyền Trân. Trong khi đó, 100 chiến thuyền giả dạng bọn cướp biên Tàu Ô do Đô Đốc Trần Đăng Long chỉ huy vây chặt đoàn thuyền của quân Chiêm rồi đánh đắm và giết tất cả quân Chiêm cùng 5 vị pháp sư, không chừa một ai sống sót để bịt miệng phi tang.

Theo kế hoạch, sau khi cứu được Huyền Trân, Trần Khắc Chung sẽ đưa

Huyền Trân ra ngoài các đảo ở vịnh Hạ Long trong một thời gian để che mắt sự do thám của Chiêm Thành. Sau hơn một năm, Trần Khắc Chung mới đưa Huyền Trân về Thăng Long, và vì để Huyền Trân sống ngoài hải đảo quá lâu với mình nên Trần Khắc Chung bị mang tiếng qua câu ca dao:

*Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục lại vẫn lừa rom.*

Trong hai câu ca dao trên, “hạt gạo trắng ngần” ví Huyền Trân công chúa; còn “nước đục” ám chỉ Chiêm vương Chế Mân; và “lừa rom” ám chỉ Trần Khắc Chung. Có nhiều người bênh vực Khắc Chung, cho rằng Chung bị hàm oan. Thật sự Chung có bị oan hay không thì chỉ có Khắc Chung và Huyền Trân biết mà thôi. Ở đời, “Chí lớn của kẻ làm trai chưa không đầy trong đôi mắt giai nhân” cho nên trong tình trường, con người ta có thể từ bỏ tất cả, kể cả tiền tài, danh vọng để đi theo tiếng gọi của con tim thì Khắc Chung cũng có thể không thoát khỏi điều này.

Duy, chỉ tội nghiệp cho dân tộc Chiêm Thành mà thôi, vừa bị mất đất, vừa bị mất người mà còn bị khinh rẻ nữa. Không những bị khinh rẻ mà dân tộc Chiêm Thành còn bị dân tộc ta lấn dần cho đến khi Chiêm quốc hoàn toàn bị xóa tên trên bản đồ. Dân tộc Chiêm Thành lập quốc vào thế kỷ thứ 2, lãnh thổ chạy dài từ mũi Hoàn Sơn ở Quảng Bình cho đến đồng bằng Phan Rang-Phan Rí, kinh đô là thành Đồ Bàn (Vijaya) ở Bình Định. Thành Đồ Bàn bị thất thủ vào năm 1471 trước sức tấn công của quân binh Việt Nam ta trên đà Nam Tiến. Trong suốt 17 thế kỷ dựng nước và giữ nước, cố đày lui cuộc Nam Tiến của Việt Nam nhưng cuối cùng Chiêm quốc cũng bị xóa tên trên bản đồ thế giới vào năm 1832. Tuy đất nước bị xóa tên trên bản đồ, tuy dân tộc bị diệt chủng, người Chiêm Thành cũng còn

để lại một chuỗi vết tích lịch sử nằm ngổn ngang, hoang phế trên mảnh đất Miền Trung Việt Nam trong đó có những di tích một thời của nền văn minh Champa, đó là những kiến trúc đồ sộ như tháp Yang Mum ở Kontum hay tháp Po Klaong Garai ở Phan Rang.

Nhìn lại dòng lịch sử Việt Nam, tiền nhân ta từ các triều đại Trần, Lê, Lý, rồi đến Nguyễn, Tây Sơn khi mở mang bờ cõi tiến lên phía bắc thì gặp anh không lồ Trung Hoa, còn tiến về hướng tây thì đụng phải dãy Trường Sơn hiểm trở khó tiến qua Ai Lao nên chỉ có con đường duy nhất là tiến về phía nam vì Nam Tiến thì thủy hay bộ đường nào tương đối cũng dễ đi cả do đó mà cuộc Nam Tiến của ta đã xóa bỏ bản đồ Chiêm quốc từ Quảng Bình cho đến Phan Rang, Phan Rí và từ Phan Thiết ta lại lần dần cho đến Mũi Cà Mau, vốn là phần đất của Cao Miên ngày xưa.

Nhắc lại lịch sử mở mang bờ cõi, kẻ viết bài này còn nhớ được bốn câu thơ khi còn đang học ở Đại Học Sư Phạm Sài Gòn đã được nghe một vị giáo sư ngâm trong một bài giảng về văn chương. Theo giáo sư, bốn câu thơ này của một thi sĩ tiền chiến Miền Nam (mà kẻ viết bài này đã quên tên tác giả của bài thơ) gởi cho Xuân Diệu khi Xuân Diệu vào Nam và sắp sửa trở về Bắc, lúc đó vào khoảng trước năm 1945:

*Ai về cõi Bắc cho ta gởi,
Tất cả lòng thương giống Lạc Hồng.
Từ thuở mang gươm đi mở cõi,
Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long.*

Theo địa lý nhân văn, Miền Trung và Miền Nam nước Việt là đất của Chiêm Thành và Cao Miên ngày xưa. Thuở ấy ta gọi dân tộc Chiêm Thành là Chăm hay Hời, còn người Miền Nam gọi họ là Chà Châu Giang. Trước cảnh diệt vong của Chiêm quốc, một số người Việt cũng thấy thương

hại dùm cho một dân tộc Chiêm Thành bất hạnh cho nên nhà thơ Bằng Bá Lân trong “Bài Ca Xứ Huế” cũng đã khóc, khóc cho Huyền Trân hay khóc cho nước non Chiêm:
*Chiều mưa trong thôn Vĩ Dạ,
Giọng ca Nam Bình rí rả.
Hòa cùng giọt ba tiêu lã chã,
Khóc Huyền Trân hay khóc nước non Chiêm?*

Riêng nhà thơ Chế Lan Viên, tác giả tập thơ “Điều Tàn”, xuất bản năm 1937, lúc đó nhà thơ chỉ mới có 17 tuổi, tên thật là Phan Ngọc Hoan, sinh ngày 14-11-1920 trong một gia đình viên chức ở Cam Lộ, Đông Hà, Quảng Trị. Người ta không hiểu tại sao nhà thơ lại lấy bút hiệu mang họ Chế (Họ của dân tộc Chiêm Thành) và mang tình cảm giống dân Hời mà chỉ thấy rằng trong tập thơ “Điều Tàn” bài nào nói về Tháp, về nước non Hời cũng đều hay cả, có thể nói là hay nhất trong toàn tập. Nhà thơ đã than oán tiếng than của dân tộc Hời dùm cho họ mà khi đọc lên ta cảm thấy lạnh lạnh trong người tưởng chừng như nghe những tiếng oán than thảm thiết của những hồn ma Hời:

*Một ngày biếc thị thành tôi rời bỏ,
Trở về thăm dân tộc nước non Hời.
Hay:
Bên tháp vắng, còn người thi sĩ Hời,
Sao không lên tiếng hát đi người ơi?
Mà buồn bã âu sầu trong đêm tối,
Người vẫn nằm há miệng đớp sao rơi,
Hay hận xưa muôn thuở vẫn chưa nguôi.
Hay lãnh đạm, Hời không về tháp cũ,
Hay xuân sang, Chiêm nữ chẳng vui cười?*

Lê Thương Thương

(Lê Thương)

Richmond – Virginia 10-2008



Chúa Giáng Sinh, tranh **VŨ THÁI HÒA** một trong những bức tranh triển lãm tại Galerie de l'Éden, 66 Rue Gambetta, Romilly Sur Seine, từ 13 tháng 12, 2008 đến 4 tháng 1, 2009.

**THÔN NAM
SƠN TIỂU KHỆ**

Nhàn thân nam bắc phiến vân khinh,
Bán chằm thanh phong thể ngoại tình.
Phật giới thanh u, trần giới viễn,
Đình tiên phún huyết nhất oanh minh.

CHU VĂN AN

**TẠM NGHỈ
NÚI THÔN NAM**

Thân nhàn nam bắc áng mây trôi,
Bên gối gió qua, nhẹ việc đời.
Cõi Phật thanh u, xa cõi tục
Trước sân hoa đỏ, tiếng oanh vui.

TÂM MINH dịch

Cô Kiều Hỡi Phạm Quỳnh

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ 4

Tại nói tiếp đến vấn đề tuyên truyền cho truyện Kiều : từ khi Phạm Quỳnh ở Pháp về (1923), do sự khích lệ của ông, tờ Nam Phong trở nên một diễn đàn thường xuyên bàn luận về truyện Kiều. Giá trị nghệ thuật văn chương truyện Kiều nhờ đó được khai triển hơn nữa, nhất là qua ngòi bút phân tích của giới trí thức trẻ như Vũ Đình Long, Nguyễn Tường Tam.. . Nhóm này còn tiến xa hơn ông chủ bút về chuyện tán dương luân lý, đạo đức của cô Kiều. Tuy nhiên, không phải ai cũng đồng ý như thế, trong giới cựu học như Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đôn Phục thì lại lên án cô Kiều rất gắt, và sợ cho cái ảnh hưởng xấu của nó trong xã hội.

Lời cảnh cáo của hai nhà cựu học, bình bút của Nam Phong không phải Phạm Quỳnh không lưu ý, nhưng ông vẫn nghĩ rằng ngày nay, người ta không thể đứng ở quan điểm "văn dĩ tải đạo", dựa vào giáo điều đạo đức khe khắt của Khổng Mạnh xưa để phê bình một tác phẩm văn chương ; hướng chi dưới con mắt của Phạm Quỳnh truyện Kiều là một "tác phẩm mỹ thuật", đã gây được "mỹ cảm" trong khắp các tầng lớp quốc dân ta, "ai cũng chịu là hay".

Theo họ Phạm, đã gọi là mỹ thuật, là đẹp thì "trong cái đẹp tức đã gồm một sự ích lợi cao thượng, vì người ta cảm sự đẹp, dường như thấy phẩm cách mình cao hơn lên.. ". Như thế, "cái thú của mỹ thuật phải là cái thú chính đại quang minh .. cái thích của mỹ thuật phải là cái thích cao thượng." (Đẹp Là Gì, 1917, T.C.V.T. I).

Cứ xem trong dân gian, vào những ngày hội hè hát xướng, trai gái nhìn Kiều bằng một nhãn quan đầy "mỹ cảm" như thế nào, thì đủ rõ :

Thúy Kiều là bạc bố kinh

Chàng Kim cũng bạc trâm anh con nhà

Có đâu ép liễu nài hoa

Có đâu tang bộc như là ai kia.

Bởi chưng gia biến trăm bề

Bán mình trăm lạng đền ghì muôn chung

Dở dang duyên phận vợ chồng

Đó là bởi tại tơ hồng cột trêu .. "

(**Tài liệu:** Truyện Kiều với Tết Trung Thu, Vũ Văn Kính, Làng Văn, 9-1986)

Thế nên truyện Kiều không phải là một truyện tội bại, có thể đưa con người ta vào đường trụy lạc.

Và bấy giờ Phạm Quỳnh chỉ còn nhìn thấy cái kết quả hiển nhiên trước mắt là ông đã gây được một phong trào viết văn quốc ngữ như ông vẫn thường hô hào, nhất là khi đã lôi cuốn được giới trí thức

trở về với văn hoá dân tộc. Văn chương Kiều còn là "cái mẫu rất tốt" để luyện văn quốc ngữ như Nguyễn Tường Tam đã nhận xét (Nam Phong số 79, tháng 2-1924).

Phạm Quỳnh lại vừa có thêm một tin vui, là việc tranh đấu của ông cho vấn đề giáo dục trước đây tại Việt Nam và mới rồi tại Pháp quốc, đã có kết quả tốt: "Tháng 7, giám đốc Học chính mời Phạm Quỳnh vào nói chuyện, báo tin việc thành lập một bậc tiểu học Việt Nam như ông vẫn từng đòi hỏi", "cùng việc lập ra một khoa Hán-Việt để Phạm Quỳnh giảng dạy" (Tài liệu : Lịch Sử Văn Học Việt Nam, Phạm Thế Ngũ).

Bằng ấy dữ kiện đã làm cho Phạm Quỳnh phấn khởi, tin tưởng ở tương lai tươi sáng của nước nhà. Nhất là mấy năm nay Phạm Quỳnh đã phải luôn luôn sống trong tinh thần căng thẳng, hết tranh đấu việc này lại đối phó, lo toan việc nọ ; liều lĩnh nhất là hồi năm ngoái (1922), nhân dịp được tháp tùng vua Khải Định sang Pháp dự Đấu xảo Thuộc địa ở Marseille, Phạm Quỳnh đã lợi dụng cơ hội hiếm có này, lên Paris, tự cậy cục, vận động để được bốn lần đăng đàn diễn thuyết trước những vị học vấn chính trị cao trọng nhất của nước Pháp. Nào phải để mua danh chuốc tước, mà cốt khoa trương lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá Việt Nam cho người Pháp phải nể dân mình ; từ đó Phạm Quỳnh đòi hỏi họ phải bãi bỏ cái ách "giáo dục đồng hoá" để cho dân ta được hưởng một chế độ giáo dục mới, vừa thấm thái được cái học thuật văn minh tiến bộ

của người, mà vẫn giữ được truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc.

Trước ban luân lý chính trị của Viện Hàn Lâm Pháp, Phạm Quỳnh đã gióng giả biện thuyết:

"Dân Việt Nam chúng tôi không thể ví như một tờ giấy trắng được dàu. Chúng tôi là một quyển sách đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai đã mấy thế kỷ nay. Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp với thời trang, nhưng không thể đem một thứ chữ ngoài in lên những dòng chữ cũ được. Vấn đề là phải giáo dục người Việt Nam thế nào cho vừa truyền được cái học thuật cao thượng đời nay, vừa không đến nỗi làm cho chúng tôi mất giống đi, mất cái quốc tính của chúng tôi đi, làm thành một dân tộc vô hồn, không còn có tinh thần đặc sắc gì nữa, như mấy cái thuộc địa cổ của người Pháp kia."

Trong bộ quốc phục Việt Nam khăn đóng áo dài, với những bài diễn thuyết hùng hồn đề cao dân tộc và tranh đấu cho vấn đề giáo dục dân tộc ấy, mặc nhiên Phạm Quỳnh đã nói lên được tất cả tấm lòng nhiệt thành đối với dân, với nước của ông.

Nay thì kế hoạch thành lập một nền quốc học của Phạm Quỳnh đang trên đà tiến triển tốt đẹp, bảo sao Phạm Quỳnh không cảm thấy hứng khởi. Ông muốn chia sẻ với cô Kiều tất cả niềm vui nỗi sướng này. Và cũng vì cái "bản ngã nghệ sĩ, tình cảm" của Phạm Quỳnh đã bị dồn nén quá mạnh, quá lâu, khiến mỗi khi ông có dịp nói về Kiều, nhất là lần này trong lòng đang phấn khởi nên nó đã vùng dậy mãnh liệt, thể hiện qua bài diễn thuyết

của Phạm Quỳnh trong buổi lễ kỷ niệm Cự Tiên Điền, do Hội Khai Trí Tiến Đức long trọng tổ chức tại hội quán, ngày mùng 10 tháng 8 (tức 8-9-1924), có đến hai ngàn người tham dự. Qua bài diễn văn này Phạm Quỳnh đã nói gì ?

- Phạm Quỳnh cho rằng "Ai ai cũng đều hưởng cái công nghiệp của Cự Tiên Điền", một bậc đại thi nhân, nên "ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ Cự, như một ông tổ chung của cả nước, và nghĩ đến cái ơn Cự tác thành cho tiếng nước nhà" và "đời đời làm vẻ vang cho đời giống."

- Truyện Kiều là niềm tin cho sự trường tồn của dân tộc : "*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn. Có điều chi nữa mà ngờ ?*"

- Phạm Quỳnh còn cho truyện Kiều gồm đủ cả "quốc túy", "quốc hoa", "quốc hồn" của ta, nó chính là cái "văn tự" của giống Việt Nam ta đã "trước bạ" với non sông đất nước này : "*Thiên văn-tự tuyệt bút kia là gồm bao nhiêu giọt máu, bao nhiêu giọt lệ kết tinh lại mà thành..*" Cự Nguyễn Du có công như thế đối với dân tộc, hiển nhiên đáng là "bậc quốc sĩ" của dân ta.

- Sau khi so sánh truyện Kiều với văn học của Pháp và Trung Hoa, Phạm Quỳnh cho rằng "*Truyện Kiều không những đối với văn hoá nước nhà, mà đối với văn hoá thế giới cũng chiếm được một địa vị cao quý*" (**Chú thích** : Điều này ngày nay đã được chứng thực : "Hội đồng hoà bình thế giới đã quyết định trên khắp trái đất sẽ kỷ niệm nhà thi hào cổ điển Việt Nam Nguyễn Du, cùng với một số các nhà văn hoá thế giới khác. Nguyễn Du của Việt

Nam 200 năm sau khi ra đời trên mảnh đất Hồng-lĩnh nước Việt, được cả thế giới chính thức rước lên đàn cao vinh dự của những thiên tài của loài người".(Các nhà văn thơ cổ điển Việt Nam, Xuân Diệu, nxb Văn Học thực hiện, 1987, Sài Gòn).

- Để kết luận, Phạm Quỳnh cho biết "*Cuộc kỷ niệm hôm nay chủ ý tỏ lòng quốc dân sùng bái cảnh mộ Cự Tiên Điền*", hai là "*chiêu hồn quốc sĩ, xin chứng nhận cho lời thề* :

"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn," "còn non còn nước còn dài", chúng tôi là kẻ hậu sinh xin râu lòng giốc trí cố gia công trau chuốt lấy tiếng quốc âm cho quốc qua ngày một rục rờ, quốc hồn ngày một tỉnh táo, quốc bộ ngày một tấn tới, quốc vận ngày một vẻ vang, ngõ hầu khỏi phụ cái chí hoài bão của tiên sinh, ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây."

Ta thấy toàn bài diễn thuyết này đều thoát ra từ một tấm lòng cảm mộ của Phạm Quỳnh đối với Cự Nguyễn Du và truyện Kiều, và tấm lòng thiết tha của ông đối với quốc gia dân tộc. Từ đó ông đã để cho tâm hồn nghệ sĩ, lãng mạn của mình bay bổng qua những lời giống giả, hùng biện, theo với những cảm xúc dâng cao .. .

Chuyện đó cũng dễ hiểu, vì Phạm Quỳnh, ngoài tâm hồn nghệ sĩ hướng về cái đẹp, là truyện Kiều để thưởng thức, ca ngợi; trong di cảo "**Cô Kiều với tôi**" (Hoa-Đường tùy bút) ông còn thú nhận đối với truyện Kiều, ông đã không có "thái độ một nhà văn đối với tác phẩm văn chương, mà là tâm lý một người có cảm giác là 'một hội một thuyền' với tác giả cùng người trong

truyện". Như thế chứng tỏ ông đã viết nó thiên về tình cảm hơn là về lý trí.

Chẳng ngờ sau đó vài ngày, trên báo Hữu Thanh, ông Ngô Đức Kế đã đăng bài "Luận Về Chánh Học cùng Tà Thuyết, Quốc Văn, Kim Vân Kiều, Nguyễn Du", để lên án truyện Kiều là "ai, dâm, sâu, oán, đạo, dục, tặng bi", làm hại nhân tâm thế đạo, và đả kích những người suy tôn Kiều, cốt nhắm vào Phạm Quỳnh, mà gọi ông là "đức văn sĩ giả dối .. . biểu dương truyện Kiều lên để khai hoá quốc dân, đem truyện Kiều làm sách 'quốc văn giáo khoa', làm sách 'sư phạm giảng nghĩa' .. . Theo họ Ngô, học Kiều là thoái hoá, "sa vào cái lầm lỗi từ chương xưa .. . làm người ngu, nước yếu" ; vả lại : "Truyện Thanh Tâm Tài Nhân" là tiểu thuyết hèn mạt bên Tàu mà nay nước Việt Nam tôn



GS PHẠM THỊ NHUNG

phụng làm chính kinh, chính sử. Thiệt là nước lấy một cái sĩ nhục !"

Sáu năm sau, để trả lời bài "Cảnh Cáo Các Nhà Học Phiệt" của Phan Khôi, Phạm Quỳnh đã cho biết ông không trả lời ông nghè Ngô lý do chính vì :

"Ông là người quốc phạm, vì việc nước mà lòng đơng chìm nổi trong bao năm, dầu người không đồng tư tưởng, đồng chánh kiến với ông, cũng phải kính trọng cái thân thể của ông. Tôi cũng vậy, thủy chung vẫn coi ông là bậc đàn anh."

".. . Ví dầu thế nào mặc lòng, tôi cũng vẫn kính trọng cái thân thể của ông, nếu thành ra cuộc cãi lộn thì tất phải dùng những lời nặng nhẹ, ông cho tôi là "văn sĩ lóp lép", thì tôi nể gì mà không tặng cho ông những tên nọ tên kia, thành ra một cuộc đấu khẩu hàng rau, hàng cá, còn có sự thể gì nữa."

Nào đã yên, vì liền đó, trên báo Phụ Nữ Tân Văn (số 67, tháng 3-1930), ông Huỳnh Thúc Kháng đã lên tiếng "chiêu thuyết những lời bài báng cho một chí sĩ đã qua đời", để bắt bẻ Phạm Quỳnh, và trở lại đả kích truyện Kiều. Đồng thời ông Huỳnh cho rằng bài của ông Nghè Ngô là "một bài tuyệt xướng .. . có một cái mãnh lực sét phang trước trán, nước xối sau lưng, khiến ai đọc đến cũng tỉnh giấc hôn mê".

Trong bài Phạm Quỳnh trả lời Phan Khôi, ông hé mở cho ta biết là "từ đó đến nay đã nổi lên cái phong trào chính trị mới. Có người nối gót ông Ngô, đem lời nọ lời kia mà phẩm bình về thái độ chính trị của tôi". Phạm Quỳnh biết mình oan, nhưng chỉ nhẫn nhục chịu đựng để tiếp tục hoạt động văn

hoá, phụng sự dân tộc theo đường hướng của mình.

***Khi vận nước đổi màu thay vóc,
Lập Chấn Hưng Quốc Học giúp dân
Á Âu kết hợp tinh thần,
Văn chương khoa học chọn phần tốt
hay,
Làm chính trị tiếp tay dựng nước,
Triện An-Nam chận bước "con gà",
Chủ quyền nội trị nước ta
Nhờ nơi hiến pháp ban ra phục hồi.***
(Bình Huyền)

2.3.2.4 Gây Dựng Nền Quốc Học.

Phạm Quỳnh chủ trương "*Phải nên hiệp lực, cố gây dựng cho nước nhà một nền "quốc học" đích đáng, không tây mà cũng không nho, có cái tính đặc biệt, tiêu biểu được cho cái tinh thần cố hữu của nòi giống*" (Trả Lời Bài Cảnh Cáo Học Phiệt, P.N.T.V. số 67, 1930).

Để đạt được mục đích đó, Phạm Quỳnh đưa ra một số tiêu chuẩn thực hiện:

- Quốc học nhất thiết phải được gây dựng bằng quốc văn. Phạm Quỳnh cho rằng "*Nước Nam ta đời trước không thể có quốc học bằng chữ Hán được, nước Nam ta sau này cũng không thể có quốc học bằng chữ Pháp được. Muốn cho nước Nam có quốc học thì phải có quốc văn bằng tiếng Nam*", vì "*muộc lời nói của người tức là rập mình cho in theo người, không mong bao giờ có thể tự lập về đường tư tưởng được nữa.*"

Thế nên "*Thấy nước ta không có quốc học vì không có quốc văn*", Phạm Quỳnh tự

nguyện "*đem công phu (một đời) cống hiến cho việc gây dựng lấy một nền quốc văn xứng đáng*". (Quốc Học Với Quốc Văn, N.P. số 164)

- Quốc học phải được tham bác cả hai tinh thần Âu Á. Trong bài "Bàn Về Văn Hoá Đông Tây", Phạm Quỳnh viết:

"*Đối với văn hoá Tây phương ta phải có cái chủ ý thâm thái, mà trong khi thâm thái phải biết khéo kén chọn ... chỉ lấy phần nào có bổ ích cho sự tăng tiến của ta mà thôi ... Đối với văn hoá Đông phương, ta phải có cái chủ ý bảo tồn (phần cốt yếu, cái tinh túy) mà trong khi bảo tồn phải biết khéo phát huy ... cho khỏi bị những phong trào mới nó lay chuyển đến đổ nát mất*".

- Áp dụng phương pháp khoa học Tây phương để nghiên cứu văn học Á đông.

Từ khi tiếp xúc với văn minh của Thái-tây, người mình mới biết đến sức mạnh của khoa học. "*Khoa học là lối học phân ra khoa loại, đặt thành phương pháp để cầu lấy kết quả đích xác, tìm lấy chân lý sự việc.. ..*" nên Phạm Quỳnh cho rằng:

"*Muốn gây được cái quốc học riêng của mình thì phải dùng phương pháp phê bình khoa học mà phân tích những học thuyết cùng nghĩa lý cũ của Á đông ta, rồi đem nghiên ngẫm, suy nghĩ, đối chiếu với những điều chân lý cùng những sự phát minh của Thái-tây. Kết quả sự phân tích cùng tổng hợp đó tức là tài liệu để gây ra quốc học sau này vậy*". (Bàn về Quốc Học, N.P. số 163, 1931).

- Để thực hiện chủ trương cùng quan điểm làm việc của mình cho quốc học, Phạm Quỳnh đã áp dụng phương pháp khoa học

phân tích để tìm hiểu đạo Phật trong bài "Phật Giáo Lược Khảo", và đạo Khổng trong bài "Người Quân Tử Trong Đạo Nho", và "bất cứ về một vấn đề gì từ thơ văn đến triết lý, đạo lý, cho đến chính trị, xã hội, không một đề nào là ông (P.Q.) không tham khảo tường tận trước khi đem bàn trên mặt giấy" (Vũ Ngọc Phan, **Nhà Văn Hiện Đại**, Hà Nội 1941). Phạm Quỳnh còn có những bài viết so sánh như : Người quân tử đạo nho và người "honnête homme" của Pháp, Thơ ta và Thơ tây, Văn hoá Đông Tây, Phạm Quỳnh đi đến nhận xét : "*Bọn ta ngày nay thực là đứng giữa nơi giao tiếp của hai cái tinh thần ấy, hai cái gặp nhau ở ta nếu ta khéo ra thì có thể điều hoà được cái hay của cả hai đảng, mà không mắc phải những khuyết điểm*" (Thơ Ta Và Thơ Tây, T.C.V.T.)

Và để kết luận, Phạm Quỳnh xác định lập trường làm văn học của ông là để vô hiệu hoá chính sách đồng hoá của Bảo-hộ:

"Ta tha thiết với vấn đề quốc học là ta muốn cách độc lập về tinh thần, muốn giữ lấy cái cốt cách Việt Nam của ta, không thể cho nó đồng hoá theo người mất. Vì một nước một dân đã đến mất cả cốt cách tinh thần thì không còn mong thành lập được nữa."

Đồng thời Phạm Quỳnh cũng công nhận đây là một việc khó khăn, lâu dài, nên ông kêu gọi các nhà trí thức hợp tác.

"Việc gây dựng ra quốc học không phải là việc một vài người, cũng không phải là việc một đời người mà làm xong được, điều cốt yếu là sao người nước mình có cái chí ấy, để cùng nhau gây ra một cái phong trào tìm

tôi xây dựng thì mới được." (Bàn Về Quốc Học, Phụ Nữ Tân Văn, tháng 10-1931).

Và để cho công việc được tiến hành tốt đẹp, Phạm Quỳnh đề nghị lập hội Chấn Hưng Quốc Học : "*Ngày nay chúng ta có nên cổ động lập một hội "chấn hưng quốc học", hợp tập những người có chí học vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một lần để bàn các kế hoạch nên thi hành cho nước nhà một nền quốc học xứng đáng không ?"* (Trả Lời Bài 'Cảnh Cáo Học Phiệt' của Phan Khôi).

2.3.3. Hoạt Động Chính Trị – Thuyết Quân Chủ Lập Hiến.

Trong những tháng năm khó khăn về chính trị của đất nước, Phạm Quỳnh đã không biết làm gì hơn là chỉ hoạt động văn hoá. Dầu vậy mỗi khi nghĩ đến thời thế thì Phạm Quỳnh lại không cam lòng, ông đã mượn lời Lương Khải Siêu trong bài "Tam Thập Tự Thuật" mà than rằng : "*Than ôi ! Tuổi đã ba mươi, sở chí, sở sự, trăm phần chưa được một phần, chỉ ngày ngày làm nô lệ cho câu văn, nói nép ngoài miệng, chẳng ích gì cho thời thế. Thường ngày nghĩ đến thật tủi thẹn. Tự xét cái tài lực với cái địa vị của mình bây giờ, ngoài việc đó cũng không biết làm gì để cho tròn cái trách nhiệm quốc dân trong muôn một Sau này muốn lấy báo ơn quốc dân, chưa biết thế nào, mỗi lần nghĩ tới không từng thấy kinh tâm động phách, ức tác không biết nói sao vậy."* (Làm Văn, N.P. số 67, 1923).

Nhưng cũng "từ năm 1923 trở đi, khi ở Pháp về, Phạm Quỳnh thấy mình đã có nhiều uy tín trong dư luận, Nam Phong

không còn là một cơ quan hợp tác có giọng nịnh hót chính quyền bảo hộ nữa, mà đã hướng dần sang một chiều tương đối độc lập. Sự nghị luận của Nam Phong chuyên hẳn sang chính trị : khảo về chính đảng (số 102), đảng Xã Hội nước Pháp, về lịch sử học thuyết Tôn Văn (số 98), học thuyết Rousseau, Montesquieu, Voltaire (số 105) (**Lịch Sử Văn Học Việt Nam**, Phạm Thế Ngũ). Ngay bìa báo, cũng đã thấy có nhiều biến đổi để tiến dần đến hình thức Việt hoá.

Từ số 34, tháng 4-1920, đầu triện của hội Khai Trí Tiến Đức được thế vào chỗ hình con gà trống Gaulois. Từ số 39, tháng 9-1920, những dòng chữ Pháp trên bìa hiệu Nam Phong cũng đã biến hết (**Introduction an N.P.** Phạm Thị Ngoạn) (xem 2 phóng ảnh bìa báo Nam Phong đính kèm).

Năm 1925, bao nhiêu biến cố chính trị dồn dập xảy ra : ông Phan Chu Trinh về nước, ông Phan Bội Châu bị bắt làm án rồi được tha, việc chính phủ Pháp cử ông Varenne, một nhà chính trị thuộc đảng Xã Hội sang làm toàn quyền. Theo Phạm Quỳnh "Ba việc ấy gây một không khí tốt cho sự vận động chính trị." (Thời Đàm, N.P. số 105, 1926).

Trong phần phụ bản bằng Pháp Văn, N.P. số 109, 1926, Phạm Quỳnh viết bài "Chính Trị và Hành Chánh", ông lên tiếng cảnh cáo chính phủ bảo hộ nếu không sớm giúp Việt Nam tự trị, có thể sẽ đưa tới một hậu quả thảm khốc :

"như mọi người Việt Nam, tôi yêu quê hương tôi và mơ ước cho đất nước tôi có một

tương lai thịnh vượng và độc lập. Tôi không nghĩ rằng đó là một cái tội khi mơ ước như vậy, và cầu mong tha thiết tới ngày người Việt Nam chúng tôi tự điều khiển lấy vận mệnh tổ quốc của mình. Nếu người Pháp không giúp chúng tôi sớm đến được cái ngày đó – mà chính là vai trò của những người bảo hộ và giáo dục – thì họ không thể trách chúng tôi sẽ dồn mọi nỗ lực của mình để đạt bằng được mục đích này. Đó chính là cái lý tưởng mà chúng tôi phải đi tới."

Năm 1928, Toàn quyền Varenne về nước, Ông P. Pasquier lên thay, đàn áp mạnh phong trào hội kín, cốt yếu là Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái thất bại. Đảng trưởng Nguyễn Thái Học cùng biết bao đảng viên VNQDD phải lên đoạn đầu đài. Phạm Quỳnh, trước biến cố này, trên báo France-Indochine ngày 14 tháng 3 năm 1930, trong "Bài Học Về Thời Cuộc", viết "*Có một cái Việt Nam quốc dân chủ nghĩa, có thật chứ không nói mơ màng đâu, có nó cũng là lẽ chánh đáng, thế mà từ hồi đó đến giờ, người ta không để ý đến. Ấy là một điều lắm, không những bây giờ mới có mà xưa nay vẫn có. Người nước chúng tôi vốn có cái tình yêu nước rất là mặn nồng hăng hái.*

"Cứ đọc lịch sử thì biết, bao nhiêu phen bị Tàu cai trị mà dân nổi lên như lửa dậy dầu sôi, nhờ vậy mà vua chúa chúng tôi ngày trước khôi phục được non sông, tạo lập được cơ đồ và thống nhất được toàn quốc nữa".

Tháng 6 năm 1930, trên báo Nam Phong số 151, đồng thời trên báo France-Indochine (tháng 5 và 6) Phạm Quỳnh cho đăng bài "Vấn Đề Lập Hiến Cho Nước Nam".

Ông cho biết :*"Nhân những biến động xảy ra trong cõi Đông Dương từ tháng 2 đến giờ, người lưu tâm đến cho rằng chính trị xứ này cần phải sửa đổi, song chưa ai rõ nên sửa đổi như thế nào. Dư luận người Tây cũng phàn nàn người An-Nam chỉ tỏ ý bất bình về chính trị mà Không hề nói rõ bất bình những điều gì và nên cải cách thế nào cho vừa ý."*

Do đấy Phạm Quỳnh theo chính sách "trung dung" của Không-Tử, đề nghị một giải pháp "cải cách" mà ông coi là đặc sách nhất, vừa giành lại được chủ quyền, thống nhất được Bắc Trung Kỳ, mà không làm xáo trộn xã hội. Đó là thiết lập một chế độ "quân chủ lập hiến". Muốn thi hành thời phải thảo ra một hiến pháp, định rõ quyền vua, quyền dân và quyền của Bảo-hộ. Theo đó người Pháp phải trả lại quyền tự trị cho vua tôi Việt Nam số 173, tháng 6-1932, Phạm Quỳnh giải thích rõ về những lợi ích của giải pháp này như sau:

"Muốn cải cách về chính trị ở Trung Bắc Kỳ .. . theo kế hoạch này chính là gồm hai phần : một là xin với Bảo-Hộ trao trả lại quyền nội trị cho quốc vương, theo đúng nguyên tắc trong điều ước 1884, nghĩa là xin thi hành đúng cái chính sách bảo hộ, mà bỏ hẳn cái chính sách 'trực trị' như từ trước tới nay ; hai là xin với quốc vương nhường lại một phần quyền cho quốc dân, mà đặt ra một bên có nội các trách nhiệm, một bên có nghị hội giám sát".

"Như thế sẽ có 3 lợi ích :

- Về phương diện tinh thần, nước Nam vẫn còn là nước Nam, vẫn còn lưu tên tuổi trên lịch sử địa dư thế giới ...

- Về phương diện xã hội, .. . nay quân chủ lập hiến thời nhất diện giữ được cái nguyên tắc lập quốc và nhân đó duy trì được trật tự trong xã hội, nhất diện gây ra cái chính thể quân dân cộng trị, khiến cho quốc dân cũng được tham dự vào quyền nước, thuận cái phong trào bình dân ngày nay, có thể giữ cho xã hội điều hoà .. ."

- Về phương diện chính trị .. . lợi ích càng nhiều lắm nữa. Có hiến pháp phân minh thời .. . người có tài, kẻ có chí có một cái trường sở để ra ganh đua mà mưu toan việc nước, hoặc ở nơi chính phủ, hoặc ở nơi nghị trường .. .

Bởi các lẽ đó, nên tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, cân nhắc kỹ càng, nhất quyết chủ trương cái thuyết Bảo hộ và Lập hiến mà bài xích cái thuyết trực trị cùng kiêm tính". (Câu Truyện Lập Hiến – Thơ Cho Bạn – Nam Phong số 173, 1932).

Tháng 10, năm 1931, Tổng trưởng Thuộc địa Pháp Paul Reynaud sang thăm dò tại chỗ. Phạm Quỳnh gửi cho ông này bản điều trần, trong đó Phạm Quỳnh nhấn mạnh ở bốn điểm, vừa tình vừa lý để người Pháp nếu có đủ khôn ngoan phải hiểu mà thực hiện lời cam kết của Toàn-quyền Pasquier :

1. Việt Nam có một lịch sử lập quốc "cạnh tranh chiến đấu trong hai mươi hai thế kỷ mà gây dựng ra một cái tổ quốc thật là xứng đáng với tinh thần của nòi giống."

2. Lòng ái quốc của người Việt Nam "bắt đầu khôi phục lại và một ngày một mạnh lên .. . nó có một sức mạnh ngầm như sức mạnh của lý tưởng."

3. Nhắc lại lời hứa của Toàn-quyền Pasquier "quyết giữ y như lời ước cũ, thủy

chung tôn trọng chữ ký của nước Pháp ... đem cái chủ quyền nội trị của nước An-Nam mà châm chước với điều ước năm 1884 cho hợp với tân thời ... vua tân thời (Bảo Đại) về nước ... tự ngài sẽ kén chọn lấy các quan thượng-thư, sửa đổi quan lại cho hợp thời ... Bây giờ quan thay mặt nước Pháp sẽ là cố vấn ... " Nghĩa là đúng theo như bản đề nghị quân chủ lập hiến của Phạm Quỳnh.

4. Và cuối cùng Phạm Quỳnh đưa ra lời thỉnh cầu :

"Chúng tôi là một dân tộc đương đi tìm tổ quốc... mà người Pháp có thể vì chúng tôi mà khôi phục được là ban cho chúng tôi một hiến pháp ... Xin ngài ban cho chúng tôi một cái tổ quốc để chúng tôi thờ".

(Còn tiếp)

PHẠM THỊ NHUNG

Xin đón đọc kỳ tới:

- *Phạm Quỳnh và Ngô Đình Diệm làm việc với vua Bảo Đại;*
- *Độc giả, chính khách, ký giả chống đối Phạm Quỳnh?*
- *Phạm Quỳnh ở tuổi "tri thiên mệnh".*
- *Những lời kết tội Phạm Quỳnh;*
- *Những ai biện minh cho Phạm Quỳnh ?*
- *Những điểm tương đồng giữa cô Kiều với Phạm Quỳnh;*
- *Nguồn an ủi cuối cùng của Phạm Quỳnh.*

Lời Ước Đầu Năm

Ngày đầu năm

Vừa chúc tết nhau xong

Em bỗng nhìn anh âu yếm hỏi

- Nếu chúng mình có quyền sách ước

Anh sẽ ước gì, anh yêu dấu của em?

Anh cúi đầu suy nghĩ "Để anh xem"

Rồi nhìn sâu vào mắt em , anh khẽ nói.

- Anh không ước được trở thành triệu phú.

Cũng không mơ làm bá chủ thế gian.

Anh chỉ mong em mãi mãi hiền ngoan

Và ước quê hương mình sẽ hoàn toàn đổi mới.

Để thực hiện những điều anh vẫn hằng

mong đợi

Là đưa em về lại Việt Nam.

Chúng ta sẽ đi từ Ai Nam Quan đến mũi Cà Mau

Ngắm tất cả những danh lam thắng cảnh.

Mình sẽ ở một thành phố thật dễ thương

Đà Lạt mù sương, có hoa Mimosa mà em

vẫn thường nhắc nhớ

Mỗi buổi chiều đôi ta sẽ đi dạo quanh

hồ Than thờ

Hay ngồi bên nhau ngắm thác Cam Ly.

Lâu lâu cuối tuần mình sẽ rủ nhau đi

Xuống miền biển Nha Trang đầy nắng ấm

Đôi ta sẽ nằm gói đầu trên cát

Dưới những hàng dừa xanh đầy bóng mát

Nghe những bài hát, câu hò,

chan hòa tình tự quê hương

Tay trong tay, mình sẽ đi dạo dưới

những rặng thùy dương

Em sẽ thấy cuộc đời ,

ôi sao mà dễ thương quá đỗi

Để bù lại bao năm trời trôi nổi.

Sống tha hương nơi xứ lạ quê người.

Hồng - Thủy

(Maryland)

LES FEUILLES MORTES

Oh ! Je voudrais tant que tu te souviennes
des jours heureux où nous étions amis
En ce temps-là la vie était plus belle
et le soleil plus bruyant qu'aujourd'hui
Les feuilles mortes se ramassent à la pelle ..

...
Tu vois je n'ai pas oublié
Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
les souvenirs et les regrets aussi
et le vent du nord les emporte
dans la nuit froide de l'oubli
Tu vois je n'ai pas oublié
La chanson que tu me chantais

C'est une chanson qui nous ressemble
Toi tu m'aimais
et je t'aimais
Et nous vivions tous deux ensemble
toi qui m'aimais
et je t'aimais
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
tout doucement
sans faire de bruit
et la mer efface sur le sable
les pas des amants désunis

Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
les souvenirs et les regrets aussi
Mais mon amour silencieux et fidèle
Sourit toujours et remercie la vie
Je t'aimais tant que tu étais si jolie
Comment veux-tu que je t'oublie
En ce temps-là la vie était plus belle
et le soleil plus bruyant qu'aujourd'hui

Tu étais ma plus douce amie
Mais je n'ai que faire des regrets
Et la chanson que tu chantais
toujours toujours je l'entendrai

C'est une chanson qui nous ressemble
Toi tu m'aimais
et je t'aimais
Et nous vivions tous deux ensemble
toi qui m'aimais
et que j'aimais
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
tout doucement
sans faire de bruit
et la mer efface sur le sable
les pas des amants désunis.

Jacques PREVERT

(Soleil de Nuit)

LÁ RỤNG

Kính tặng Tiến sĩ Hàn lâm
THÁI VĂN KIỂM

Hồi tưởng lại ngày vui thuở trước
Đôi chúng ta hạnh phúc bên nhau
Mùa vàng thuở ấy xinh như mộng
Nắng sớm lên mau sưởi ấm lòng
Lá vàng anh nhớ rụng đầy sân
Ta quét ta gom biết mấy lần
Kỷ niệm, hận tình âu cũng thế

Đêm đông gió bắc cuốn xa dần
Làm sao quên được giọng em ca
Khi trầm khi bổng lúc ngân nga
Em đem tâm sự vào câu hát
Em hát tình tan mắt lệ nhòa.

Đôi lứa uyên ương
Tình sâu nghĩa nặng
Con tạo trở trêu
Chia rẽ đôi đường
Không kèn không trống
Không một tiếng vang
Rồi hải triều lên
Xoá mờ vết chân
Của cặp tình nhân
Lúa duyên lỡ làng.

Lá vàng rơi tả rụng đầy sân
Ta quên ta gom biết mấy lần
Kỷ niệm, hận tình âu cũng thế
Đêm đông gió bắc cuốn xa dần
Duy mảnh tình chung vẫn thắm tươi
Cho đời thêm đẹp, nhỡn nhớ cười
Anh yêu say đắm trang kiều diễm
Mối tình chung thủy dễ khuây nguôi ?
Thuở ấy đời xinh đẹp lắm thay
Mặt trời chiếu ấm hơn ngày nay
Tìm đâu thấy lại người yêu dấu
Chuyện đã qua rồi nhắc lại chi.
Và bài ca mà em thường hát
Anh còn nghe văng vẳng bên tai
Em đem tâm sự vào câu hát
Em hát tình tan rất đắng cay.

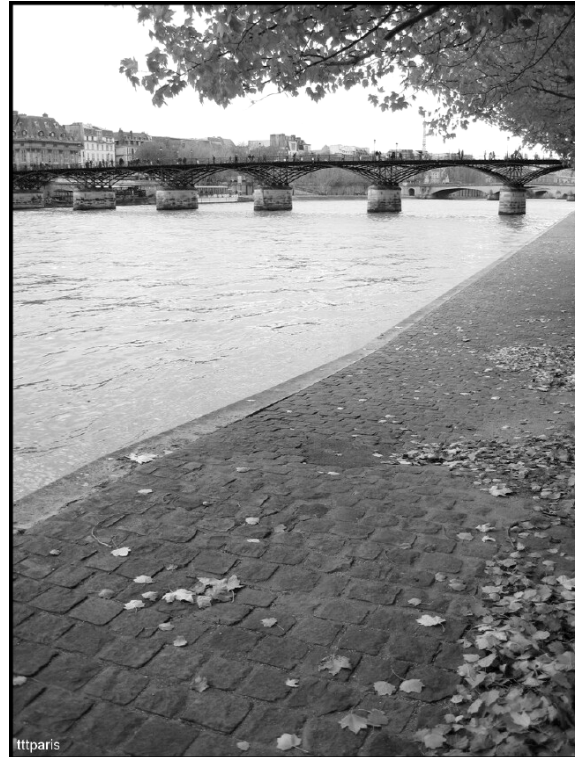
Đôi lứa uyên ương
Tình sâu nghĩa nặng
Con tạo trở trêu
Chia rẽ đôi đường

SỐ 45

Không kèn
không trống
Không một
tiếng vang
Rồi hải triều lên
Xoá mờ vết chân
Của cặp tình nhân
Lúa duyên lỡ làng.

VĂN BÁ

(Paris)



tttparis

THU PARIS
Hình của
Trang Thanh Trúc
11/08/08

102

TÌNH ĐÀU, DUYÊN MUỘN BÌNH HUYỀN

Huân ngồi ngắm ba tấm hình chụp xếp thành hàng ngang trên mặt bàn salon. Ba khuôn mặt giống nhau như đúc, chẳng khác gì ba chị em ruột, người này trông chỉ hơn người kia dăm, sáu tuổi. Hai tấm hình bên trái đen trắng. Tấm bên mặt chụp màu. Tấm thứ nhất cho thấy một thiếu nữ để tóc kiểu Jeanne d'Arc tuổi độ mười sáu. Thiếu nữ trong tấm thứ nhì với mái tóc cắt theo *mode* Sylvie Vartan khoảng hai mươi hai tuổi. Với cùng kiểu tóc, thiếu phụ trong hình thứ ba trông không quá ba chục xuân xanh. Cả ba đều có cặp lông mày dài, rậm, trên đôi mí hơi dày có lông mi dài cong che tối hai con mắt to nâu trong. Đuôi mắt thật dài đượm vẻ đa tình. Sóng mũi thanh, đầu mũi tròn, hai cánh mũi nở. Nhân trung dài hơi nhô ra phía trước dẫn xuống làn môi trên khá dày nhưng không che hết được hàm răng hô. Môi dưới mòng mọng bĩu ra trên chiếc cằm lẹm thót vào như người đang làm nũng. Cằm cổ thon thả, bờ vai tròn trịa trong chiếc áo dài Việt-Nam lụa trắng. Huân ngừng

đầu lên, cất tiếng ám áp hỏi thiếu phụ ngồi đối diện với anh ta:

- Tấm hình màu em chụp hồi nào, hở Lan-Anh?

Lan-Anh hơi cười, để lộ gân hết hàm răng vỏ trắng phau:

- Em chụp trước khi biết anh độ vài tháng.

Huân lắc đầu:

- Em nói đùa hay nói thật đấy.

- Thật đấy, anh ạ. Tại em ăn ảnh nên trông trẻ trong hình. Thật ra mỗi tấm hình này đánh dấu một quãng đời với rất nhiều biến cố và kỷ niệm. Nếu anh không ghen, em sẽ kể cho anh nghe.

Huân âu yếm nhìn vợ:

- Anh không có quyền, mà cũng chẳng có ý định, ghen với quá khứ của em. Trái lại, chuyện của em còn làm phong phú thêm tình yêu sẵn có giữa anh và em.

Lan-Anh đổi chỗ sang ngồi sát bên chồng, khẽ kể...

- Tấm hình trắng đen thứ nhất chụp khi em mười sáu tuổi. Lật đàng sau, anh sẽ thấy dòng chữ: *Tặng anh yêu, để khỏi nhớ em khi mình ở xa nhau, Sài-Gòn, ngày 17 tháng 7 năm Ất-Mùi*. Dĩ nhiên người nhận không phải là anh đâu. Hình này em tặng cho người tình đầu tiên của em. Em gặp anh ấy tại một lớp học hè của một trường tư tại Sài-Gòn. Anh ấy có mái tóc bông bênh, cặp mắt nâu, chiếc mũi tây phương, đôi môi đỏ với nét cười ngạo nghệ. Giống anh lắm, anh ạ. Mới gặp lần đầu là em mê ngay, như em mê anh vậy! Anh ấy là thầy dạy môn sinh ngữ cho lớp của em. Em ngồi bàn đầu nên có dịp nói chuyện với thầy của em. Em còn nhớ, lần

đầu tiên em gợi chuyện làm quen ông thầy, bằng cách phê bình cô giáo sinh ngữ dạy em tại trường em học. Em hỏi thầy của em: “Chữ S ở cuối động từ LOOK đọc thế nào với chữ ON đằng sau?” Thầy của em ngừng giảng bài trả lời: “Đọc là /lúcxòn/ (looks on), vì ở đằng sau chữ K là âm câm.” Em liền nói: “Thế mà cô giáo của em bảo chúng em đọc là /lúcòn/. Thầy giỏi quá!” Nghe vậy, thầy của em sáng mắt lên. Khi tan học, em nán lại chuyện trò với thầy của em một lúc mới đi về. Từ hôm ấy, em luôn luôn mơ tưởng đến thầy của em. Được biết thầy của em là sinh viên trường sư phạm, em càng mê hơn, yên trí là thầy của em còn độc thân. Khi ấy, em trọ học ở nhà cô em. Đó là nữ sĩ Cẩm-Hương nổi tiếng ở Sài-Gòn. Cô yêu nhiều người, đa số là những người có gia đình, nên rất lão luyện. Cô chỉ dạy cho em nhiều điều về tâm lý đàn ông. Em áp dụng cách quyến rũ đàn ông của cô em với thầy của em. Sau một tháng, thầy của em trở thành người tình của em.

Chúng em thường gặp nhau tại nhà một giáo sư đồng nghiệp của thầy em cách trường vài chục thước. Đó là căn nhà mượn trên lầu một trường tiểu học tư thục. Giáo sư bạn thầy của em còn độc thân nên khi ông ấy đi dạy, trong nhà không có ai. Thầy của em mượn chìa khoá, đưa em vào, khoá cửa lại. Hai người ngồi bên nhau thủ thỉ. Khi chủ nhà về, chúng em kéo nhau ra sân thượng, ngồi trên ghế bố nói chuyện. Tuy yêu nhau thắm thiết, chúng em chỉ ngồi kê vai, tay nắm tay, trao đổi thư từ. Lần đầu tiên và là lần cuối

chúng em hôn nhau trước ngày chúng em phải vĩnh biệt nhau khoảng nửa tháng. Buổi trưa hôm đó, em đang đứng trước cửa nhà, một thiếu phụ xinh đẹp duyên dáng bụng mang bầu khá lớn tới gặp em. Bà ấy chỉ tay vào mặt em, nói: “Tao là vợ thầy dạy sinh ngữ lớp hè của mày tại trường tư L.B.C.. Tại sao mày dám quyến rũ chồng tao?” Nghe vậy, em sợ hết hồn, vội mời bà ấy vào trong nhà để hàng xóm khỏi thấy. Bà ấy đưa cho em một xấp thư và ảnh, rồi nói: “Nếu mày còn quyến rũ chồng tao, tao sẽ có biện pháp khốc liệt đối với mày!” Nói đoạn, bà ấy đi về, để lại em một mình với cõi lòng tan nát. Như vậy em và cô em bị giống nhau: Cô em cũng yêu nhầm người có vợ, bị bà vợ đến tận nhà chửi mắng, trả và đòi thư ảnh. Hôm sau em có hẹn với thầy của em tại một lớp học vắng trên lầu của trường tiểu học tư thục nơi có căn nhà của bạn thầy của em. Em mang đến một cành hoa sứ. Chưa kịp nói gì, vợ của thầy em từ ngoài bước vào. Thầy của em vội đứng lên, đi ra khỏi chỗ đó. Em sợ quá, chạy ra ngoài *balcon*. Bà ấy theo em ra, nói như rít lên: “Mày muốn chết hay sao mà còn tìm gặp chồng tao?” Em cứng lưỡi, không nói nên lời. May sao, mắt bà ấy tự nhiên dụi đi. Bà ấy gằn giọng: “Tao chỉ muốn xô mày xuống khỏi *balcon* cho mày chết. Nhưng thôi, tha cho mày lần chót. Liệu cái thần hồn. Mày phải buông tha chồng tao ngay lập tức. Nếu mày không nghe thì mày phải chết... nếu không cũng sẽ thành Cẩm-Nhung thứ hai!”

Huân chặc lưỡi:

- Cũng may bà ấy không xô em từ lâu cao xuống đất buổi sáng hôm đó. Bằng không, anh sẽ chẳng bao giờ thấy được em!

Lan-Anh nhìn chồng nhẹ nhàng hỏi:

- Nghe chuyện em kể, anh có ghen không? Nói thật đi, anh.

Huân đáp lại cái nhìn của vợ bằng ánh mắt thẳng thắn, rồi ôn tồn nói:

- Chuyện xảy ra quá xa xưa; vả lại, em và ông thầy của em có làm gì quá giới hạn của người tình đâu. Không những anh không ghen, mà còn thương em hơn, vì mới bắt đầu yêu đã phải chịu cảnh ngang trái. Bây giờ, em kể cho anh nghe chuyện của em từ năm mười sáu cho đến khi lấy chồng.

Lan-Anh gật đầu, kể tiếp:

- Sau lần thất tình thứ nhất, em quyết định không yêu ai nữa. Em dành hết thời giờ để viết văn, gửi cho tờ báo của cô em. Lần nào bài của em cũng được đăng. Em nhận được tiền nhuận bút. Dần dần em nổi tiếng với bút hiệu Bích-Hạnh. Điều đó làm em vui sống trở lại. Nhưng định mệnh trớ trêu đã phủ lên đời em một lần thứ nhì. Sau đó hai năm, lúc em mười tám tuổi, em vẫn sống với cô của em. Niên học 1958-1959, em học lớp đệ Nhất ban văn chương trường Chu-văn-An. Trong giờ Triết học, lớp đệ Nhất sinh ngữ Pháp văn của em học chung với lớp đệ Nhất ban văn chương sinh ngữ Anh văn. Trong số nam sinh ban Anh văn, có một anh đẹp trai giống ông thầy của em trước kia vô cùng. Nghĩa là giống anh bây giờ lắm. Em vừa nghe Cha H.M. giảng bài vừa liếc sang phía anh ấy. Thỉnh thoảng, anh ấy cũng nhìn sang phía em. Các bạn thấy vậy trêu chọc em hoài.

Huân ngắt lời Lan-Anh:

- Điều đó cũng dễ hiểu thôi. Sau một thời gian dài sống cô đơn về tình cảm, người ta dễ xúc động khi gặp một đối tượng hợp với mình.

Lan-Anh gật đầu:

- Anh nói đúng. Người con trai đó rất đặc biệt. Khuôn mặt anh ấy rất trẻ, nhưng bộ điệu, cách ăn nói chừng chạc. Trong suốt một năm học, hai chúng em chỉ nhìn nhau, nhưng không có dịp nói chuyện với nhau. Nhân buổi lễ phát phần thưởng cuối năm, em quyết định làm quen anh ấy cho bằng được, nếu không sẽ mỗi người một nẻo. Sau lễ phát phần thưởng, em ngồi trên xe vélo-solex theo anh ấy ra lối sau của trường Chu-văn-An để đi về. Chờ cho anh ấy nhảy xuống dắt xe đạp qua tấm ván bắc ngang cống, em tới sát sau lưng anh ấy, nói to: “Anh cho tôi hỏi cái này.” Anh ấy quay lại. Em nói liền: “Anh có bản nhạc hạ-uy-cầm nào cho tôi mượn trong dịp nghỉ hè không?” Không tỏ vẻ ngạc nhiên, anh ấy mỉm cười trả lời: “Tôi không chơi hạ-uy-cầm nên không có, nhưng tôi có thể mượn chép cho chị được. Chị cho tôi địa chỉ, tôi gửi thư đến nhà chị.” Thế là hai đứa quen nhau.

Sau hè năm đó, em trúng tuyển vào ban Pháp văn trường đại học sư phạm Sài-Gòn. Anh ấy học luật khoa. Chúng em vẫn gặp nhau, rồi tuyên bố yêu nhau. Cũng như lần trước, em và anh ấy chỉ trao đổi những nụ hôn, thư từ. Em xin được vào trung tâm nội trú dành cho nữ sinh viên ở đường Trần-Quý-Cáp. Một hôm, em đang nằm đọc sách trong phòng ngủ trên lầu,

bạn em chạy vào nói có cô nào hỏi em đang chờ dưới phòng khách. Khi xuống tới nơi, em thấy một thiếu nữ có khuôn mặt xinh đẹp và thân hình nở nang tuyệt mỹ trong chiếc áo dài màu mơ chín thêu hoa cúc vàng, lá xanh. Em còn đang ngỡ ngàng, cô ấy liền hỏi: “Chị có phải là Lan-Anh không?” Em trả lời: “Phải”. Chị ấy đưa cho em một xấp thư và ảnh, rồi nói: “Tôi là vợ sắp cưới của người con trai mà cô đã gửi cho những lá thư và ảnh này. Tôi mang trả lại cho cô. Yêu cầu cô đưa hết thư và ảnh của anh ấy cho tôi”. Sau vài giây bàng hoàng, em cố bình tĩnh bảo chị ấy: “Mỗi lần nhận thư của anh ấy, đọc xong, tôi bỏ đi rồi. Bây giờ không còn lá nào đưa cho chị nữa”. Chị ấy cảm ơn em, ra về. Trường hợp em mất người tình lần thứ nhì gần giống lần thứ nhất.

Huân tươi cười, ôm Lan-Anh, hôn say sưa lên môi, lên má vợ:

- Lần thứ hai, em đã biết giữ gìn tình cảm một cách đáng khen!

Lan-Anh chau mày, không bình luận về câu nói vừa rồi của chồng. Yên lặng một phút, nàng thở dài, kết luận:

- Sau lần đó, em quyết định không yêu ai nữa, cho đến khi lấy chồng.

Huân đứng lên, kéo Lan-Anh sang ngồi chung ghế dài với chàng. Quàng tay qua vai nàng, chàng nói:

- Bây giờ, anh đề nghị: Em hãy để cho anh nối tiếp câu chuyện quanh thời điểm của tấm hình thứ ba, theo cách diễn tả của anh, em nhé.

Lan-Anh cười rất thoải mái:

- Như vậy mới công bằng. Em nằm trên ghế, gối đầu lên lòng anh, nhắm mắt nghe anh kể chuyện.

Huân cúi xuống nhìn vợ. Khuôn mặt Lan-Anh ngửa lên khiến cho làn da trắng hồng của nàng thêm căng mịn, tươi trẻ hơn. Huân sung sướng, ghé miệng hôn lên đôi môi đỏ mọng của Lan-Anh. Đoạn, chàng hắng giọng, bảo vợ:

- Để chuyện thêm hào hứng, anh sẽ kể theo lối tiểu thuyết, trong đó chi tiết tâm lý và cuộc đời các nhân vật đều được diễn tả bằng ngôi thứ ba.

Lan-Anh chúm môi hôn gió, một cử chỉ tỏ ý bằng lòng đối với chồng của nàng. Huân cầm hộp điều khiển máy truyền hình bấm cho tắt màn ảnh rộng lớn ở cuối phòng, rồi cầm hộp điều khiển khác hướng về giàn máy DVD. Dòng nhạc Xuân Việt-Nam dịu ngọt thân quen từ từ rót đầy căn phòng khách menh mông. Bằng giọng nói trong trẻo, ngân nga như một ca sĩ hát hay, Huân rót vào tai người nghe những lời dịu ngọt,...

*

- Mẹ đã sắp xếp đầy đủ ngăn nắp các thứ trong nhà bếp, phòng khách, phòng ngủ, phòng chơi nhạc và đọc sách của con rồi. Bây giờ, mẹ phải về chuẩn bị cơm nước cho ba con, Huân nhé. Ngày mai, mẹ lại qua.

- Cảm ơn mẹ. Nhưng mẹ đừng bận rộn vì con nhiều như thế. Con phải tập lo liệu lấy khi sống một mình chứ. Con gần ba mươi hai tuổi rồi. Nhà con mua ở ngay

trước mặt nhà ba mẹ. Khi nào cần gì con sẽ nhờ mẹ. Còn mẹ và ba sang đây chơi lúc nào cũng được. Con đã gửi ba mẹ một chìa khoá nhà rồi.

Bà Đạt mỉm cười, ôm vai người con trai độc nhất của bà, kéo sát vào mình. Bà mở cửa, đi qua mảnh vườn hoa nhỏ, ra hè đường. Nhà của vợ chồng bà ở gần ngã tư bên kia đường. Huân đứng trong cửa, nhìn mẹ vào hẳn trong nhà, mới yên trí đóng cửa, vào phòng đọc sách, ngồi chơi dương cầm. Chàng làm trưởng phòng điện toán cho một hãng lớn ở Paris. Ngoài bằng kỹ sư điện toán của một trường lớn, Huân còn tốt nghiệp trường quốc gia âm nhạc, chuyên về dương cầm và vĩ cầm. Chàng được mời dạy âm nhạc cho trường cũ của chàng mỗi tuần vài giờ. Cha mẹ chàng đặt hết tình thương yêu, mối hy vọng to tát vào người con duy nhất. Bạn bè của ông bà muốn gả con gái cho Huân, nhưng đám nào Huân cũng không chịu. Từ khi chàng ra trường, cách đó sáu năm, chàng vẫn ở với cha mẹ. Bà Đạt săn sóc con trai từng ly từng tý. Trong chúc thư làm sẵn, ông bà Đạt để lại cho Huân hết gia tài của họ. Một hôm, Huân về nói với cha mẹ:

- Con mới ký tên mua cái nhà ở bên kia đường.

Ông bà Đạt ngạc nhiên. Ông Đạt nói:

- Căn nhà này có năm phòng ngủ, vườn hoa trái. Ba mẹ và con ở không hết. Việc gì con phải mua nhà ở riêng như thế?

Huân cười:

- Ba mẹ cũng nên để cho con chuẩn bị lập gia đình chứ. Theo văn minh Âu Mỹ, vợ chồng trẻ không ở chung với cha mẹ

được. Ba mẹ cũng như chúng con cần sống độc lập, tự do. Con cố tình mua căn nhà này là để ở gần ba mẹ, đồng thời tránh được sự đụng chạm có thể xảy ra giữa lối sống trẻ trung phóng khoáng của chúng con và cách sống nền nếp cổ xưa của ba mẹ.

Bà Đạt gật đầu đồng ý với con trai. Bà nói với chồng:

- Con nó nói phải đấy, ông ạ. Ở gần nhau, chạy qua chạy lại cũng là tốt rồi. Mình và con, mỗi bên đều có bạn bè. Khi bên này họp mặt, bên kia không bị làm rộn. Với tuổi trên dưới sáu chục, tôi và ông chưa già lắm, nên sống còn lâu. Con mình đã trên ba mươi, chưa già mà chẳng trẻ lắm. Mình hãy để cho con sống tự do theo ý nó, ông ạ. Chừng nào nó có bạn đời, mọi sự sẽ đâu vào đó, lo gì.

Huân được yên thân sống một mình trong căn nhà mới mua ở gần cha mẹ. Ông Đạt còn bận đi làm một thời gian nữa mới đủ năm về hưu. Bà Đạt một mình lo cho hai ngôi nhà được ngăn nắp sạch sẽ. Bà cũng có những chuyện riêng phải làm. Trong thời gian đầu, bà sang thăm Huân hàng ngày. Một thời gian sau, mọi thứ đã được sắp xếp hoàn toàn, bà sang thăm Huân hai, ba ngày một lần. Huân ăn cơm trong sở buổi trưa. Những ngày chàng đi dạy trong trường quốc gia âm nhạc, Huân ăn ngoài tiệm cho tiện. Tuy nhiên, chàng cố gắng tới dùng cơm với cha mẹ mỗi tuần ít nhất một lần.

Trong sở của Huân có một số nhân viên thuộc các chi nhánh mới được chuyển tới. Phòng kế toán gần phòng điện toán của chàng cũng tiếp nhận ba nhân viên

mới. Trong số đó có một thiếu phụ người Việt. Lần đầu tiên Huân gặp nàng trong thang máy. Hôm đó, chàng vừa bước vào chiếc thang máy chờ sẵn định giơ tay bấm nút, một giọng nói trong trẻo cất lên:

- Xin làm ơn chờ tôi một tý!

Âm thanh tiếng Pháp thật tinh vi dễ thương. Huân nhanh tay bấm nút *stop*, ngó ra. Từ máy bậc thang *ciment* dẫn lên tầng lầu lừng chừng nơi có phòng kế toán, một dáng đi uyển chuyển quý phái làm chàng tự nhiên nhìn xuống hai bàn chân của người đó. Đôi giày cao gót màu đen làm nổi bật những ngón chân trắng hồng có móng sơn đỏ chói. Huân vội nhìn lên cho khỏi vô lễ. Tuy nhiên, chàng cũng kịp thấy hai bắp chân thon thon trắng nuột. Chiếc váy đen ngắn trên đầu gối một chút bó cặp đùi dài hấp dẫn. Bụng phẳng, hông cong. Thất lúng đở quần quanh chiếc lưng ong dưới cái áo *chemisier* lụa xanh hồ thủy phủ hai bờ ngực cao. Khuôn mặt rạng rỡ trong mái tóc nâu đen óng mượt cắt ngắn theo kiểu Sylvie Vartan. Huân ngây ngất vì nụ cười cởi mở của người đẹp hiện ra trước thang máy. Trong một phút ngắn ngủi, tất cả những nét yêu kiều rập đúng khuôn mẫu mà chàng từng ấp ủ trong tâm tư hiến dâng tới cặp mắt ngây dại của chàng. Chàng ấp úng:

- Mời cô thông thả bước vào thang máy. Tôi chờ đây.

Người đẹp mỉm cười, đi nhanh vào thang máy. Nàng đứng gần sát chàng, nói nhẹ như gió thoảng:

- Cám ơn ông nhé. Tôi vội xuống dưới nhà để ra ngoài phố. Giờ này lỡ một

chuyến thang máy là chờ cả chục phút nữa mới có cái khác.

Nàng đứng gần chàng đến nỗi chàng cảm thấy hơi gió từ miệng nàng thổi tới mặt chàng với hương vị thơm tho trộn lẫn mùi nước hoa. Qua vài giây bàng hoàng, Huân vội bấm nút cho thang máy từ lầu bốn chạy xuống nhà. Thang máy ngừng, cánh cửa tự động mở ra. Hai người bước khỏi thang máy. Một sức mạnh vô hình khiến cả hai không rời nhau được. Hai người đứng lại trước mặt nhau với tư thế của cặp tình nhân trong buổi hẹn. Huân cảm thấy hơi nóng từ thân thể nàng bốc lên quện lấy hơi nóng của chàng. Bờ ngực của nàng lên xuống mỗi lúc một nhanh. Hai người nhìn nhau say đắm. Nàng trấn tĩnh trước tiên, nói hơi run giọng:

- Ông có ra phố bây giờ không?

Huân cũng bình tĩnh, trả lời thẳng thốt:

- Tôi chưa ăn cơm, nhưng ra phố được.

Nàng bật cười:

- Tôi cũng chưa ăn cơm. Có *tickets restaurant* là có thể ra ngoài ăn tiệm được. Nếu ông không sẵn, tôi mời ông bữa nay đi ăn chung cho vui.

Huân vui vẻ:

- Thôi, để hôm nay tôi mời cô dùng bữa với tôi nhé. Tôi tên là Huân. Còn cô tên gì?

- Tôi tên là Lan-Anh. Hân hạnh được biết ông Huân. Ông có thể gọi tôi bằng cái tên dài đó, hoặc bằng Anh không thôi cũng được.

Vẻ mặt Lan-Anh hơi tự lự khi nói đến đó. Nhưng nàng tươi ngay nét mặt, giơ tay cho Huân bắt. Hai người đi sang bên kia

đường, qua một vườn hoa, vào trung tâm thương mại Masséna. Trong trung tâm có nhiều cửa hàng và quán ăn. Hai người chọn một quán ăn có dán dấu hiệu "tickets restaurant" trên mặt cửa kính. Bữa ăn đơn giản như những bữa cơm trưa trong tuần lễ làm việc. Nhưng đó là một bữa tiệc long trọng đối với Huân cũng như Lan-Anh. Hai người vừa ăn, vừa nhìn nhau, trao đổi những lời đơn sơ nhưng vô cùng thấm thiết.

Từ hôm đó, Huân và Lan-Anh không rời nhau, trừ những lúc phải làm việc. Trưa chủ nhật tuần đó, Lan-Anh mời Huân đến nhà nàng tại tỉnh Ivry, ngay cạnh Paris. Lan-Anh ở một mình trong cái *pavillon* xinh xắn, có vườn vây quanh. Nàng dẫn Huân vào căn phòng khách khá rộng liền với phòng ăn. Bên trong nhà được trang hoàng rất mỹ thuật. Nàng mời Huân ngồi ngay vào bàn ăn cạnh một khung cửa kính lớn nhìn ra thửa vườn nhỏ, có cây cối hoa lá xanh tươi rất thơ mộng. Nàng rót rượu khai vị mời Huân. Hai người cụng ly, nhìn nhau mỉm cười. Lan-Anh chột nghiêm mặt. Giọng nói dịu dàng của nàng khá xúc động.

- Lan-Anh mời anh tới đây hôm nay để trình bày với anh vài điều cần thiết, trước khi tình bạn của chúng ta đi vào một giai đoạn quan trọng.

Huân cũng trang nghiêm, ôn tồn nói:

- Lan-Anh cứ nói điều cần thiết đó cho tôi nghe. Nhưng, trước khi Lan-Anh bắt đầu, tôi muốn xác định một điểm về phần tôi.

- Anh cứ nói đi.

CÔ LÁNG GIỀNG CỦA TÔI

(Riêng tặng cô giáo Vân Trường LVD)

Cô bé nhà bên thưở ấu thơ
Xinh tươi dáng ngọc nét duyên mơ
Nỗi lòng vương vấn tôi thăm hỏi
Như biển nhớ sông đáng thần thờ

Vạt nắng bên thềm vàng áo cô
Yêu hoa từ đấy tôi ngày ngộ
Sắc hoa thấm đượm màu nhung nhớ
Trống vắng chiều về tôi vẫn chờ

Xào xạc lá vàng vương gót chân
Ước ao làm lá lót đường trần
Gần cô dù chỉ là cơn ảo
Tôi vẫn trông mong chẳng ngại ngần

Mây giận kéo mưa phủ ngập đường
Tôi buồn ngồi đếm giọt mưa tuôn
Sợ thắm mưa ướt hàng mi đẹp
Làm ngập hồn cô mắt lệ vương

Cô có bao giờ đổi mắt sang
Gởi lời cùng gió nổi riêng mang
Bên này tôi vẫn hoài trông đợi
Được tỏ cùng "Mây" giấc mộng vàng

Kỷ niệm cùng cô vẫn ngút ngàn
Bao năm tôi vẫn đếm Xuân sang
Chuỗi tình dài nhớ tôi luôn dệt
Chữ nợ không thành mộng vỡ tan.

Uyên Phương
Minh Nguyệt

(Plano, Texas)

Huân nắm tay Lan-Anh, nhìn vào mắt nàng, nói rõ ràng:

- Lan-Anh là người con gái đầu tiên mang đến cho tôi những rung động khác thường, mặc dầu tôi đã ba mươi hai tuổi rồi.

Mắt Lan-Anh long lanh khi nghe thấy điều này. Nàng hít mạnh như lấy can đảm, rồi cũng nói rõ ràng:

- Lan-Anh cảm ơn anh đã cho Lan-Anh biết điều này. Riêng Lan-Anh cũng cần phải cho anh biết hai điều. Thứ nhất, tuy anh cũng là người mang lại cho Lan-Anh những rung động chưa từng thấy, nhưng anh không phải là người đầu tiên đến với Lan-Anh.

Chỉ ngón tay lên tường bên trái bàn ăn, nàng nói tiếp:

- Anh hãy nhìn hai tấm hình treo trên tường.

Huân ngược mắt nhìn lên. Đó là hình một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi bên cạnh tám hình hai vợ chồng mặc lễ phục đám cưới. Chàng hỏi:

- Hình của những ai thế?

Lan-Anh buồn buồn nói :

- Đó là hình một người quá cố. Chồng của Lan-Anh đó. Như vậy là Lan-Anh đã có chồng rồi, anh thấy không.

Huân thản nhiên hỏi tiếp:

- Còn bên cạnh là hình đám cưới của Lan-Anh phải không?

- Không phải. Đó là hình đám cưới đứa con gái duy nhất của Lan-Anh, đã lấy chồng được hai năm nay, lúc nó hai mươi tuổi. Chồng của Lan-Anh mất khi nó được bốn tuổi.

Huân bỡ ngỡ hỏi :

- Lan-Anh lấy chồng hồi bao nhiêu tuổi mà có con lớn thế?

- Lan-Anh lấy chồng khá muộn. Lúc làm đám cưới, Lan-Anh đã hai mươi tám tuổi. Hai năm sau mới có con.

Huân vẫn thản nhiên, thay đổi cách xưng hô.

- Vậy thì Lan-Anh không cần phải nói lên điều thứ hai. Anh đoán ra rồi. Đó là vấn đề tuổi tác. Bây giờ, anh cũng có một điều cần nói với Lan-Anh: Anh yêu em tha thiết và ao ước được chung sống với em. Phải, từ nay tiếng “em” thay thế cho tên Lan-Anh, và tiếng “tôi” đổi thành “anh”. Em bằng lòng không?

- Ngay cả trường hợp em hơn anh hai chục tuổi, em lại có một đời chồng, có con, và trước đó, em đã có hai người tình, anh vẫn yêu em sao, anh Huân?

Huân cầm hai bàn tay Lan-Anh đưa lên môi hôn.

- Tuổi tác và quá khứ không thể nào làm lu mờ những gì của em ở trong hiện tại được. Trước mắt anh, em là cả một mùa xuân bất tận. Không một thiếu nữ nào thay thế em được. Qua ánh mắt của em, anh biết rằng em cũng yêu anh, mặc dầu em biết anh trẻ hơn em rất nhiều.

Huân đứng lên, nắm hai bàn tay Lan-Anh cho nàng đứng dậy. Hai người ôm choàng lấy nhau, trao nhau những nụ hôn nồng nàn. Nhạc thấy căn phòng ngủ mở cửa sẵn, Huân bế Lan-Anh vào đặt lên giường phủ khăn mầu hồng ấm áp. Hai người quấn lấy nhau, để được thật gần nhau. Bản nhạc tình bốc lửa tưởng như không bao giờ ngừng. Huân chơi vơi trong khoái cảm kỳ lạ đầu tiên. Lan-Anh điên cuồng với cơn lốc cảm giác mà nàng gần như quên hẳn sau mười

mấy năm sống độc thân. Nếu có phải là cứ qua bảy năm tế bào con người hoàn toàn đổi mới, thì thân thể nàng đang trở lại thời xuân nữ với muôn vàn hoan lạc!

Lan-Anh quyết định bán ngôi nhà cùng đồ đạc của nàng, chỉ mang theo quần áo, tiền bạc, vật dụng riêng, đến ở với Huân.

Ông bà Đạt trở về Pháp sau chuyến du lịch thăm quê hương. Bà Đạt sang thăm con trai vào một buổi sáng thứ Bảy. Thấy cửa không khoá, bà mở ra bước vào nhà. Tới phòng khách, bà không gặp con trai mà thấy một người đàn bà quay lưng ra ngoài, đang chăm chú tưới chậu cây cảnh. Nghe tiếng động, người đó quay lại. Thấy bà Đạt, người thiếu phụ mỉm cười cúi đầu chào. Bà Đạt chào lại, rồi đi thẳng vào phòng đọc sách. Ở đó, bà thấy Huân đang đứng cạnh tủ sách. Bà hỏi:

- Con làm gì mà phải mượn người dọn dẹp nhà cửa cho tốn tiền?

Huân lại gần ôm vai mẹ, bình thản nói:

- Chuyện riêng của con, mẹ để ý làm gì.

Bà Đạt về nhà, trong lòng hoài nghi. Sáng thứ Hai, trong khi Huân đi làm, bà sang nhà con trai, dùng chìa khoá riêng mở cửa vào. Bà xem xét khắp nhà, và thấy đồ dùng cùng giấy tờ của Lan-Anh. Đọc một tấm thẻ có hình của Lan-Anh, bà Đạt tưởng mình ngủ mơ khi thấy rõ tuổi tác của người trong hình. Bà để giấy gọi Huân sang nhà, rồi về điện thoại cho ông Đạt. Cả hai ông bà đều xúc động rất mạnh. Khi Huân sang gặp cha mẹ, chàng bị chất vấn nặng nề:

- Con ba mươi hai tuổi mà đèo bồng một bà già gần bằng tuổi ba mẹ! Con thấy như vậy có chướng hay không?

Huân thản nhiên đáp:

- Con yêu người ta và sẽ sống với người yêu suốt đời.

- Già như thế làm sao sinh đẻ được. Ba mẹ có một mình con. Như thế, gia đình này sẽ tuyệt tự sao?!

- Con cái làm gì cho mệt hở ba mẹ? Phải nuôi nấng dạy dỗ mất công lắm! Thôi chuyện của con, xin ba mẹ đừng dính vào.

Huân về rồi, bà Đạt khóc lóc, vật vã, chết giấc mấy lần. Ông Đạt mất ăn mất ngủ, áp huyết lên cao. Họ hàng xúm lại an ủi, ông bà không nguôi...

*

Huân ngừng kể. Lan-Anh mở mắt nhìn người tình, nói trong hơi thở:

- Em làm phiền mọi người quá!

Huân bịt miệng nàng lại :

- Em cho anh tình yêu đầu, còn anh thì tặng em mối duyên muộn. Đó mới là đáng kể. Có phải như vậy không, người yêu của anh?

BÌNH HUYÊN

(Paris, Mùa Đông 2008)



LỜI NGUYỆN MÙA XUÂN

Mến tặng Thế Hệ Trẻ Việt Nam Hải Ngoại và Quốc Nội

Nắng hồng rực rỡ cỏ cây,
Hoa Xuân khoe sắc toả đầy hương trinh.
Anh đi tìm hứng thơ tình,
Gặp em anh bỗng thấy mình lao đao,

Theo em khăng khít trăng sao,
Si mê cánh bướm lượn nhào quên bay,
Cầu mong ngọn gió đừng lay,
Cho hoa nguyên sắc hôm nay trọn đời,

Biển Yêu dâng mãi không vơi,
Để anh vượt sóng đón mời Nàng Xuân,
Vẫy vùng đoạt chức phu quân,
Tôn thờ em hết đường trần đa đoan.

Hiền thê xinh đẹp hiền ngoan
Yêu anh chung thủy, phòng loan lâu bền.
Trăm năm vui hưởng lương duyên,
Hai ta chung một lời nguyện máu xương:

Sinh con nối dõi tông đường,
Duy trì nòi giống quật cường Việt Nam,
Diệt quân lấn đất gian tham,
Đuổi phùng bán nước vì ham lợi quyền,

Vinh danh tiền bối tổ tiên,
Nêu cao chủ nghĩa tinh thần Quốc Gia,
Non sông vang khúc hùng ca
Quang-Trung bảo vệ sơn hà Xuân xưa!

Cỏ cây rực rỡ nắng lung linh,
Hoa Xuân khoe sắc toả hương trinh,
Tung tăng em mãi đùa theo bướm,
Nào thấy chàng trai lặng ngắm mình!

Theo em khăng khít tựa trăng sao,
Anh muốn thành con bướm lượn nhào
Biếng bay khờ dại cho em bắt,
Để được truyền hơi ấm ngọt ngào!

Em thấy anh vùng vẫy sóng Xuân,
Dọc ngang quyết đoạt chức phu quân,
Em trao anh giải "Lòng Trinh Nữ",
Để được thờ tôn suốt cõi trần!

Còn em chung thủy đẹp ngoan hiền,
Phòng loan gìn giữ thật lâu bền,
Trăm năm vui hưởng tình trần quý
Son sắt cùng theo một ý nguyện :

Sinh con để nối dõi tông đường,
Gìn giữ Việt Nam giống quật cường,
Diệt quân lấn đất đòi thêm biển,
Đuổi lũ Hoa nô hết một phùng!

Vinh danh tiền bối tổ tiên ta,
Đoàn kết theo cờ của Quốc Gia
Hò vang sông núi hùng ca mới:
Con cháu Quang Trung giữ nước nhà!

THÙY HUYỀN TRỌNG BÌNH

Văn-Hóa Tiên Sử Việt Nam: VIỆT-NAM, TRUNG-TÂM NÔNG-NGHIỆP LÚA NƯỚC VÀ CÔNG-NGHIỆP ĐÁ, XƯA NHẤT THẾ-GIỚI

(Tiếp theo kỳ 1)



Bs tiến sĩ

Nguyễn Thị Thanh
Saigon 1982

NGUỒN GỐC RỒNG PHỤNG VÀ MÁI NHÀ CONG:

Sử Tàu kể rằng vào thời nhà Châu, dân Bách Việt quận Việt Thường đem tặng vua nhà Châu cặp chim trĩ, sau đó nhờ Tàu dùng xe chỉ nam của Mông Cổ chỉ đường về. Tàu liền mua nhiều chim trĩ của Việt cổ để phát triển. Những ghi chép thường có tính cách kỳ thị man di. Nhưng những chuyện huyền thoại cổ của man di như chuyện ông Bàn Cổ gốc người Dao (Sách chuyện Ông Bàn Cổ của An Phong Nguyễn Văn Điển), chuyện bà Nữ Oa biết "đội đá vá trời" tức có kinh nghiệm về thời tiết mưa gió, dạy dân theo thời tiết mà trồng trọt, Thần Nông tức Viêm Đế (vua xứ nóng Bách Việt) dạy dân làm ruộng, và chuyện vật tổ

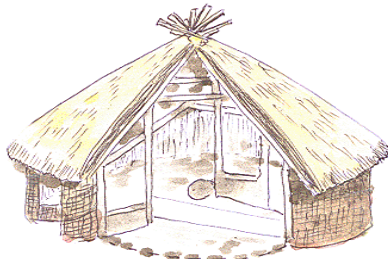
là con Rồng, chứ không phải Cọp trắng (Cọp trắng là vật tổ của dân Mông Cổ Hán tộc từ trước) thì dân Hán tộc Mông Cổ chiếm lấy làm của.

Thật ra lúc đầu người Hán không quan tâm đến những câu chuyện thêu dệt thần thoại của dân Bách-Việt. Nhưng khi họ hiểu ý nghĩa triết lý sâu xa của những câu chuyện hoang đường như chuyện ông Bàn Cổ, thì họ, dân Hán tộc Mông-Cổ, vốn đã có chữ để ghi rất sớm (vừa qua tôi được nghe người chị dâu của tôi là Tiến sĩ Hán học tên Bằng Thanh ở Hà Nội nói rằng chữ Hán không phải của dân Mông Cổ đem qua Trung Quốc), chép ngay các câu chuyện và nhận ngay các Vị có gốc Bách Việt trên làm tổ tiên của họ. Họ cũng có lý một phần, vì dân Miêu tộc Trung-hoa có gốc Bách-Việt lai giống với Mông Cổ dần dần để trở thành dân Trung Quốc. Nhưng họ phải hiểu rằng người Việt Nam mới là con cháu chính thống của các Vị. Người Việt chẳng bao giờ dành riêng ai cho mình.

Người Tàu có văn hoá và có kiến thức vẫn biết tổ tiên của người Hán có nguồn gốc Mông-Cổ, có con vật tổ là Cọp trắng, với nhà truyền thống cổ là nhà gốc du mục hình tròn (xem "Les premières civilisations LA CHINE ANCIENNE", trang 28-29, của ông William Watson xuất bản năm 1969 tại Grande Bretagne) (Hình 6, Bs Thanh vẽ lại hình nhà khảo cổ của ông William Watson). chứ không phải nhà hình chữ nhật cao cẳng hay không, với những nét cong cong đặc trưng của các góc mái nhà, của 2 đầu giường ngủ, 2 đầu thuyền như ngày nay. Trong lúc đó nhà cổ của Bách Việt là nhà hình chữ nhật 3 gian 2 chái làm bằng tranh và tre cong cho chắc chắn, dần dà sinh ra

mái cong cong. (Hình 7, Bs Nguyễn Thị Thanh vẽ, phỏng theo nhà minh khí chôn theo người chết bằng đất nung thời Âu Cơ và Hùng Vương tìm thấy trong văn hóa tiền sử). Nhà hình chữ nhật của Bách Việt từ thời Âu Cơ cách đây khoảng 5000 năm: Những cây tre cong cong làm nhà với chiều cong đưa lên trời để căn nhà có thể vững vàng. Người Trung Hoa gốc Mông Cổ thấy nhà, giường ngủ, thuyền bè của dân Trung Hoa gốc Bách Việt có nghệ thuật tuyệt vời với dáng cong cong nên phát triển thành nhà ngói có mái cong cho triều đình và chùa chiền. Sau này Đại Hàn và Nhật Bản cũng bắt chước.

Từ trước đến nay, thế giới và cả người Việt Nam cũng đều lầm tưởng rằng Rồng (hiện thân của con cá sấu) và chim Phụng hoàng (chim trĩ) là vật tổ của Trung-Hoa, và mái nhà cong cong là văn hóa cổ truyền của họ. Chưa nói đến sử học hay khảo cổ học đã chứng minh được sự thật, Mông Cổ ở phương bắc không có cá sấu mà chỉ có nhiều ngựa và cạp nên họ đã chọn cạp trắng làm



Old Chinese house figured by William Watson in "Les premières civilisations : LA CHINE ANCIENNE" (Page 28, Figure 28), Published in England, January 1969.

H. 6: Nhà cổ Tàu hình tròn.



Ancient Vietnamese civilization house built with Rice bran and cured Bamboo tree, created a natural cured roof which is the nature of today's house. (Figure by Dr. Nguyen Thi Thanh)

H. 7: Nhà cổ Bách Việt hình chữ nhật

vật tổ. Chim trĩ từ nghìn xưa chỉ sống ở đất Việt Thường trên triền núi phía đông dãy Trường Sơn (ngay miền

Quảng Trị Thừa Thiên). Dầu sao thì cũng không chối cãi được là nhờ vào ảnh hưởng dân Bách Việt trên lục địa Bách Việt cổ mà Mông-Cổ đã phát triển nên một nền văn hóa lớn lao về mọi mặt sau này cho Trung-Quốc. Nhật-bản và Đại-Hàn cũng nhờ ảnh hưởng văn hóa Bách-Việt qua Trung-Hoa. Trước đây thế giới, đặc biệt là người Pháp cứ cho là Việt Nam bắt chước Tàu. Chẳng hạn việc bà Daisy Lion-Goldschmidt tác giả quyển LES POTERIES ET PORCELAINES CHINOISES, trang 4, đã cho rằng dân Annam bắt chước gốm Hoa-lam của Tàu. Trong khi chính Việt Nam có gốm hoa lam trước Tàu và thợ thầy gốm giỏi Việt bị Tàu bắt đi làm gốm từ đầu thiên niên kỷ thứ I cho vua quan Tàu.

GỐM CỔ VIỆT NAM:

Nguyễn Trãi đã từng viết: « **Mỗi lần đi cống, đồ gốm phải 72 bộ .** »

Không biết được mỗi 'bộ' đây là gốm bao nhiêu thứ và mỗi thứ bao nhiêu cái. Và mãi cho đến thời vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ, Tàu vẫn còn buộc chúng ta làm gốm đẹp, dệt lụa trắng mỗi năm đem cống Tàu (xem quyển Đại Việt Quốc Thư của vua Quang-Trung Nguyễn Huệ do Trung Tâm Học Liệu - Bộ Giáo Dục Đệ Nhất Cộng Hòa Miền Nam cho dịch ra quốc ngữ năm 1962 và in thành sách quý giá, tài liệu hiếm quý của Triều Nguyễn Tây Sơn còn lại.). Ngoài ra chúng tôi đã nghe những người buôn bán và sưu tập đồ cổ Bắc Việt khắp nơi trên đất Bắc kể lại rằng họ đã từng thấy tận mắt những mảnh đĩa gốm men ngọc (céladon) vỡ có đường kính đến 1m40cm, và những mảnh vỡ chén gốm có đường kính đến 60cm. Vậy phải chăng vì vua, quan Trung-hoa thường thích những đồ gốm to cao lạ thường, nên vua chúa quan nước ta cho thợ làm những chén đĩa gốm nói trên để thay thế vàng bạc mà đi cống Tàu chẳng ? Chứ người Hoa-kiều chạy loạn qua Việt-nam sinh sống chắc chắn không đem đồ gốm to

lớn như vậy. Gốm hoa lam Việt Nam có trước Tàu, người thợ từ rất sớm, chỉ dùng màu xanh nội địa, và cách trang trí trên gốm của họ hoàn toàn có những đặc tính độc đáo khác Tàu. Đôi khi các lò gốm Việt Nam cũng đổi chác màu xanh tươi mà các lò gốm Trung-hoa mua của Ba-Tư. Nhìn hai mẫu bình gốm ngự dụng và phong cách trang trí của Tàu và ta có những nét khác biệt rất lạ lùng (xem hình 8, 9), điều này chứng minh sự khác biệt về tính khí, tình cảm và hoàn cảnh sống của Việt tộc và Hán tộc. Tôi không dám dài dòng ở đây; xin mời quý độc giả phán đoán.



Hình 8

Gốm hoa nâu ngự dụng triều đại Lý, Việt Nam (Hình 8):

- Bình trà gốm hoa nâu lớn có nắp. Kỹ thuật tạo gốm và trang trí nổi rất đẹp hoàn chỉnh về mọi mặt. Độc nhất ở

Việt Nam và thế giới. Viện Bào Tàng Lịch Sử Hà Nội đã mượn chụp hình đưa vào sách Mỹ Thuật Thời Lý, chủ nhân bình không cho mượn nắp. Da rạn với thời gian. Trang trí 2 dãy cánh sen kép đều đặc, quá đẹp trên nắp, trên vai bình và ngay cổ chân. Một vòng chuỗi hạt trên vai. Vòi bình thoát ra từ miệng một con chim két. Trang trí đặc biệt trên bình hoa nâu này là một con chim két đậu ngay chỗ quai cầm, yên lặng quay mặt nhìn trở ra phía lưng. Thân bình được chia làm 6 khung hình thuẫn đều nhau. Trong mỗi khung được trang trí bằng hoa và lá hoa súng, hay còn gọi là sen đại. Xung quanh đế bình, phía dưới những cánh sen kép, một chuỗi chữ I xiên đều đặn chạy tròn chân bình. Đây là bình ngự dụng của triều đình nhà Lý, Việt Nam. Kính = 20cm, Cao = 22cm.

Gốm ngự dụng triều nhà Minh Trung Quốc (Hình 9):

- Bình lớn tam sơn và ngũ sắc quan trọng, với 4 tầng lớp 'Ngự, Tiều, Canh, Độc'. Phần cổ của bình có hình hơi giống hình ống hai đầu xoè ra, men ngọc rất đẹp (celadon), vết rạn men lớn. Hai bên cổ bình có 2 quai làm bằng cành mai men nâu với 2 nhánh hoa mai trắng mọc quanh cổ bình. Mặt trước bình là đỉnh núi xanh từ thân bình trồi lên. Phần thân núi nằm trên thân bình. Vai bình màu xanh da trời sáng. Phần thân bình hình ống thẳng đứng trang trí với men xanh trắng. Trên 3/4 diện tích thân bình được vẽ bức tranh sơn thủy, rừng và núi. Bốn chiếc thuyền ngư ông câu cá trên sông, trên rừng một tiều phu đang gánh củi, trong điểm canh 1 người đang đứng. Xa xa trên cầu một thư sinh cỡi ngựa, theo sau là người hầu gánh 1 gánh sách. Toàn bộ cảnh vật được bao vây bằng 7 đỉnh núi nổi trên mặt biển. Phần chân bình được tô màu vàng đậm, khúc giữa bóp lại được trang trí một

vòng hoa văn màu nâu đậm với những hoa mai trắng và chim trắng vẽ cách điệu. Đế có men trắng rạn, chính giữa có in khuôn dấu « Đại Minh Ch'eng-Houa Niên chế ». Cao = 65cm D = 23cm.



Hình 9

Trở lại nông nghiệp của dân Bách Việt. Làm ruộng công cụ. Nông nghiệp đòi hỏi nhiều dụng cụ, dụng cụ đòi hỏi công nghiệp. Công nghiệp đá sản xuất công cụ cho thợ đá (để làm cày cuốc), kỹ nghệ đá; công nghiệp đồng cho thợ đồng, kỹ nghệ đồng đúc trống đồng và các thứ tiểu công nghiệp khác như nghề nuôi tằm dệt vải, làm đồ gốm của nước ta từ trước rất xa thời văn hoá Hoà Bình Bắc Sơn đã rất phát triển cho đến thời Bắc thuộc năm 111 tr TC thì bị cấm chỉ, ngưng hẳn. Như vậy nông nghiệp và công nghiệp nước ta đã phát triển xa hơn Tàu và không hề nhờ phương Bắc giáo huấn. Từ năm 111 tr.TC nước cổ Việt hoàn toàn bị Tàu thu thập thầy thợ nhân lực và công lực. Các thợ thầy giỏi và kỹ thuật cao của nước ta bị sức mạnh cướp lấy để phát triển, dành lấy làm văn hóa của mình. Trong những thời gian bị đô hộ, dân Việt cổ

bị cấm tuyệt mọi sinh hoạt kỹ nghệ bản địa công khai. Vì vậy những nền văn hóa thời tiền và sơ sử Việt Nam bị ngưng hẳn từ thời Bắc thuộc, kể cả hậu Trưng Vương. Thế giới cũng hiểu rằng Trung Quốc đã ngăn chặn những nền văn minh tiền sử Việt Nam, và đã xung phong vào để tiếp nối những nền văn minh tiền sử Bách Việt. Sự kiện này đã được làm sáng tỏ với những bằng chứng khoa học rõ ràng (sẽ nói rõ sau).

Từ trước đến nay chúng ta chưa khẳng định được những điều nói trên mà phải chờ di vật cổ tổ tiên để lại trong lòng đất mới có đủ luận cứ thuyết phục cho chính chúng ta và thế giới. Khảo Cổ học đã nói lên cho chúng ta biết rất nhiều điều bí ẩn mà ngoại quốc đã hiểu lầm hoặc che dấu và xuyên tạc. Nhờ vậy ngày nay rất nhiều học giả Trung-hoa đã công nhận sự thật về nguồn gốc Bách Việt trong văn hóa Tàu. Từ khi người Pháp qua cai trị nước ta, họ chiếm độc quyền khoa khảo-cổ. Từ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, các nhà khảo cổ ngoại quốc và Việt Nam đã tìm ra ở trên đất nước chúng ta từ miền Bắc đến miền Trung là đất cổ Bách Việt rất nhiều luận cứ chứng minh sự thật : Người ta đã tìm thấy rất nhiều nền văn minh tiền sử Việt Nam cổ liên tục nối đuôi nhau trên đất Bắc và Trung Việt. Thường khi tìm được di chỉ văn hoá ở đâu lần sớm nhất, người ta lấy tên địa phương mà đặt cho nền văn hóa đó. Văn hoá Việt cổ xưa nhất còn gặp nhiều di vật cách đây trung bình 30.000 năm được tìm thấy ở núi Đọ, thôn Sơn-vi tỉnh Vĩnh Phú được đặt tên là văn hóa Sơn-vi hay Tiền Hòa Bình. Nền văn hóa này được tìm thấy rải rác khắp miền Bắc và Trung Việt.

Tuy việc tìm thấy là ngẫu nhiên, nhưng nhờ vào sự giàu thịnh nên người ta đã tìm thấy rất nhiều nền văn hóa có tính cách liên tục nối tiếp nhau từ văn hoá Sơn-Vi (30.000 năm tr, TC) qua Hoà Bình (16.000 - 8.000 tr TC) đến Bắc Sơn rực rỡ, Quỳnh Văn, Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Hoa lạc vv.. dần dần đến văn hóa Đông Sơn huy hoàng có niên đại từ 1000 năm đến 111 năm tr TC là thời gian bị Bắc thuộc lần đầu.

Rồi từ 111 tr TC dưới ách đô hộ của Tàu, văn hóa nước ta ngưng, chìm lìm hẳn, không tiến và hầu như biến hẳn, vì sao ? Hỏi tức nhiên là đã trả lời. Dư âm của các nền văn hóa trên còn âm thầm kéo dài thêm vài thế kỷ sau Bắc thuộc rồi bị Tàu thôn tính và ằm đi luôn.

Trong những nền văn hoá tiền sử nước ta khi nói đến văn hóa Hòa Bình (đi chỉ tìm thấy ở tỉnh Hòa-bình Bắc-Việt) thì từ lâu giới khảo cổ học và khoa học thế giới đều biết rằng đó là một trung tâm nông nghiệp và công nghiệp đá xưa nhất thế giới. Nhưng vì sao dân ta như các sử gia Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh cứ luôn cho mình là dân man di, được Hán khai sáng, dạy cho cưới vợ hỏi chồng, dạy cho nông nghiệp.... Suốt 1000 năm cai trị, Hán lấy tài nguyên sẵn vật quý, và bắt thợ giỏi, gái đẹp cùng ngăn cấm dân truyền tụng văn hoá cổ, ngăn cấm dân ta phát triển kinh tế, và đập phá tất cả mọi công trình công nghệ điển hình là gốm, lò luyện kim, lò đúc đồng trống đồng, đúc sắt. Dân Việt sợ, ai có đồ gốm và đồ đồng, trống đồng thì đem chôn dấu. May thay khảo cổ học đã lấy lên từ lòng đất những sự thật về văn hóa tiền sử, sơ sử và lịch sử nước nhà.

Nghiên cứu tài liệu khảo cổ, đối chiếu với tài liệu sử học là việc làm có bằng chứng khoa học vững vàng giúp chúng ta tìm hiểu nguồn gốc văn hóa dân tộc. Lịch sử văn hóa mỹ thuật dân tộc Việt-Nam cần được soi tỏ dưới ánh sáng khoa học một cách công-minh. Khác với lịch sử, sử gia có thẩm quyền ghi chép nhiều ít theo ý mình những sự việc xảy ra, văn-hoá mỹ thuật lịch-sử cần những sự thật cụ thể được chứng-minh bằng khoa-học. Lịch-sử phụ thuộc sử gia, trong lúc văn-hoá mỹ thuật lịch-sử là công trình của tiền nhân để lại một cách đích thực, hiển nhiên, không thể chối cãi hay làm méo mó sự thật được.

Văn hóa mỹ thuật lịch sử giúp tìm hiểu tâm lý, hoàn cảnh sống, nghệ thuật, trình độ tiến hóa, tâm linh, sinh hoạt gia đình làng xã, quan niệm hôn nhân. Thế cho nên văn hoá mỹ thuật là một khoa học lịch sử,

nhất là tiền và sơ sử tuy vô cùng khó khăn và mù mờ nhưng cũng vô cùng sống động, quý báu và lý thú. Những cổ vật là vô tri, nhưng qua đó chúng ta có thể tìm hiểu được cách sống, tư tưởng, cá tính, tinh thần tập thể, tinh thần đoàn kết dân tộc, tình cảm, hoài bão và tư tưởng triết thuyết trong cuộc sống vật chất và tinh thần của tiền nhân. Vì vậy chúng ta không thể nào chấp nhận lịch sử văn-hóa nước nhà qua hành động và lời lẽ khinh bạc, dìm dập, xuyên-tạc của thực dân ngoại lai Tây và tay sai người Việt của chúng nó.

Trở lại các thị tộc du mục Mông Cổ, thủy tổ nhà Hán vượt sông Hoàng hà đến chiếm dần dần trung nguyên bao la rộng lớn mà lập nên nước Tàu vĩ đại. Nghề nông là do dân Bách Việt làm từ lâu đời trước khi Mông Cổ đến chiếm, dân Trung hoa gốc Bách Việt tiếp tục làm nông. Vị tù trưởng Mông Cổ Hoàng Đế biến dân Bách Việt Trung-hoa thành nô lệ, chỉ được quyền tiếp tục nghề nông hay làm lính làm tôi tớ. Như vậy khi đến chiếm lục địa trung nguyên dân Mông Cổ được thừa hưởng tài sản nông nghiệp của bao nhiêu đời Bách Việt truyền lại. Tuy vậy xưa kia Hán tộc Mông Cổ rất kỳ thị, khinh miệt và đối xử tàn ác với Miêu tộc Trung-hoa, do đó mới sinh ra chế độ nô lệ man di. Dân nô lệ Bách Việt thường chỉ được sống với nghề bần xứ, trồng trọt, đánh cá hay đánh giặc. Dân Hán là dân nắm chính quyền vẫn còn nhớ, yêu thích nghề du mục xưa, nên rất ưa thích săn bắn, làm thành một thú tiêu khiển vương giả.

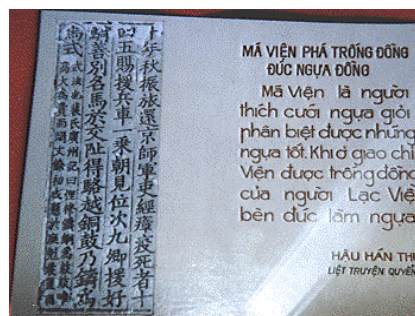
Sau trận Trác-Lộc, lớp Bách Việt thuộc hàng lãnh đạo vượt sông Dương Tử giữ nước Xích Quỷ. Rồi cũng lại bị nhà Hán đến cướp đất. Sau đời Trưng Vương họ còn kéo đến đô hộ tiếp. Trước sau sự đô hộ kéo dài đến non 1.000 năm. Nhà Hán vừa chiếm Việt cổ vừa thi hành ngay chính sách thực dân, thuế nạt không những của cải vật chất, đặc biệt là con người với tài nguyên trí tuệ mà họ vô cùng chú trọng. Nhà Hán đã chiếm văn hóa tiền và sơ sử của Bách Việt trên lục địa Trung Hoa từ trước. Nay lại chiếm luôn cả văn hóa sơ sử mới mẻ của

nước Lĩnh-Nam của vua Trưng Vương từ Động Đình Hồ trở xuống, rồi kể đến là văn hoá Việt Nam trong Thiên niên kỷ thứ I sau CN từ ải Nam quan trở xuống miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Vì thế rất dễ hiểu những gì Việt Nam có từ trước đều được vua chúa Trung-Hoa làm phát triển tối đa vang danh thế giới. Đến sau này Việt Nam lại tìm cách bắt chước, nhưng chưa được bao nhiêu, vì thường chính phủ Trung Quốc bắt buộc các chuyên gia dẫu nghề một cách sắt máu (Hiện tại 2 nước Hoa Việt đều là Cộng Sản anh em, vậy mà khi một Kỹ sư Cầu cống Trung Hoa qua làm việc tại Hà Nội, hướng dẫn chỉ bảo gì cho Kỹ sư Việt Nam là bị giết.) Mặt khác dân Việt khó lòng phát triển nghề của chính mình, vì thiếu khả năng kinh tế, thiếu sự giúp đỡ của nhà cầm quyền và vì những thợ giỏi bị bắt đi gần hết.

Người Trung Hoa gốc Mông-Cổ có thâm ý làm cho người Trung-hoa gốc Bách Việt và người Việt cổ quên hẳn quá khứ của giống nòi hầu dễ dàng buộc họ đồng hóa và chấp nhận rằng chính nhà Hán Mông-cổ khai hóa ra Bách Việt. Sự thật người Trung-quốc gốc Mông-cổ bị đồng hóa với Bách-Việt. Chính nhà Nguyên Mông-cổ và nhà Thanh Mãn-Châu sau này cũng lại bị Trung-hoa gốc Bách Việt đồng đúc đồng hóa luôn. Như vậy Mông cổ và Mãn Thanh đã bị man di Miêu tộc Bách việt đồng hóa thành Trung-hoa. Người Tàu Mông cổ vốn có vật tổ là cọp trắng, và nhà cổ là nhà hình tròn gốc du mục nhưng khi họ thấy vật tổ Bách Việt là rồng phụng, và nhà cổ Bách Việt mái cong cong, có nét đẹp mỹ thuật tao nhã, họ chiếm ngay văn hoá nhà cổ mái cong cong và vật tổ rồng phụng Bách Việt làm của họ và người mình không hề dám hề môi hay trần trối gì với con cháu.

Gần đây đào được trống đồng ở Vân-Nam, khảo cổ gia Tàu cũng tuyên bố ăm ỳ là trống đồng do Mã Viện và Gia Cát Lượng sản xuất ???!. Sao họ có thể quên đất Vân-Nam Quảng-Đông Quảng-Tây lên tận Động Đình Hồ vốn là đất của nước Việt Cổ, họ cũng quên những điều đã ghi trong Hậu

Hán Thư quyển 14 về việc Mã Viện phá trống đồng đúc ngựa và cột đồng theo mật lệnh của vua Hán Quang Vũ. Chính vua Quang Vũ nhà Đông Hán đã ra mật lệnh cho Mã Viện phải phá hủy trống đồng Bách Việt của Trưng Vương vì đó vật thần linh giúp Việt tộc chống xâm lăng. Vì thế trên đất Hoa Nam hiện tại là đất Việt cổ tìm thấy trống đồng là việc đương nhiên. Hậu Hán Thư quyển 14 chép: **"Mã Viện là người thích cưỡi ngựa giỏi, biết phân biệt ngựa tốt. Lúc ở Giao-chi Viện lấy được trống đồng đem đúc ngựa..."** (Hình 10)



Hình 10 : Mã Viện phá trống đồng của Trưng Vương để đúc ngựa và đồng trụ đất từ Động Đình Hồ trở xuống ải Nam Quan của nước Lĩnh-Nam. Và vì sợ dân Giao Chi lấy cột đồng đúc trống và phá hủy biên giới do Mã Viện đề ra, để chiếm lại đất củ của mình, nên Mã Viện ghi trên đồng trụ "Đồng trụ chiết, Giao Chi diệt" để dọa dân Việt cổ. Nhưng rồi chắc là dân ta cũng đã lén lấy đồng trụ để đúc trống vì thiếu đồng, nên đồng trụ biến mất. Ngoài ra, vì cần đồng để đúc trống nên dân Việt thường đem vàng bạc ngọc ngà hạt trai, sản phẩm quý đời lấy tiền đồng của người Hán. Trước đó chính bà Lữ Hậu vợ vua Thái Tổ nhà Hán là Lưu Bang đã ra lệnh cấm bán, đổi chác tiền đồng cho dân Giao Chi. Riêng Mã Viện, từ khi thăng Trưng Vương, biết dân Giao Chi coi trống đồng như là một linh vật giữ nước. Mã-Viện, có kinh nghiệm về việc Trưng Vương ra trận dùng trống đồng thúc quân, thấy uy lực trống đồng của Bách Việt

rất lớn, giúp họ đánh giặc rất hăng. Việc đúc ngựa, đúc đồng trụ chỉ là cái cớ để tiêu hủy linh vật của Bách Việt mà thôi. Vậy ai dám bảo trống đồng do Mã Viện và Gia Cát Lượng đúc thì thật là xuyên tạc lịch sử mỹ thuật Việt Nam một cách trắng trợn.

Nhân đây xin kể một trường hợp xuyên tạc, bình gốm Hoa Lam cổ Đại Việt, trưng bày ở viện bảo tàng Istambul. Cách đây trên 50 năm Tàu và Nhật tìm xem có thể là của họ không? Nhưng đến khi thấy niên hiệu ghi trên bình là niên hiệu vua Nhân Tôn nước Đại Việt (1450) "**Thái-hòa bát niên, Bùi Thị Hy bút**" (Hình 11), người Hoa bèn bảo đó là "... của một ông thầy Tàu qua Việt Nam chơi, làm để lại..."! Và họ cho Bùi Thị là một người nam, đọc là "Thái hòa bát niên Bùi Thị hí bút". Vào thời kỳ đó người ta hoàn toàn chưa biết Việt Nam đã có lò gốm hoa lam rất sớm từ thế kỷ 8, 9, 10, 12, 13 với màu xanh bản địa chứ không nhập cảng màu xanh tươi của Ba-Tư như Trung-Hoa.



Hình 11 : Bình hoa lam cổ VN trưng bày ở VBT Istambul

Phải mất gần 30 năm sau, khi khảo cổ học Việt Nam tìm thấy dấu tích nhiều lò nung gốm cổ hoa lam trên đất Bắc Hà từ thế kỷ VIII, IX, XI, XIII cùng những sản phẩm phế thải của lò và những gốm Việt Nam cổ có trang trí hoa văn giống hoa văn hoa cầm chướng giấy, hướng dương giấy bao quanh thân gốm trên độc bình ở Istambul (Hình 12, 13, 14), mới chứng minh đích thực bình cổ danh tiếng ở bảo tàng viện Istambul là của Việt Nam do một phụ nữ là Bùi Thị Hy trang trí tỉ mỉ (giới nữ chuyên nghề trang trí

là nghề nhẹ tại các lò gốm) chứ không phải hí họa của ông thầy Tàu qua Việt Nam.



Hình 12



Hình 13

Hình 12 : Ly uống rượu cao cẳng bằng gốm hoa lam. Loại chén với dáng đáy có góc vuông đặc biệt chỉ VN có mà thôi. Đó là một trong những loại rất được các bà hoàng trong cung yêu chuộng từ xưa. Trong lòng ly viết 1 chữ Hán. Bên trong và bên ngoài thành miệng chén chạy vòng hoa văn với cành lá cách điệu. Dưới vòng hoa văn là hình vòng tròn kép. Trang trí chính là hoa cúc giấy bao quanh thân chén. Từ da chén rạn



Hình 14

với thời gian tươm ra ốc-xít sắt nâu. Chân cao hình ống, ở khoảng giữa chạy một vòng hoa văn kỷ hà. Chân hơi xòe ra, sơn 1 vòng nâu. Dưới đế có lỗ sâu cho ly đỡ nặng. Tuy chân nhỏ nhưng chén đứng rất vững vàng. Đây là loại chén vừa mảnh khảnh vừa thanh tú cao sang, vừa đẹp, vừa được trang trí bằng hoa cúc giấy nổi tiếng thế giới vào thế kỷ 15, 16 mà mãi cho đến ngày nay người ngoại quốc nhất là Nhật Bản rất thích thú tìm mua. Ngự dụng. VN, triều đại Trần, Lê, thế kỷ 13 đến 15. C = 11,5cm K = 10cm

Hình 13 – Bình sành hoa lam, hình xoan, miệng rộng, dùng để cắm hoa. Bên ngoài 5 phần trang trí khác nhau, được chia cách bằng những vòng tròn đôi, vòng tròn ba. Một vòng cánh sen đôi bao quanh miệng. Những vũng mây ngang trên vai. Bốn quai nhỏ làm kiếng gắn 4 phía vai (3 quai đã bể), cách trở với 4 hoa cúc nhỏ trắng, hình nổi, được gắn thêm. Trang trí chính của bình trên bụng là một loại hoa-giây-mẫu-đơn-đặc-biệt gồm 4 hoa lớn và cành lá chạy tròn. Trên và dưới giấy hoa là những vòng-tròn-ba. Trang trí bằng "hoa-giây" là một kiểu trang trí đặc thù do ngẫu hứng của phụ nữ họa sĩ Việt trong các lò gốm sáng tạo. Trang trí trên gốm là công việc nhẹ nhàng thẩm mỹ, nên thường chỉ có giới nữ là chuyên viên trong các lò. Loại hoa giấy trang trí trên gốm vào những thế kỷ 13, 14 và đặc biệt là 15, 16 rất nổi tiếng và được các nước Đông Nam Á kể cả Trung-quốc rất ưa chuộng, đến độ Tàu đã qua thuê Việt-Nam làm ký kiểu. bên dưới là những cánh sen cao, trong ruột chứa từng vòng mây xoắn ốc cao, đều đặn. Sát đáy bình là một vòng mây mỏng bao quanh. VN, triều đại Lê, thế kỷ 15. D = 30cm D = 34cm

Hình 14 – Bình trầm hương đế cao bằng gốm hoa lam, rất đẹp. Nhìn chung bình thể hiện một nghệ thuật sáng tạo rất hoàn chỉnh. Bình chia làm 5 phần : Quanh miệng được trang trí bằng một dải hoa văn kỷ hà nghiên nghiên nổi; trên và dưới hình

hoa văn là 3 cặp vòng kép. Cổ màu trắng, ngắn. Trang trí chính trên bụng là hoa cúc giấy, lá cúc giấy cách điệu. Phía trên vai bình và dưới bụng bình là 2 dải kép cánh hoa sen; trong mỗi cánh sen như có một bàn tay nhỏ 4 ngón. Một vòng tròn màu nâu phía trên cổ chân màu trắng, nhỏ lồi phồng ra. Đế bình xòe ra với một vòng kép lam bên trên và một vành màu nâu rộng ở giữa. Đáy không men với một lỗ sâu ở giữa. Việt Nam, triều đại Lê, thế kỷ 15. H = 15cm D = 13cm

Trở với du mục Mông-Cổ, họ sống bằng săn-bắn và du mục. Do đó họ không thể nào là những người đã phát sinh ra nền văn-hóa nông nghiệp. Và như thế họ cũng chẳng bao giờ có họ hàng cần thiết với các vị Thần-Nông (người tài giỏi về làm ruộng), bà Nữ-Oa "đội đá vá trời" (tức là người tìm hiểu và kinh nghiệm nhiều về thời tiết giúp nhà nông làm ruộng). Dân du mục phải thường xuyên chống chọi với thú rừng, cũng như chống chọi với các đoàn du-mục khác, họ phải đấu tranh không ngừng. Vì thế họ là một chủng tộc mạnh, tài nghệ bắn cung, cưỡi ngựa, đồ vật, đằm chém của họ rất cao. Chính nhờ vào tài nghệ này mà họ đã thành công trong việc chiếm lỵ địa Xích Thần Trung-hoa và chiếm Lĩnh Nam sau này. Giòng máu du mục buộc họ luôn sẵn sàng chiến đấu, từ đó nảy sinh giọng máu xâm lăng. Và lại khí trời miền bắc lạnh, nên bản chất họ rất khỏe, họ rất sợ khí nóng ở miền nhiệt đới nông nghiệp mà họ coi là nơi âm phong chương khí.

Cũng vì lý do trên, người Trung-Hoa gốc Mông cổ không thể có các vị vua Thần nông "vua trồng-trọt xứ nóng" tức là vua Viêm Đê, cần thiết của nhà nông. Dân Bách-Việt hiền lành ở miền Nam lo nghề nông, không quen đánh giặc bị họ chiếm hết đất đai và văn hóa. Suốt trên hai nghìn năm chúng ta hầu như chỉ học cho biết rằng Việt Cổ là một đất nước vô văn-hóa, man di, được nhờ Tàu Mông cổ khai hóa. Dầu rằng Tàu gốc Mông cổ không chứng minh được nguồn gốc văn hóa của họ. Như thế đủ thấy ảnh hưởng của việc bị đô hộ Tàu,

kể cả Tây sau này, là nguy hiểm như thế nào !. Chính vì vậy mà LM Triết-Gia Kim-Định đã gia-công nghiên-cứu một triết-lý An-Việt và nói đến "một nền văn hóa Việt-Nam cổ mờ cô" "mờ cô" đây có nghĩa là không được thế giới trước đây nhìn nhận, chứ không phải không có mẹ đẻ ra. Thật ra văn-hóa tiền-sử Việt-Nam đã bị che dấu và cướp đoạt vì sức mạnh, chứ nhất thiết chưa hẳn là không được nhìn nhận. Văn-hóa Việt cổ có mẹ đẻ từ các nền văn hóa tiền sử Việt cổ, và đã sinh đứa con khổng lồ là nền văn-hóa siêu-việt Trung-Quốc. Chính văn-hóa Trung-Quốc lúc không nhận là con đẻ của văn hóa Bách Việt, là một văn hóa mờ cô thật tình. Lúc Tưởng-Giới-Thạch ra lệnh nghiên cứu về văn hóa Trung Hoa từ ngày nay trở về trước. Nhưng khi lên đến nhà Hán và thời Khổng-Tử, các nghiên cứu gia Trung Hoa Dân Quốc đành bỏ dở vì vấp phải nguồn gốc văn hóa Bách Việt!

Với thực dân Pháp, trong vòng gần 100 năm đô hộ Việt Nam, chúng đã lấy biết bao tài sản của đất nước ta đem về cất giữ và xây dựng đất nước họ, làm giàu Viện Bảo Tàng của họ, ví dụ một đàn đàn đá hoàn chỉnh nhất, đẹp nhất, báu vật cổ hiếm quý của Việt Nam; ví dụ bốn quyển truyện Kiều viết tay, trước tác của cụ Nguyễn Du v.v. và v.v. Pháp cướp về nước làm của báu. Tương lai gần chúng ta nhất định phải đòi lại tài sản bị cướp, đòi bồi thường và đòi Pháp phải xin lỗi dân tộc Việt Nam. Như đã nói trên trong thời gian bị thực dân Pháp đô-hộ, việc khảo-cổ trên đất nước ta chỉ dành độc quyền cho người Pháp. Chuyên gia và khảo cổ gia Việt-Nam có đóng góp công lao ý kiến cũng không được ghi lại. Người Pháp mà tiêu biểu là ông H. Mansuy với óc thực dân, khinh dân tộc bị trị, đã có những phán đoán sai lạc, lập luận lầm lẫn về văn hóa mỹ thuật tiền sử và lịch sử Việt Nam. Trước những khám phá về văn hóa tiền sử và lịch sử Việt Nam, ông ta luôn có thành kiến rằng, bao nhiêu nền văn hóa xa xưa của Việt-Nam cổ từ thời tiền sử vốn chỉ là:

"..Đây là hàng nhập cảng.... hàng vay mượn... hàng thiên di vv. của phương Bắc hay phương Tây đưa lại mà thôi."!!

Cũng vậy, với phong cách thực dân, khi Ông H. Mansuy nhìn thấy những viên gạch lát nền nhà cổ có hoa văn đẹp (xem hình gạch lát nhà có hoa văn, đào lên từ lòng đất của các thế kỷ 10, 12, 15 (Hình 15, 16, 17), ông ta ganh tị, cay đắng, đã viết lên một cách sai lầm rằng:

"Đây là gạch nhập cảng chỉ để làm bàn thờ... đẹp thế này...không thể dùng để lát nền nhà"!!!

Ngày nay chúng ta đã tìm thấy nhiều lò gạch cổ sản xuất gạch có khắc hoa văn và thời đại vua chúa ở Bắc Hà (Hình 15, 16), và đã đào được nhiều nền nhà lát gạch có hoa văn thời nhà Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, ví dụ nền nhà có lát gạch hoa văn rất đẹp của Hưng Đạo Vương tại Vạn Kiếp.



Gạch cổ VN có khắc hoa văn : Hình 15, 16 (Đinh, Tiền-Lê, Lý, Trần, Lê)

Các nhà học giả về khảo cổ học khắp thế giới và Việt Nam đã chứng minh về tính chất bản địa của những nền văn hóa tiền sử xưa nhất và phát triển nhất trên đất nước. Các nền văn hoá Việt Nam mà đặc biệt là văn hóa Hòa Bình xưa nhất với sự ra đời sớm nhất thế giới của nông nghiệp lúa nước cũng như các nền văn hóa lịch sử sau này đều đã được thế giới công nhận.

(Còn một kỳ)

Bs Ts **NGUYỄN THỊ THANH**
(CANADA)

NGƯỜI VIỆT TẠI PRAHA, CỘNG HÒA SÉC

ĐỒ PHÚ

Nhân đọc bài Chiều Praha của nhà văn Vũ Nam trên tập Cỏ Thơm số 44-Thu 2008, mô tả Praha một thành phố cổ xưa, nhiều di tích lịch sử, người đẹp, cảnh thơ mộng, nơi qui tụ của du khách. Bài viết của ông đã gợi cho tôi cảm hứng viết về vài điều mà tôi nhìn thấy, về vài người Việt mà tôi mới gặp tại Praha, hãy còn tươi mát trong trí nhớ. Tôi không có dự tính viết về chuyến du lịch này nên đã không ghi lại đầy đủ những điều cần ghi.

Chúng tôi đến phi trường Praha vào nửa đêm, giữa tháng 9, thời tiết đã chuyển sang mùa thu, nhiệt độ thấp dưới 50oF về đêm, hơi lạnh lạnh, nhưng thật dễ chịu, phi trường sáng rực, ánh sáng *neon* phản chiếu trên các khung cửa kính, làm tăng vẻ rộng rãi, vẻ đẹp lộng lẫy của phi trường mới xây cất hoặc mới tân trang, du khách chắc cũng như chúng tôi không khỏi ngạc nhiên về vẻ tráng lệ này. Lấy hành lý xong chúng tôi đi ra xe, không thấy người cảnh sát phi trường nào mà cũng không có cả cửa dành cho du khách phải đi qua di trú. Sau đó tôi được người hướng dẫn cho hay Cộng Hòa Tiệp là xứ nội địa nên các khách đã vào qua các nước ở ngoại biên như Pháp thì không cần qua sở di trú của Tiệp nữa. Người hướng

dẫn viên cho chúng tôi hay một vài điều nên biết như khi di chuyển trong thành phố, nên dùng phương tiện công cộng, gồm 3 loại xe thông dụng như xe điện, xe Tram, xe buýt, khá nhanh chóng, cứ 5 phút 1 chuyến, không phải chờ đợi lâu, xe lịch sự và sạch sẽ, cùng dùng chung 1 loại vé, giá vé là 18 Koruna (\$US 1,1) và 26 Koruna (\$US 1.6), vé 18 K dùng được 30 phút và vé 26K dùng cho chuyến đi xa hơn 75 phút, có vé dùng cho cả ngày, nếu đi nhiều thì rẻ hơn. Vé bấm vào máy điện lúc lên tàu. Nhưng họ dặn dò thêm nếu đi xe công cộng vào giờ tan sở, mọi người phải cẩn thận đề phòng kẻ cắp, có thể bị móc túi. Đi ra ngoại ô hay đi xa, nếu dùng Taxi, nên hỏi giá cả trước, tài xế hay đòi tiền cao hơn giá ghi hoặc họ lái loanh quanh để móc tiền du khách. Ở trong thành phố, du khách có thể đi chơi suốt đêm, tương đối an ninh.

Chúng tôi trọ đêm trong khách sạn Roma, loại 4 sao, giá 100 đôla 1 tối, bao luôn ăn sáng, nhiều món ăn ngon miệng.

Mới 7 giờ sáng, nhìn ra cửa sổ, tôi đã thấy một thành phố sống động, người đi lại tấp tểp, một thành phố của du khách. Từ khi dành được hoàn toàn độc lập, tự do từ tay những người Cộng Sản qua một cuộc cách mạng ôn hòa, êm thấm gọi là cách mạng nhưng ‘velvet revolution’, Cộng Hòa Tiệp gia nhập Nato năm 1999 và thị trường

chung Âu Châu năm 2004. It người đã quên Tiệp Khắc, tên gọi cũ lúc còn hai xứ Czech và Slovakia hợp chung, nay đã tách rời ra làm hai nước.

Xứ Tiệp đã vang danh thế giới một thời là một quốc gia bị xâm chiếm bởi chế độ CS và biết rũ bỏ chế độ này một cách ôn hòa, do họ có nhiều nhà dân chủ, CS ly khai can đảm đứng ra vạch trần mọi sự sai trái của CS, và đòi hỏi cải cách sâu rộng đến nỗi Trung Ương đảng CS Tiệp Khắc, vào tháng Tư năm 1968, đã phải công bố chủ trương mở rộng chính trị, theo đuôi một: *chủ nghĩa xã hội nhân bản và chấp nhận đảng CS không còn là một lực lượng duy nhất lãnh đạo xã hội và chính sách của đảng không nhằm bóp nghẹt tự do của người dân*. Cuộc tranh đấu của những người ly khai và đối kháng đòi dân chủ đã đưa tới sự ra đời của bản tuyên ngôn của nhóm Hiến Chương 77 vào ngày 1 tháng 1 năm 1977. Bản tuyên ngôn này được 243 người Tiệp Khắc ở trong nước đồng ký tên, gửi cho tất cả các cơ quan truyền thông trong nước và quốc tế.

Xứ Tiệp đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do và nhanh chóng hội nhập vào Cộng Đồng thế giới tự do; kỹ nghệ, thương mại, nông nghiệp phát triển đều đều, ngành du lịch cũng tăng mạnh, mỗi năm dân Tiệp đón chào trên 100 triệu du khách.

Tại sao du lịch phát triển nhanh, là vì nhờ phần lớn vào những di tích lịch sử, tinh thần tự do, và tính hiếu khách...

Một thoáng Xứ Tiệp- Bước ra khỏi Hotel là bạn nhìn thấy một giong sông uốn

khúc rất rộng, bao quanh nhiều tòa nhà to lớn, cổ kính, sông rộng trông mát mắt vì nhiều cây cỏ xanh rờn hai bên bờ tạo vẻ nên thơ, lòng sông rộng gấp hai, ba lần sông Seine. Bên kia sông là hàng hàng lớp lớp nhà gạch cũ xưa khoảng 8 đến 10 tầng cao, xa xa cuối tầm nhìn là khu lâu đài cô, Trên 10 chiếc cầu băng qua sông Vltava, toàn là cầu đẹp, xây cất kiên cố, mỹ thuật, nổi tiếng nhất là cầu Charles.

Cầu Charles - Cầu này được khởi công xây vào năm 1357, hoàn tất vào đầu thế kỷ thứ 15, đến năm 1870 được đặt tên là Charles, vinh danh Hoàng Đế Charles IV. Từ năm 1950, cầu này chỉ dành cho khách bộ hành dạo mát, làm nơi lý tưởng cho du khách đi ngắm cảnh sông nước ngày cũng như đêm. Cầu Charles nổi tiếng phần lớn nhờ 31 bức tượng điêu khắc tinh xảo vinh danh các thánh được dựng dọc theo thành cầu.

Khu lâu đài cổ, thánh đường St. Vitus, Công viên Hoàng Gia.

Khu lâu đài cổ Prague là nơi có trên 1000 năm lịch sử của người Tiệp, nơi nhiều triều đại đã đi qua còn để lại nhiều dấu ấn, về sự phát triển của vùng đất Tiệp. Bên trong thánh đường, hình ảnh nhiều triều vua đã nhận lễ đăng quang, nơi để những quan tài của những quân vương, quận chúa, nơi ghi dấu những bí ẩn của những nhà điêu khắc, các nhân vật xây cất nhà thờ và lâu đài đầu tiên, có bảo tàng viện về vũ khí, quân trang của nhiều thời đại xa xưa, trên 10 thế kỷ qua.

Thành phố cổ - Khu phố cổ có nhiều đường đi lát đá vuông nhỏ, được làm từ thời trung cổ của Âu Châu, đường đi bộ gặp

ghềnh, lên đồi, xuống dốc có nhiều hàng quán nhỏ đẹp mắt, cho du khách dừng chân khi chùn chân mỏi gối. Du khách lại có thể tiếp tục đi thăm khu Do Thái, thăm di tích và bảo tàng viện của họ, mua đồ lưu niệm.

Khu phố mới - Khu này có nhiều đường rộng đẹp, có nhà hát thành phố, có bảo tàng viện và nhiều siêu thị lớn như các *department stores* của Âu Châu. Nhiều tiệm ăn sang trọng, ăn trưa trung bình US\$20 mỗi người, gồm cả rượu vang hay bia Tiệp Pisner Urquell, bia ngon được xếp vào loại có hạng cao. Tiệp cũng nổi tiếng với nhiều chương trình ca nhạc thính phòng, nhạc thánh ca, danh ca có giọng cao opera, tenor, những bài ca của các sắc dân bohemians, gypsies...

Người Việt tại Tiệp- Tôi và hai người bạn, chúng tôi ra phố mua vé tàu điện, vé bán trong các tiệm tạp hóa hay tiệm bán sách báo, họ thường có đề biển hay có chữ đây có bán vé xe điện, nhưng chúng tôi không có ai biết chữ Tiệp nên có bảng cũng như không. Ngay trước bến xe điện, có một tiệm bán trái cây, trông thấy anh bán hàng có vẻ Việt, nên tôi bước vô hỏi:

-Em người Việt

-Dạ, đúng.

-Cửa hàng của em nhiều trái cây ngon nhỉ? Có măng cầu gai? Thấy tôi sờ tay vào trái măng cầu, em nói:

-Na đấy bác ạ. Thì ra cậu này từ miền Bắc qua, nên không biết chữ măng cầu của miền Nam. Bác mua đi ngon lắm đó.

- Bây giờ chúng tôi mới đi chơi, nên chưa mua gì, ngại mang nặng, Cậu nhanh nhẩu nói, không sao mời bác xem tự nhiên, lúc nào bác ghé mua hay xem cũng được. Tôi hơi ngạc nhiên về sự lễ phép của anh bán hàng, vì những người miền Bắc sau 75, họ muốn giản tiện cách xưng hô, nên ai cũng gọi bằng anh, đàn bà, ai cũng gọi chung là chị, bất kể già trẻ. Sự đơn giản hóa cách thưa gửi trở thành lỗ bịch, đã thất bại,. Thấy tôi đi tìm chỗ mua vé tàu điện, cậu bán hàng nói: cháu là Trung để cháu dẫn bác qua tiệm bên cạnh mua vé. Tôi nói không muốn làm phiền em nhưng Trung vẫn dẫn chúng tôi đi dù tiệm đang đông khách. Lúc đi còn cẩn thận dặn dò chúng tôi các loại vé, giá tiền và lúc lên tàu phải đưa ngay vào máy đóng dấu nếu không nhờ gặp kiểm soát viên thấy vé chưa đóng dấu, họ sẽ phạt, tiền phạt mới lên giá 500 Koruna.

-Các bác từ đâu tới?

-Từ Hoa Kỳ.

-Chà, thích quá nhỉ.

-Em có biết gì về Mỹ không?

-Cháu chỉ nghe và đọc chút ít về Hoa Kỳ nhưng không bao giờ dám mơ ước đến đó cả. Trung kể cháu đã tới Tiệp gần 10 năm, nói được tiếng Tiệp đủ dùng thôi vì tiếng Tiệp khó học. Mấy anh em cháu qua đây theo diện công nhân làm việc trong nhà máy đã hết hạn hợp đồng từ lâu, mấy anh em hùn nhau mở được cửa hàng bán chạp phô và trái cây này. Nhìn căn phô bày hàng trái cây, khá gọn gàng, sạch sẽ. Tôi khen các em tháo vát, và có đầu óc thương mại tốt. Định hỏi thêm Trung vài câu nhưng

tiếng xe điện sinh sịch đã làm dứt quãng câu chuyện của chúng tôi...

Xe điện tới, chúng tôi vội từ biệt Trung để lên tàu vào trung tâm thành phố, thăm viếng thành phố cổ. Người Việt ở Praha có hai khu chợ là Little Hanoi và Sapa và nhiều tiệm buôn nhỏ như thực phẩm, quần áo đồ dùng... ở rải rác khắp nước Tiệp.

Ngày hôm sau, chúng tôi đi thăm khu chợ Sapa của người Việt, cách thành phố chừng 20 cây số, đi xe hơi mất chừng 15 phút, đi xe điện phải đổi qua xe buýt 1 lần nên phải chờ đợi, thời gian mất chừng 30, 40 phút.. Sapa nằm ở trạm cuối cùng của xe buýt nên dễ kiếm. Có hai lối vào chợ, một qua cổng tam quan với giòng chữ TTTM Sapa, và một đi qua văn phòng ở tầng chệt của 1 cao ốc 5,6 tầng, một văn phòng nhỏ, trống rỗng, có 1 khung kính bụi bậm trưng bày vài hình ảnh sinh hoạt và vài thông cáo. Một bạn hàng nói, những người qua lao động, học tập, buôn bán vẫn tuân theo đường lối của VN, vì họ dùng hộ chiếu của VN, còn phải xin gia hạn hộ chiếu, còn thân nhân ở VN, nên họ bị theo dõi chặt chẽ bởi tòa Đại Sứ VC, bọn họ chẳng phải vì yêu thương, giúp đỡ, bảo vệ mà chỉ nhằm móc tiền của họ.

Nhìn tình trạng dân Việt ở Nga, thì ai cũng phải ai oán, mỗi lần đến sứ quán là một lần bị hạch sách, làm tiền. Từ năm 1995, các ộp, nơi ăn ở của người Việt thường xuyên bị khám xét, bị trấn lột tiền bạc, và tịch thu nhiều hàng hóa bởi Cảnh Sát đặc biệt Nga, họ kêu là bài trừ du đang, bắt đô lậu, bắt di dân bất hợp pháp. Nhiều người ở lại quá thời hạn, hoặc không giấy tờ

hợp lệ nên không kêu ca vào đầu được. Ngay cả những người có phép lưu cư hợp pháp tại Nga cũng phải đóng tiền phạt khi bị chặn hỏi. Cảnh sát Nga họ có bùa phép, có thể vẽ ra muôn ngàn lý lẽ để làm tiền, thu tiền phạt bỏ túi riêng, nếu ai phản đối, họ đánh đập thẳng tay, họ múa dùi cui như hiệp sĩ tàu, hay lôi về đồn bóp nằm chơi cho muỗi đốt.. Vào năm 2007, Chính quyền Nga ban lệnh cấm tất cả ngoại kiều buôn bán lẻ. Nhiều người Việt bồng trắng tay, sau bao nhiêu năm làm ăn dành dụm. Đây là một hình thức gián tiếp đuổi dân Việt về nước (?), bằng cách làm cho họ hết đường làm ăn. Những lúc người Việt bị bố ráp, đánh đập, không ai thấy các quan đại diện dân đầu cả. Chuyện đụng độ va chạm với dân địa phương và Cảnh sát đã trở nên mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Năm qua 1 sinh viên VN Vũ Anh Tuấn đã bị đánh chết (bởi du đang?) ở St. Peterburg.

Hiện nay Séc có khoảng trên 60 ngàn người Việt cư ngụ. Các hãng xưởng còn cần khoảng 120,000 nhân công ngoại quốc, nhiều công ty xây cất, sản xuất đồ dùng bằng nhựa, công ty chế tạo xe hơi, phụ tùng xe hơi, đồ điện, điện tử vv... có gửi đơn lên Bộ Lao Động Tiệp xin tuyển nhân công Việt Nam. Chủ tịch Hội Séc-Việt, ông Marcel Winter nói rằng hiện có gần 250 công ty nhờ ông tìm người VN. Công nhân VN được yêu mến do tính cần cù, nhẫn nại của họ. Tính đến tháng năm 2008, có 15 ngàn người VN làm việc trong các nhà máy của người Séc, Các nhà máy đó gồm có Foxcom, Panasonic, Skoda, Auto hoặc

TPCA... Ngoài những người làm việc cho các xưởng máy, nhiều người ra buôn bán ngoài chợ trời ở khắp Séc và ở các chợ như Sapa, Little Hanoi. Họ buôn bán quần áo, vải vóc, đồ gia dụng, đồ chơi, thực phẩm khô và tươi, đồ hải sản, mở tiệm uốn tóc, tiệm ăn....

Cộng Đồng Người Việt trong mắt dân Tiệp - Công nhân, du học sinh Việt tuy được tiếng là làm ăn chăm chỉ, cần cù, khéo chân tay hay làm những gần đây một số nhỏ *con sâu làm rầu nồi canh*, đã làm hoen ố hình ảnh chung của cộng đồng không ít. Khi yêu thì chín bỏ làm mười nhưng khi đã ghét thì cũng trở nên mau chóng bị chê bai trong lòng một dân tộc yêu chuộng tự do, khá hiền hòa với 10 triệu dân. Vài biến cố tiêu cực đã xảy ra như khi người Séc mua phải hàng giả, hàng lậu, họ khiếu nại, và các cuộc lùng xét hàng giả, hàng lậu đã xảy ra vào trong vài năm nay, con số vụ khám xét đã lên đến trên 150 vụ. Nhiều va chạm giữa người Việt và Cảnh Sát Séc đã xảy ra. Tin tức loan trên báo chí Tiệp về những người Việt buôn lậu hàng giả từ Trung Hoa, VN, buôn bán ma túy và sự trả thù của một doanh nghiệp đối với 1 sĩ quan cảnh sát Tiệp chống tội phạm. Vào đầu năm nay, báo chí Tiệp đưa tin người VN ăn thịt chó, và họ đã thuê người đi bắt chó đi lạc về thịt. Ông Winter lên tiếng bênh vực người Việt nhưng bị bà Maria Strsakova, giáo sư triết học tại đại học Sac-lơ phản bác. Bà này nói rằng ông Winter, chủ tịch hội Việt-Tiệp tại sao 39 lần ông đi thăm VN mà không hay biết rằng người VN ăn thịt chó. Bà Strsakova nói có thể đây là sự khác biệt văn

hóa, nhưng người dân Séc không bao giờ chấp nhận sự việc này. Vào tháng 6 năm nay (2008), cộng đồng người Việt đã phải hợp với đại diện báo chí, cảnh sát nhiều lần về trường hợp vài phần tử xấu người Việt trồng cần sa sau khi hàng chục người Việt đã bị bắt. Mỗi khi xảy một vấn đề không hay trong cộng đồng, ông chủ tịch hội Việt-Tiệp lên tiếng bênh vực và biện minh dùm. Vào tháng Bảy vừa qua một doanh nhân Trần ngọc Hoàng 49 tuổi đã bị giết rất dã man. Tuy nhiên một vấn đề khá khúc mắc chưa giải lý được là sự ăn chặn tiền của công nhân, sự lừa gạt công nhân của những công ty môi giới trong nước và ngoài nước, những bầy cò trung gian, gian manh. Ông Winter giải thích một công nhân Việt có thể lãnh 12.000 Koruna (IUS\$=17K) 1 tháng, nhưng họ bị khấu trừ nhiều khoản không được báo trước như tiền nhà trọ và tiền các dịch vụ bảo hiểm sức khỏe... khác lên đến 7.000 Koruna 1 tháng, theo lời giải thích của công ty Heroja. Cuối cùng người công nhân chỉ còn lãnh được từ 5 đến 7 ngàn Koruna tức là từ US\$300 đến US\$430 1 tháng. Trừ chi phí ăn mặc đi thì còn lại bao nhiêu. Họ phải làm bao nhiêu năm mới trả hết nợ vay mượn để được một việc làm gần như với đồng lương rẻ mạt, nhiều người lãnh lương tối thiểu, tiền đóng cho cò thường là 2000 đô la, nhưng gần đây có khi lên tới 8-10 ngàn đô la. Nhiều người đã phải vay nợ lãi 1.-1.50% 1 tháng, cha mẹ, anh em phải bán nhà hoặc cầm cố ruộng vườn để vay được món tiền trên. Số tiền đóng cho cò môi giới, các cò nói là tiền bồi dưỡng, bôi trơn các cửa quan, các cửa công quyền cho đến khi

lấy được hộ chiếu đi lao động có hiệu lực thường là 6-24 tháng, nếu còn việc làm thì sẽ được gia hạn hàng năm. Đây là lý do phần nào giải thích một vài người đã phải nôn nóng làm mọi cách dù phi pháp để kiếm tiền trả nợ. Còn về hàng lậu từ Trung Hoa, do người Việt bán vì hàng rẻ, lợi nhuận cao, ông Winter nói chính phủ Séc có phân trách nhiệm đã để cho những hàng này lọt qua hàng rào kiểm soát của quan thuế. Nhiều người đã ở Tiệp hay Nga hàng chục năm dù họ không muốn trở về lại VN nhưng họ vẫn phải biết rằng họ có thể bị trục xuất bất cứ lúc nào khi hộ chiếu không được gia hạn nữa. Khi gặp đối xử bất công, họ phải tự lo, tự xoay sở lấy, họ phải ngậm miệng vì ngay trong hợp đồng đã cấm họ không được đình công, không được nói xấu nhà nước, chế độ. Mỗi khi có bức xúc, khiếu tố, các viên chức nhà nước luôn luôn có hàng trăm câu trả lời (vô trách nhiệm) căn cứ trên lòng yêu nước, yêu dân tộc, vì công nhân, luật bảo vệ công nhân v.v...

Nhân dân Séc hiện nay còn tỏ ra bao dung đối với người Việt, nhưng cho đến mức độ nào, và bao lâu, đó là tùy ở cách ứng xử của nhà nước, người dân lao động, dân buôn bán. Trong dịp thăm viếng VN năm nay (2008), sau buổi họp với TBT Nông Đức Mạnh, thủ tướng Séc, ông Mirek Topolánek đã nói thẳng tại thành phố Sài Gòn rằng: *“chế độ CSVN rất khác nghiệt, nhưng ông tin rằng nguồn đầu tư đang tác động vào giới trung lưu, giới này sẽ thay đổi bộ mặt CS. Giới trung lưu sẽ mang lại thay đổi cho việc bảo vệ môi trường, mang lại nhân quyền và các quyền công dân khác rất quen thuộc với chúng tôi. Tóm lại, tư*

bản sẽ mang lại tự do, nhân quyền...Ông cũng thảo luận với VN về người Việt ở Séc, về nhân quyền.”

Khi đến thăm trung tâm thương mại Sapa, chúng tôi dùng bữa trưa tại quán Bún Ngan, có 4 món ngan chính là tiết canh, thịt luộc, thịt nướng và bún sáo măng. Lúc chúng tôi tới thì thịt luộc đã hết, chúng tôi chọn món thịt nướng và bún sáo, ăn thật ngon miệng vì thịt nướng khéo, nước chấm pha ngon lạ khẩu vị. Hỏi kỹ lại thì món ăn là vịt nhưng chủ tiệm ăn lại kêu là ngan. Anh chị Hoàng chủ tiệm bán thực phẩm và đồ gia dụng gần đó mời chúng tôi vào tiệm uống nước trà và chuyên trò. Trong lúc anh chị đang nói chuyện với chúng tôi khá vui và chụp vài tấm hình lưu niệm thì họ bỗng khựng lại, tôi nhìn ra ngoài thấy một người đàn ông ăn mặc com lê, cà vạt rất chỉnh, nhưng mắt thì thuộc loại cô hồn, đang theo dõi. Anh chị Hoàng nói đó là người của ban quản trị họ thấy người lạ nên họ để ý.

Tôi ra về lòng mang tâm trạng buồn vui lẫn lộn, vui vì thấy ba ngày ở Praha thật không uổng, vui vì nhìn thấy người Tiệp hiếu khách, trai gái xinh đẹp, cảnh đẹp, thơ mộng, gặp được vài đồng hương làm ăn khá phát đạt, nhưng đa số còn khó khăn, buồn vì sao cái gương sáng, lòng dũng cảm của người Tiệp lại chưa thấm được vào não trạng của các cán bộ CSVN, chưa cảnh tỉnh được họ. Đa số những người đi lao động, du học sinh ở Tiệp cũng như ở Nga đều mong muốn một VN tự do, và ngày họ trở về được như ý nguyện.

ĐỖ PHÚ (Virginia)

TÔI LÊN XỨ HOA ĐÀO

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Ngày chúng tôi đi Đà Lạt rơi đúng vào **13 tháng 12, 2004**. Tôi không tin đi đòan lăm, nhưng đã có vài trục trặc với con số đó nên cảm thấy một chút e ngại. Tôi cầu nguyện nhiều hơn những lần khởi hành khác.

Sáng sớm hôm đó, mỗi người chúng tôi chỉ đem theo một *suitcase* nhỏ và một túi xách tay. Những cái lớn gửi lại khách sạn, vì ngày 16 chúng tôi sẽ trở về Sài Gòn và lại ở đây thêm vài ngày nữa.

Lần này, có Hội, người đã cùng với chúng tôi đi Vũng Tàu trước chuyến du hành Hà Nội. Kể cả tài xế Cường, có sáu nhân mạng ngồi trên cái *mini-van* 7 chỗ. Xe đi ra đường bờ Sông Sài Gòn. Chúng tôi lại nhìn thấy bức tượng đồng Trần Hưng Đạo chỉ tay qua hướng mặt trời mọc bên kia Thủ Thiêm.

Có bốn bà cựu nữ sinh Trưng Vương trên xe nên Cường bắt buộc phải đi qua Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm rậm rạp bóng cây. Sáng thứ hai giờ đi học, nhiều tà áo trắng, nhiều quần xanh sơ-mi trắng đồng phục trên đường. Chắc ba bà cựu nữ sinh Trưng Vương đồng hành, cũng như tôi, bồi hồi trạnh nhớ tới hình ảnh mình một thời sách vở xa xưa.

Qua Sở Thú, qua Nha Chiến Tranh Tâm Lý cũ, xe chúng tôi phải chen lách

trên dòng xe cộ đông đảo trên Cầu Thị Nghè, rồi khu Thanh Đa và lên xa lộ Biên Hòa. Nghe nói khu cư xá này chờ ngày xập?!!

Nhà sàn nổi lênh bênh trên sông nước Đồng Nai bát ngát, sáng lóa ánh bình minh. Hai bên bờ sông thoáng mát, thưa thớt nhà cửa. Sông Đồng Nai, Biên Hòa gần Thành Phố Sài Gòn, tại sao thiên hạ không ra đây mua đất, mua nhà, lại cứ chen chúc trong cái thành phố đất đỏ, bụi bặm kia? Hình như phải ở thành phố có những dinh thự nhà nước, những chỗ ăn chơi, mới là dân tỉnh thành, văn minh... Mong rằng một ngày không xa, các công tư sở Việt Nam sẽ rời ra ngoại ô, các tỉnh lân cận và sẽ đem theo dân mới đến, ra khỏi thành phố, để Sài Gòn đỡ nghẹt thở, bớt ô nhiễm và lành mạnh hơn. Tôi chỉ mong Hà Nội và Sài Gòn khá được như thành phố nhỏ Reston tôi đang ở là vui rồi.

Xe ngừng lại một tiệm thuốc tây ở Tân Mai. Bà Dược Sĩ Ngọc Anh là bạn học của Hà và Bích từ đệ thất tới đệ nhất trung học. Đã học cùng trường, cùng lớp, cùng vượt qua những khó khăn sau năm 1975, khó lòng quên nhau và khó bỏ lỡ dịp đến thăm nhau dù chỉ được nhìn diện mạo nhau trong chốc lát, thăm hỏi vài câu thân tình. Bà bạn dược sĩ tặng Hà vài thứ thuốc mà Hà quên không mang theo từ Mỹ.

Qua Hồ Nai, xứ đạo Gia Kiệm, xa lộ rộng hơn, hai đường mỗi chiều. Xe chạy ngon chảnh mấy chốc đã đi qua Sông La Ngà, nơi Phước đã có lần đóng quân vào trước năm 1972. Khi nhận ra Định Quán vì những tảng đá lớn chồng chất lên nhau

hai bên đường thì xe đã đi qua đồn điền cao su mà một lần vào năm 1965 tôi và hai cậu con trai nhỏ đã một phen hoảng hốt, bị Việt Cộng lừa vào rừng tuyên truyền cùng với hành khách trên nhiều chuyến xe đi Đà Lạt. Sau khi được thả, xe của mẹ con tôi ngừng lại Định Quán cho hành khách giải lao như thường lệ.

Nhưng lần lên xứ hoa đào năm 2004 này chúng tôi chưa cần thiết phải ngừng ở Định Quán. Đường từ đây lên đồi xuống dốc, rừng cây xanh rì, hanh vàng ánh nắng. Một đoàn nữ sinh dắt hay ngồi xe đạp, hoặc đi bộ hai bên đường. Những dáng mảnh mai trong bộ quần áo dài trắng, nón lá che mái tóc kẹp dài sau lưng hay xoa vai. Các em đến trường hay tan học nhỉ? Lòng tôi lâng lâng vui. Ở vùng đồi núi tưởng quê mùa, nhưng các em vẫn được mặc đồng phục như các nữ sinh tỉnh thành. Mong rằng các em học hành giỏi giang, sẽ là tương lai lành mạnh và xán lạn của đất nước...

Đồi thông xanh ngắt đã bắt đầu xuất hiện hai bên đường. Từng luống trà được trồng từng bậc cao trên đồi. Vườn hồng trái đỏ ối trĩu trĩu nặng cành. Xe chúng tôi đã lên tới Bảo Lộc vòng vèo đường đèo cheo leo. Một bên sát vách núi đá lởm chởm, một bên vực sâu không nhìn thấy

đáy. Tài xế non tay lái là xe có thể lao xuống chầu Diêm Vương cả đám.

Không khí trong lành, mát lạnh. Tài xế ngừng lại nghỉ và cho chúng tôi ăn trưa tại một quán ở Tâm Châu. Trà, cà phê được trải ra phơi ngay hai bên đường.

Qua ngã rẽ đi phi trường Liên Khương, xe vào địa phận Đà Lạt của tỉnh Lâm Đồng. Nói tới Đà Lạt phải nhớ ơn Bác Sĩ người Pháp Alexandre Yersin¹ đã có công khám phá cao nguyên Lang Bian, 1893.

Ông sinh ra đời ở Thụy Sĩ, nhập quốc tịch Pháp, nhưng sống và làm việc ở Việt Nam nhiều hơn. Ông mất tại Nha Trang ngày 1-3-1943.

Hè năm 1955, tôi và bà chị Minh Tâm cùng một

nhóm bạn được Nhà Văn Văn- Quang và đồng đội Trường Biệt Động Quân Đồng Đế Nha Trang đưa đi viếng mộ Bác Sĩ Yersin tại Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa.



Hồ Xuân Hương

¹ Alexandre John Emile Yersin sinh ngày 22-9-1893 tại Thụy Sĩ. Yersin theo học ngành y khoa tại Paris. Ông nhập quốc tịch Pháp. Vì thích phiêu lưu mạo hiểm, ông làm y sĩ cho một tàu hàng hải đi Việt Nam. Rồi bỏ tàu đi thám hiểm và khám phá ra vùng cao nguyên Lang Bian vào năm 1893. Năm 1894 Bác sĩ Yersin khám phá ra vi trùng bệnh dịch hạch.

Từ năm 1899, chính phủ thuộc địa Pháp đã xây dựng Đà Lạt như một nơi dưỡng bệnh, một nơi nghỉ mát tốt cho họ vì khí hậu quanh năm ôn hòa, không khí trong lành, đồi thông, đồi cỏ xanh rì bát ngát, nhiều hồ trong xanh, thác nước hùng vĩ. Hoa nở, rau tươi có thể trồng bốn mùa. Dân trồng rau, trồng hoa Ngọc Hà, Nghi Tàm, Quảng Bá, ngoại ô Hà Nội được đưa vào định cư lập ấp canh tác rau, hoa tại Đà Lạt từ đầu thế kỷ 20.



Thác Prenn

Nhà phố, biệt thự xinh đẹp của Đà Lạt theo kiến trúc của các miền núi Pháp, Thụy Sĩ. Dinh thự, biệt điện, nhà ga, nhà thờ, trường học... cũng đều theo kiến trúc Pháp. Sau này, Đà Lạt trở thành một địa điểm du lịch và tuần trăng mật của dân bản xứ.

Trước năm 1975 tôi đã nhiều lần lên thăm viếng Đà Lạt, có lần ở vài tháng với gia đình, nhưng lần nào tâm tư cũng có chuyện buồn. Chiều nay, 13 tháng 12 năm 2004, tôi trở lại thăm Đà Lạt không vì kỷ niệm lưu luyến nào, nhưng vì Đà Lạt là một phần đất quý báu

của quê hương. Hãy quên đi thực tế và chỉ nghĩ tới thiên nhiên tuyệt vời và bất diệt.

Chiều chưa tắt nắng và tiệp đường, chúng tôi được đưa vào thăm thắng cảnh đầu tiên, Thác Prenn. Thác nước chảy ào ào từ bờ đá cao như mái nhà xuống con suối nhỏ có cầu treo bắc ngang. Một con ngựa thồ có yên đứng dưới gốc cây đợi chờ khách du lịch dạo quanh vùng thác. “Ngày xưa”, có lần tôi dẫn bốn cô cậu con đến thác chơi, chỉ có cậu cả 5 tuổi dám ngồi lên ngựa chụp hình. Còn ba cô cậu kia sợ rúm người không dám tiến lại con ngựa hiền lành.



Những ngày thăm viếng Đà Lạt lần này, chúng tôi ở Khách sạn Novotel², tiệp nghi vừa đủ cho cái nghĩa nghỉ ngơi, thoải mái, dù là phòng của tôi không nhìn thấy núi Lang Bian. Khách sạn Sofitel Dalat Palace³ ngay gần đó, lớn gấp bội, là tiền thân của Dalat Palace trước khi Miền Nam thất thủ, 1975. Ngồi xe van đường

² Novotel Dalat Hotel: Khách sạn 4 sao, được xây cất năm 1930.

³ Sofitel Dalat Palace Hotel: Khách sạn 5 sao, được xây cất năm 1920.

trường mệt mỏi, chúng tôi cảm thấy lồi thoi lếch thếch, không muốn đi vào một khách sạn sang trọng khi nhan nhản dân nghèo khắp nơi trên đất nước.

Hà Phước ở một phòng. Hợi và tài xế (cháu của Hợi) một phòng. Bích và tôi lại chung một phòng. Chiều đó, chúng tôi ra Le Café de la Poste gần Nhà Bưu Điện ăn cơm tối, rồi về phòng sửa soạn đi ngủ ngay để dưỡng sức cho chương trình du lịch ngày mai...

Đà Lạt ngày 14 tháng 12, 2004.

Nóng lòng xem cảnh Đà Lạt, 8 giờ sáng chúng tôi đã gặp nhau tại phòng ăn của khách sạn, ăn uống cho chắc bụng rồi hăm hở ra xe đi một vòng *city tour*.

Theo lời yêu cầu của tôi, xe đưa chúng tôi đến Đường Huỳnh Thúc Kháng (trước kia còn có tên thơ mộng là Đường Hoa Hồng), con đường đã ghi dấu vết chân mẹ con tôi trong vài tháng không nhà thuê chúng còn rất nhỏ. Chúng tôi ở vài lần trong căn biệt thự đã xảy một vụ án mạng rùng rợn, đẫm máu, mấy năm về trước. Bà chủ nhà đã bị quân hầu đầy tớ giết... Có một lần chúng tôi ở đó cùng thời gian với mẹ con chị Liên, vợ nhà thơ Hoàng Anh Tuấn.

Ngày nay, vài căn nhà trong khu biệt thự kia đã trở thành hàng quán gì đó. Trong vườn, cây cối um tùm, cao hơn xưa. Tôi đi ngoài tường rào biệt thự Hoa Hồng nhưng không nhìn thấy bông hồng nào, chỉ chụp hình với giàn hoa ớt đỏ ối, gọi là một chút kỷ niệm mới.

Đường Huỳnh Thúc Kháng hình như nhỏ hơn, ngắn hơn đối với Việt kiều, và xuất hiện một ngôi nhà kỳ dị: Nhà Điên (Crazy House), trông ma quái như hình ảnh Halloween ở Mỹ. Đây là bề ngoài một khách sạn mà dân Đà Lạt bây giờ rất hãnh diện như một kỳ quan mới của họ.

Sau Đường Hoa Hồng của ngày xưa, xe đưa chúng tôi đi Hồ Than Thở mà trước kia có tên Pháp Lac des Soupirs⁴ và bây giờ có tên Mỹ Lake of Sorrow. Một giai thoại tương truyền rằng trên đồi thông bên Hồ Than Thở có mộ Cô Thảo. Ông Tân, chồng cô đã ghi trên bia mộ của vợ hai câu thơ:

*Nước biếc non xanh dù thay đổi,
Ngàn năm Thảo vẫn sống trong Tân.*

Sau một chuyến du ngoạn Đà Lạt thuở học trò, tôi làm bài thơ Đường luật đầu tiên sau đây:

BÊN HỒ THAN THỞ

Bên hồ in bóng áng mây tan
Lặng lẽ tâm tư vọng nguyệt ngàn
Đôi vắng bờ vợ bia mộ đá
Rừng hoang lạc lõng cánh hoa lan
Vi vu gió lạnh lòng than thở
Xao xác lá vàng dạ thổ than
Người có dừng đây cho nhắn nhủ
Nỗi niềm cam nín vẫn miên man.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

⁴ Năm 1917, người Pháp đắp đập xây hồ Than Thở. Vùng đất rất hoang vu, chỉ nghe tiếng gió rì rào nên người Pháp đã đặt tên là Lac des Soupirs. Tạp chí Indochine Đông Dương năm 1941 chọn ảnh Hồ Than Thở làm hình bìa.

Thuở đó, mới lồm bồm vài câu tiếng Anh, tôi và mấy cô bạn học đã đổi tên Đà Lạt thành “Darling”, dù chưa có người yêu để hẹn hò trên xứ đó. Đúng là cái tuổi vẫn vợ!



Hồ Than Thở

Ngày nay Hồ Than Thở nước đục lờ, và nhỏ như một vũng nước đọng. Đồi thông bên hồ trở thành một công viên, Ghế đá đầy đó. Hoa lá, bụi cây được cắt tỉa, không còn hoang sơ, vắng lặng như mấy chục năm về trước. Tôi còn giữ một tấm hình được chụp hè 56 bên một gốc thông. Hôm nay tôi được Hà đạo diễn và cũng chọn một gốc thông cho tôi đứng để Phước chụp. Không biết có phải cây thông năm xưa không? Phước vẫn là tay chụp hình và quay phim cho phái đoàn, máy hình ở trên tay thì máy quay phim trên vai và ngược lại.

Chúng tôi không đi tìm mộ Cô Thảo, không muốn buồn hơn nữa cho cuộc đời đã đầy rẫy đau thương, con tim không chứa chất nổi.

Trên đường trở về trung tâm thành phố, chúng tôi đi một vòng Hồ Xuân

Hương. Đồi chỗ xuống xe chụp hình với cảnh hồ. Nhà thờ Đà Lạt nhô lên trên rừng cây xa xa. Rặng Lang Bian⁵ mờ nhạt phía chân trời. Sân Golf Đồi Cù vẫn xanh mượt. Vườn hoa lối cỏ quanh hồ xinh tươi còn hơn thời Cộng Hòa. Công viên nào cũng được sửa sang chăm sóc tối đa để lôi cuốn khách du lịch là việc ưu tiên của nhà nước mà! Nhà Thủy Tạ Hồ Xuân Hương soi bóng nước khiến tôi nhớ đến Nhà Thủy Tạ Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nhưng một hiện tượng không có trước khi Cao Nguyên Lâm Viên rơi vào tay Cộng Sản Bắc Việt là cột truyền thông cao ngất ngưỡng sau nhà bưu điện ngày nay làm hỏng cảnh quan thơ mộng của Hồ Xuân Hương. Có thể những người Đà Lạt năm cũ chỉ còn thấy Hồ xuân Hương thơ mộng trong tâm hồn với những kỷ niệm xưa. Nhưng nhìn chung, cảnh hồ ngày nay vẫn đẹp. Đà Lạt vẫn cho tôi cái cảm tưởng thoải mái dễ chịu hơn tất cả các thành phố tôi đã đi qua trong chuyến du lịch Việt nam vào tháng 12 năm 2004.

Định tranh thủ thời gian ăn trưa tại nhà hàng Thủy Tạ ngay đây, nhưng chỗ này đóng cửa sửa chữa, nên chúng tôi lại đến Café de la Poste bên kia đường cho đỡ mất sức.

Sau bữa trưa mau chóng, chúng tôi lại lên đường đi Thung Lũng Tình Yêu. Địa điểm này có tên Pháp là Vallée d'Amour, bây giờ có thêm tên Anh Valley of Love. Tên Việt, Pháp hay Anh đều thi vị, thích hợp với thành phố thơ mộng xưa, đã ghi lại

⁵ Rặng Lang Bian có hai ngọn cao hơn 2000m.

những chuyện tình say đắm, lãng mạn. Nào là tiểu thuyết *Vòng Tay Học Trò* của Nguyễn Thị Hoàng, *Thung Lũng Tình Yêu* của Lê Hằng.

Trên một quãng đường, rặng Lang Bian hiện ra thật gần. Chúng tôi hô hoán tài xế ngừng xe cho xuống chụp hình. Thung Lũng Tình Yêu xa thành phố nên trước 75, nên nhiều người sợ Việt Cộng không dám đến đó. Đây là lần đầu tiên chúng tôi đi thăm thú nơi hẹn hò của những kẻ yêu nhau, của những cặp uyên ương hưởng tuần trăng mật.

Thung Lũng Tình Yêu bên Hồ Đa Thiện, một trong những hồ lớn của Đà Lạt. Chúng tôi thuê một giờ thuyền máy hóng mát trên hồ. Xung quanh hồ đôi thông ngút



Thung Lũng Tình Yêu

ngàn. Nhưng có chỗ bị khai quang để dựng hàng quán, nhà cửa. Nhiều tròi lá nhỏ xiu hai bên bờ, có lẽ chỉ vừa đủ cho một cặp tình nhân, một cặp uyên ương trẻ trung mới cưới thủ thỉ. Đôi thông mất đi vẻ thiên nhiên và trông như vườn chơi trẻ con.

Trước khi rời Thung Lũng Tình Yêu, chúng tôi vào khu hàng bán đồ kỷ niệm mua áo, túi xách vải Thượng đem về Mỹ làm quà. Mỗi khi nhìn thấy con gái, con dâu và cháu nội dùng mấy món quà thô sơ ấy, tôi lại liên tưởng tới miền cao nguyên xanh

ngắt đôi thông và thanh lịch nhất quê hương.

Ngày 14 tháng 12, 2004, chúng tôi đi thăm Trúc Lâm Thiền Viện. Chùa ở trên một ngọn đồi cao, không có đường xe hơi lên, hay là xe du lịch không được phép lên chùa. Chúng tôi không định đi hành hương nên đã dùng *Cable-car*. Lẽ dĩ nhiên phải trả tiền, dịch vụ thương mại của thành phố mà. Lơ lửng trên không trung tôi rùng mình nhìn xuống thung lũng sâu hun hút bên dưới. Cũng may là được ngồi trong

cái thùng có dây điện kéo lên chứ phải leo chân lên núi như đi chùa Hương thì bà con xin hàng rồi.

Trúc Lâm Thiền Viện mới được xây cất vào thập niên 80s. Từ đầu cuộc du lịch Bắc Nam này tôi

chưa thấy ngôi chùa nào đồ sộ và được sơn phết lộng lẫy như chùa này. Chúng tôi không vào chùa, chỉ tản bộ ngắm cảnh xung quanh. Hằng trăm bậc thềm thang lên xuống trong sân chùa, không thấy một cọng rác, một chiếc lá rụng. Gần Lễ Giáng Sinh, khuôn viên thiền viện đỏ ối hoa trạng nguyên (*poinsettia*). Hàng chục chậu “bonsai” bên các thảm hoa đủ màu. Những cây *mimosa* lá bạc nở đầy hoa vàng nổi tiếng trong tập thơ *Truyện Chúng Mình* của Nhà Thơ Nhất Tuấn.



Trên sân Trúc Lâm Thiền Viện. Dưới là Hồ Tuyên Lâm. Phía xa là Rặng Lang Bian.

Rừng thông và rừng trúc trông như trong tranh Tàu cổ kính. Bụi cây nào cũng được tĩa xén thành hình thù thú vật, rồng, công, phượng, kỳ lân, voi, ngựa... Nhiều dây phong lan hoa nở, mọc bám trên các thân cây già. Không khí yên tĩnh, êm đềm. Vài nhóm du lịch khác đi lại trong công viên vẫn không nghe tiếng động, tiếng nói ồn ào. Trời xanh bao la, núi non trùng điệp. Dưới thung lũng sâu hun hút, Hồ Tuyên Lâm mênh mông xanh biếc, lớn nhất Đà Lạt. Từ một góc cạnh trên sân thiền viện, bộ ngực của nàng Lang Bian nhấp nhô phía chân trời. Bức tranh thủy mặc thiên nhiên vẫn quyến rũ lòng tôi hơn cả. Đó là hình ảnh đầu tiên hiện ra trong trí tưởng tượng của tôi mỗi lần nghĩ tới Đà Lạt.



Thác Gougah

Tuy nhiên, nhìn cảnh Đà Lạt hiện tại, nhưng tâm hồn tôi trở về xứ hoa đào của dĩ vãng, của những lần đến Đà Lạt để giải khuây, giải sầu thuở nào. Tôi đã gửi gắm, nhiều tâm sự với cảnh thiên nhiên của Đà Lạt để vơi đi nỗi buồn khó giải bấy được với ai. Cảm ơn người tình tri kỷ Lang Bian!

Rời Trúc Lâm Thiền Viện, chúng tôi may mắn lại có *cable-car* để hạ sơn. Cái bụng đói meo và thêm một tô phở. Chúng tôi đã giải quyết vấn đề khi về đến phố chợ. Hình như ai lên Đà Lạt cũng phải thưởng thức món phở nóng bốc khói trong không khí lạnh lạnh ngoài trời và cảm thấy khỏe khoắn tỉnh táo con người.

No đầy bụng lại phải đi bộ cho tiêu, chúng tôi lang thang vào chợ Đà Lạt⁶. Các xạ trái cây cao ngất ngư như bao giờ. Có lẽ chẳng ngôi chợ nào có nhiều trái *artichaut*, nhiều dâu tươi, dâu rượu như chợ Đà Lạt. Trong các thứ rượu tôi chỉ uống được một thứ là rượu dâu với đầy một ly đá. Không có nhiều thời giờ nên tôi không có ý định say sưa với thứ rượu mà người ta gọi là rượu cho đàn bà, con nít.

Những xạ bán hoa rực rỡ, ngát hương. Tôi đi tìm, ngắm nghía những

⁶ Chợ Đà Lạt theo đề án của Kiến Trúc Sư Ngô Viết Thụ từ năm 1958 và hoàn thành năm 1962.

loại hoa có tên lãng mạn như *pensée*, *forget me not*, *immortelle* của thời học trò mơ mộng. Gần như đủ các loại hoa đang được bày bán ở đây chỉ thiếu hoa đào.

Tôi cũng chưa lần nào đến Đà Lạt vào mùa hoa đào, nhưng đã xem nhiều tranh ảnh, đọc nhiều thơ văn, nghe các bài hát ca tụng xứ Hoa Đào và tưởng tượng cảnh hoa đào nở bên bờ hồ Xuân Hương và khắp núi đồi Đà Lạt vào mỗi mùa xuân tuyệt vời như thế nào. Nghe tôi than thở vậy, một người ái mộ Ngọc Dung thuở còn là thiếu phụ độc thân, đã đem đến cho nàng một cành hoa đào Đà Lạt vào một dịp Tết. Nhưng tiếc rằng Ngọc Dung chỉ dám thương hoa, không dám thương người độc thân, học rộng, tài cao, đáng mến. Chuyện hoa đào Đà Lạt của Ngọc Dung chỉ có vậy, không lâm ly, bi thiết như những giai thoại nào nùng hay bi thương khác của một số người Đà Lạt.

Trở lại buổi viếng thăm chợ Đà Lạt mùa đông 2004, tôi mua một giỏ hoa bất diệt, cánh hoa khô nhưng không bao giờ héo. Vì thế hoa cũng được gọi là hoa *immortel*. Những bông hoa bất diệt đó vẫn nằm trong giỏ bên cạnh cây cảnh khác trong phòng kiếng nhà tôi bây giờ. Có lẽ khi hoa được đem đến mộ, kẻ nhắm mắt là đời vẫn còn mơ mộng!

Cũng chưa hết cái tật thích ăn quà vặt và vẫn còn mê ăn mít khoai Đà Lạt, nên khi rời chợ, chúng tôi mỗi đứa có trên tay gói mít khoai, vừa bóc bộ xuống bờ Hồ Xuân Hương vừa nhâm nhi những miếng mít đặc biệt trong dẻo.

Để hưởng thêm một thú nữa của Đà Lạt, buổi tối, sau khi đi ăn qua loa ở một tiệm gần khách sạn, chúng tôi phải đi tìm mùi ngô nướng nữa mới trọn vẹn cuộc du lịch Đà Lạt chứ. Mỗi “bà” suýt soa ôm trong đôi bàn tay một cái bắp nóng vừa lấy ra từ lò than hồng để tìm cái hương thơm môi miệng con gái thuở nào.

Và, buổi tối đó là buổi cuối cùng chúng tôi ở Đà Lạt. “Rồi mai tôi sẽ xa Đà Lạt, thành phố này xin gửi lại cho anh...”⁷ Tôi không có anh nào ở Đà Lạt nhưng sao mỗi khi nghe bài hát này lại cảm thấy vơi vơi buồn!...



Song Hà đứng dưới
Thác Damb'ri.

Sáng 16 tháng 12, 2004, chúng tôi rời Đà Lạt trở về Sài Gòn. Nhưng còn hai cái thác nữa ở phía Nam Đà Lạt, trên đường về, tài xế và Hợi muốn đưa chúng tôi đi coi. Thác thứ nhất là Thác Gougah cách Đà Lạt khoảng 40 cây số. Màn nước của thác cao hơn Thác Prenn, cao hơn cái nhà 4 tầng.

⁷ Nhạc phẩm « Tình Yêu Như Bóng Mây » của Song Ngọc.

Nước chảy ào ào, dù đang trong mùa khô cạn.

Thác thứ hai là Thác Damb'ri trong vùng Bảo Lộc cách Đà Lạt khoảng 100 cây số. Đường vào gần thác gập ghềnh, bụi đỏ mù mịt. Xe có máy lạnh, cửa đóng kín. Tôi vẫn hít ngửi thấy bụi và ho liên hồi. Xe đi mãi không tới nơi và cứ nhảy lên chồm. Bàn tọa nảy lên rơi xuống liên hồi. Lưng eo ê ẩm. Đường vắng hoe, rất ít xe cộ đi lại. Tôi nghĩ thầm: “Không biết có cái gì hay ho để xem mà phải vất vả, cực khổ thế này? Bây giờ mà có bọn cướp nào xông ra thì bỏ xừ.”

Rồi một dòng sông nhỏ hiện ra. Xe ngừng lại. Âm thanh nước chảy âm âm, nhưng chẳng nhìn thấy thác đâu. Chúng tôi phải đi vào thang máy cao cả trăm thước để xuống đáy thác mới nhìn lên đầu thác được. 60 thước nước rơi xuống một thêm đá rồi chảy xuống một thêm đá dốc 10 thước nữa xuống dòng sông cạn dưới thung lũng rộng. Damb'ri là thác hùng vĩ nhất Cao Nguyên Lâm Viên và đang được khai thác thành địa điểm du lịch lớn trong tương lai. Tuy nhiên nơi đây cũng đã có vài quán bán hàng kỷ niệm, cũng có ngựa thồ cho du khách đi thăm thú trong vùng, có cầu bắc ngang thác. Bụi nước bắn tung như mưa phùn. Chúng tôi đứng cách thác mấy trăm thước cũng bị ẩm ướt.

Mong rằng Damb'ri cũng sẽ là địa điểm lối cuốn khách du lịch đem tài nguyên lợi tức cho dân trong vùng. Cũng như khắp làng thôn quanh Đà Lạt. Dân nghèo Bảo Lộc vẫn ở trong những nhà mái tôn, vách gỗ xiêu vẹo hai bên đường.

Đà Lạt còn có Thác Cam-Ly, Thác Pongour, còn có Suối Vàng, đèo Ngoạn Mục. Tôi không thiết tha các địa điểm nhân tạo lắm, nhưng vẫn thăm nhủ nếu có dịp lần sau về sẽ không bỏ qua những cảnh thiên nhiên đó và sẽ đi đến một nơi không có chướng ngại vật nào cản tầm mắt nàng Lang Bian.

Tuy nhiên, năm 2006, vợ chồng cô em Hà – Phước lại về Sài Gòn. Tôi chụp ngay cơ hội, dẫn cậu con trai thứ hai, Trường Sơn theo, vừa đi vừa về có 12 ngày. Chúng tôi lại lên Đà Lạt cho Sơn thăm nơi đã cùng mẹ và anh em lên chơi vài lần. Nhưng chúng tôi không trở lại Damb'ri và cũng không đi thăm được danh lam thắng cảnh nào khác của Xứ Hoa Đào.

Người Việt đã từng ở Âu hay Mỹ đã từng du lịch nhiều, thì những cảnh như Đà Lạt không có gì là thơ mộng, hùng vĩ tuyệt vời. Nhưng người Việt vẫn nặng tình với Đà Lạt vì những kỷ niệm quý báu, nên vẫn lưu luyến, nhớ thương Đà Lạt. Hay Đà Lạt trong tâm tưởng vẫn còn thơ mộng, lãng mạn vì những kỷ niệm yêu dấu xưa.

Tôi không phải là người sinh sống ở Đà Lạt, nhưng từ ngày về thăm lại đà Lạt, mỗi lần nghe câu hát “Ai lên Xứ Hoa Đào, dừng chân bên hồ nghe chiều rơi...”⁸ hình ảnh, kỷ niệm cũ, mới với Đà Lạt lại thêm bồi hồi tiếc thương hơn...

(Trích trong bút ký *Bước Lạ Đường Quê*)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Virginia)

⁸ *Ai Lên Xứ Hoa Đào* : nhạc Hoàng Nguyên.

GIÓ BAY

Khép đôi cánh mỏng phiêu diêu
Chập chờn lãng đãng sáo diều trong mơ
Tàn canh mê mải đợi chờ
Tháng năm đằng đẵng mộng hồ xót xa

Đã đành tình cũ phai pha
Đêm đêm chiếc bóng chiều tà nhớ mong
Tơ hồng ướt sũng còn hong
Dấu chân lối cũ rêu phong phủ đầy

Người đi đỉnh núi giăng mây
Chênh vênh bóng nguyệt liêu gầy phơi sương
Năm cung lỗ chọn cung thương
Âm ba não nuột đêm trường ngấn ngơ

Cung sầu trùng những dây tơ
Lời thề ngày ấy bây giờ gió bay.

QUỲNH ANH

(Virginia)

Đốt nén hương trầm nghênh Tết đến
Tìm người tri kỷ đón Xuân sang
Vài câu ghi lại tình thơ ngọc
Dăm chữ trao đi nghĩa bút vàng.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

KHÍ THIÊNG SÔNG NÚI

Kính dâng Đức Trần Hưng Đạo.

Như giòng thác đổ hịch ban ra
Lớp lớp ba quan sóng vỗ òa
“Vạn Kiếp” bùng reo ngày đại thắng
Ngàn thu vang dội khúc hùng ca
Lời vàng chí cả nghiêng trời đất
Gươm báu lòng son đẹp sử gia
Động mối can tràng ngày Hủy Nhật
Cội nguồn nhớ lại tử riêng tai

VÂN NƯƠNG LNC (France)

MÃI CÒN XUÂN

Giao Thừa vắng vắng tiếng chuông ngân
Một cánh thiên hương nổ trắng ngàn
Hương ngát muôn phương lời nguyện chúc
Men nồng tám hướng bước thanh tân
Chân linh trải sáng nguồn thi đạo
Tâm tịnh bao quanh khói đỉnh trầm
Núi được thời gian thay tạo hóa
Tâm hồn trở lại, mãi còn xuân.

KIỀU ANH (Minneapolis)

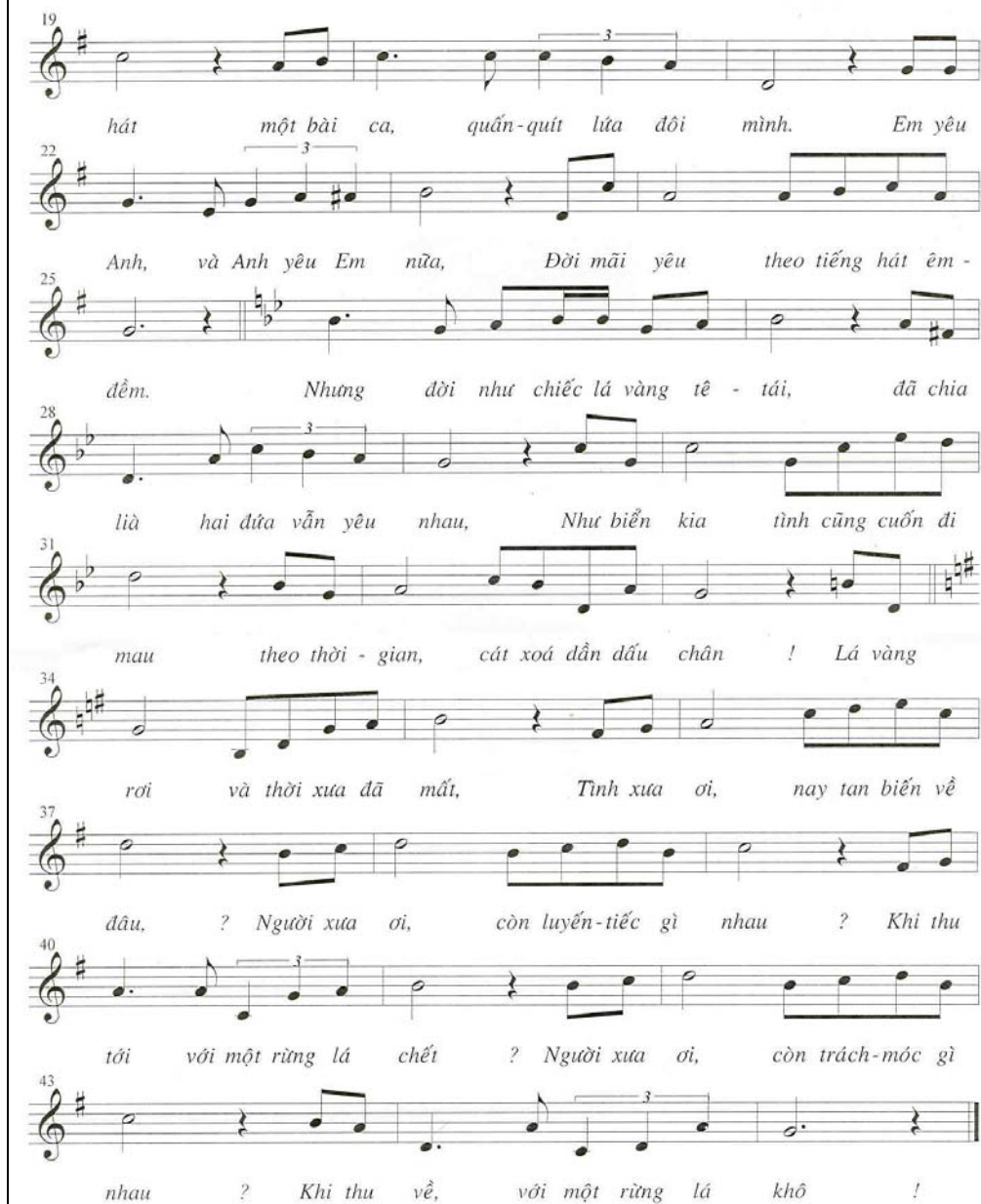
Lá chết

Les Feuilles Mortes

Thi-tứ : Jacques Prévert
Thi-từ : Nguyễn Tường-Vân
Nhạc-phổ : Phạm-Tuân

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a common time signature (C). It consists of six staves of music with Vietnamese lyrics underneath. The lyrics are: Ôi mùa thu, mỗi khi nhìn lá chết, Anh mong Em nhớ lại những ngày vàng, Những quầng đời mà hai đứa thên thang, Không hò - hẹn, bỗng dưng thành đôi bạn. Trời thuở ấy rộn-ràng bao ánh - sáng, Đời vui - tươi, nắng đẹp hơn bây giờ, Lá vàng rơi, vàng úa cả trời thu, Em thấy không, Anh vẫn còn nhớ - nhưng . Anh vẫn nhớ bài ca Em đã

Lá chết



19 hát một bài ca, quẩn-quít lừa dối mình. Em yêu

22 Anh, và Anh yêu Em nữa, Đời mãi yêu theo tiếng hát êm -

25 dềm. Nhưng đời như chiếc lá vàng tê - tái, đã chia

28 lià hai đứa vẫn yêu nhau, Như biển kia tình cũng cuốn đi

31 mau theo thời - gian, cát xoá dần dấu chân ! Lá vàng

34 rơi và thời xưa đã mất, Tình xưa ơi, nay tan biến về

37 đâu. ? Người xưa ơi, còn luyến-tiếc gì nhau ? Khi thu

40 tới với một rừng lá chết ? Người xưa ơi, còn trách-móc gì

43 nhau ? Khi thu về, với một rừng lá khô !

Trùng tu bảo tồn di tích

Diệu Tần

Trong dịch vụ du lịch, vốn cố định là những thắng cảnh, những danh lam, những di tích văn hóa, lịch sử của một quốc gia, không kể đến vấn đề tổ chức, quản lý, nhân viên, vấn đề nghỉ ngơi (khách sạn), ẩm thực (nhà hàng, tiệm ăn), giải trí (trình diễn văn nghệ, sân khấu). Dịch vụ du lịch là một tổ chức, hoạt động điều hành cách sao để “mời” cho được nhiều tiền của du khách, họ sẽ móc ví một cách tự nguyện và vui vẻ.

Một trong cái vốn sẵn có là các danh lam, thắng cảnh như thiên nhiên rừng, núi, sông, suối, thác ghềnh. Phải biết bảo tồn vốn quý đó và bảo tồn những kiến trúc cổ xưa còn tồn tại mang tính chất tôn giáo và văn hóa như đình, chùa, miếu, đền, nhà thờ, thánh thất ... Đó là tài sản quốc gia là những chứng tích của một nền văn hóa, mời du khách ngoại quốc đến thưởng lãm.

Cách đây hơn nửa thế kỷ, hãy nhắc đến một thí dụ về nhiệm vụ phải bảo vệ cảnh thiên nhiên của một di tích lịch sử và một thắng cảnh Văn Miếu hay Quốc Tử Giám, Hà Nội. Năm 1953, ông Nguyễn Gia Đức (em ruột họa sư Nguyễn Gia Trí) Giám đốc Sở Bảo tồn Cổ tích đã phải tranh đấu vất vả để bảo vệ những cây xòai cổ thụ. Hội đồng Quản trị Văn Miếu lấy cớ rằng cần phải chặt bỏ những cây xòai cổ thụ đã bị khô trong Văn Miếu để tránh nguy hiểm cho người đến văn cảnh, cũng như tránh hư hại mái của các dãy nhà cổ. Các cụ có báo cho Sở của ông Đức rõ, ông đọc bản giao kèo giữa nhà thầu chặt cây với Hội đồng và theo dõi từng cây bị chặt bỏ.



Văn Miếu

Ông tìm ra là có một số cây còn sống còn tươi tốt cũng sẽ bị hạ, bèn can thiệp, không cho chặt những cây đó để bảo vệ cảnh đẹp của di tích này.

Các cụ trong Hội đồng chủ trương cứ theo bản giao kèo thi hành, vì có thể mới có tiền chi dùng việc hương khói, và cho biết việc điều hành trong Văn Miếu là của các cụ, vì hội này có tính cách tự trị. Các cụ quên là Quốc Tử Giám được xây dựng từ thế kỷ thứ 11, đã được liệt hạng cổ tích quốc gia, do Sở Bảo tồn Cổ tích chịu trách nhiệm. Ông Đức vội lên gặp các giới chức bộ Thông tin, Bộ Quốc Gia Giáo dục, Tòa Đốc lý Hà Nội mới cứu được những cây xòai cổ thụ còn tươi tốt để cảnh quan không bị trống, khô khan.

Về kiến trúc cổ, chùa Diên Hựu hay chùa Một Cột là một trường hợp điển hình có sự mâu thuẫn nặng nề giữa quyền lực chính trị và nhu cầu bảo tồn di sản quốc gia. Chùa Một Cột có mặt từ đời Lý thế kỷ thứ 12, còn chỗ Hồ đang nằm chỉ có khoảng trên 30 năm nay thôi. Địa điểm này thời Pháp

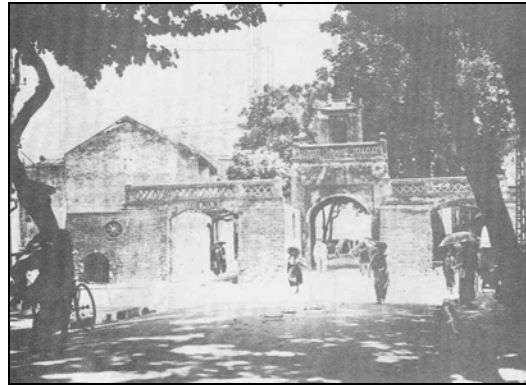


Chùa Một Cột

thuộc dân quen gọi là Vườn Hoa Con Cóc, vì tại công viên đó có mấy con cóc giả phun nước, gần trường Trung học Albert Sarraux. Nguồn tin mới tiết lộ là khi xây chỗ cho Hồ những người có trách nhiệm muốn phá bỏ ngôi chùa đặc biệt có một không hai trên thế giới cho rộng chỗ, cho vĩ đại hơn. Nhưng có lẽ vì còn e ngại nên họ chỉ ra lệnh phun nước vào chùa để chùa phải đổ.

Rất may là ‘chương ngại vật’ vẫn còn trợ trợ, nhưng người ta cho biết chùa nằm vào thế kẹt ngó rất khiêm nhường và thậm hại, nép mình sau những kiến trúc đồ sộ. Người ta còn nhớ cách đây khoảng trên chục năm xảy ra vụ tranh chấp và chuyện một vị sư trụ trì bị đuổi ra khỏi chùa Một Cột. Rất có thể là chuyện thừa kiện đó liên hệ đến chuyện phá bỏ hay không phá bỏ ngôi chùa độc đáo này. Rất nhiều người cho rằng kiến trúc này là do ý niệm hoa sen Phật Giáo, “*gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*” chiếc cột duy nhất là cuống sen, ngôi chùa nhỏ bên trên là kiểu thức hóa một đóa hoa sen, hình vuông hồ tượng trưng cho Đất. Nguồn tin kể rằng chùa do vua Lý Thái Tôn cho xây để tạ ơn và thờ Phật bà Quan Âm. Vị Phật bà đã báo mộng cho vua là ông sẽ có một Thái tử, vì ông hiềm hoàng nam, cầu xin có một người nối dõi.

Mục tiêu bảo tồn cổ tích, di sản văn hóa thường bị nhu cầu sinh hoạt thực tế và nhu cầu kinh tế địa phương lấn áp. Ô Quan Chưởng ở phố hàng Chiếu, cửa Ô duy nhất còn tồn tại, tuy đã được xếp hạng, nhưng bà con buôn gánh bán bưng coi như không cần biết, họ ngồi dưới cổng bày hàng, bày món ăn, ăn uống thoải mái, quần áo chiếu chần treo ngang dọc. Một số miếu nhỏ cũng lâm vào tình trạng này, không những ở Hà Nội mà ở nhiều tỉnh khác nữa. Trong ảnh chụp khoảng thập niên đầu, năm 1900 trong số 44 Cỏ Thơm có in hình tam quan cửa Ô này còn đủ 3 cổng ra vào, đến chỉ còn một cổng chính, có lẽ nhờ người có trách nhiệm đã cố gắng bảo tồn cho đến năm 1945.



Ô Quan Trưởng đầu thế kỷ XX

Một di tích đáng giữ gìn đã bị phá hoại cách đây không lâu, đó là Hòn Vọng Phu ở Lạng Sơn.

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh

Ngày nay có nàng Tô thị ‘giả’, nàng Tô Thị (không rõ tên gọi) thật đã bị người ta phá đi để lấy đá xây nhà. Chuyện xảy ra cơ quan có trách nhiệm không hay biết, và cũng chẳng lưu tâm sau khi tượng bị phá cùng với môm núi. Đó là một môm đá tự nhiên có hình dáng một người đàn bà bế con. Nàng Tô Thị bồng

con ngóng chồng chinh chiến chống giặc xâm lăng, mãi không về, nàng và đứa con mòn mỏi đợi chờ và hóa đá. Nàng Vọng Phu có mặt ở Thanh Hóa, Quảng Ngãi, nhưng ở gần động Tam Thanh thuộc tỉnh lỵ Lạng Sơn là một hòn Vọng Phu nổi tiếng nhất đã đi vào ca dao. Sát tỉnh lỵ có ba động, Nhất Thanh, Nhị Thanh và Tam Thanh, hai động sau có hai ngôi chùa nổi tiếng và đều gần Hòn Vọng Phu, còn Đồng Đăng cách tỉnh lỵ 14 cây số.

Chuyện xảy ra, dân kêu, lúc đó người ta mới đổ lỗi cho nhau, Sở Thông Tin đổ lỗi cho Sở Giao thông Công Chánh, nơi này cho rằng đó là lỗi của Ủy ban Nhân Dân. Người ta che giấu lỗi và chỉ nói qua loa: Do tác động thiên nhiên và con người gây ra, tượng đã được làm lại, không dám nói rõ là nhà thầu dùng chất nổ khai thác đá và cho nàng Tô Thị tan tành luôn. Người ta đã cho pác chế lại, tức là đã dựng lại hòn Vọng Phu đó. Nhưng đó là một hòn Vọng Phu giả, nhân tạo, không còn giá trị cổ tích, cò mang tính cách lừa dối du khách.

Tại tỉnh Ninh Bình, nơi xuất phát của Đinh Bộ Lĩnh và nhà Tiền Lê, nhưng tượng hai ông vua đầu của hai triều đại này đều bị xử tử hình rất ghê gớm. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê chỉ cách nhau nửa cây số, nhưng không rõ chính quyền xã Trường Yên và huyện Hoa Lư trông nom cách sao, kẻ gian đã chặt đầu vua Đinh, đầu tượng vất lẫn lóc gần đó. Còn tượng vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn) bị mổ bụng tanh banh, vì kẻ gian nghĩ rằng ở trong ruột tượng phải có vàng! Không rõ kẻ gian giám lỏng hành, hay có sự tiếp tay của những người giữ an ninh?

Tại khu An Sinh, huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh, nơi lui về tĩnh dưỡng của các vị vua triều Trần, của các Thái thượng Hoàng, cũng không tránh khỏi cảnh bị phá phách thô bạo. Tại khu lăng cũ và đền thờ 5 vị vua thi tháp Phật Hoàng, ngôi tháp thờ vua Trần Nhân Tông, người sáng lập phái Thiền Trúc Lâm bị đào rỗng ruột, cũng không

ngoài lòng tham xúi giục. Một thạch thất nhỏ dựng bằng những tấm đá xẻ mỏng, mái cũng lợp bằng đá, bị đập phá. Ngay tại thị trấn Đông Triều có ngôi đình cổ Trạo Hà cũng bị kẻ gian đào phá.



Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng ở Hoa Lư

Nếu kể ra và liệt kê đầy đủ những hành động phá hoại di tích và danh lam thắng cảnh chắc chắn còn nhiều. Đình chùa, miếu, đền theo quan niệm đông phương là trải ra chiều rộng, phải có cảnh quan rộng, nhưng vì nhu cầu đô thị hóa, như cầu xây cất gia cư nên những di tích tôn giáo và lịch sử văn hóa dần dần bị thu hẹp lại, bị những tòa nhà cao tầng bao vây ngấm lại thấy ngao ngán, chua xót. Thí dụ thấy rõ nhất là

Chùa Láng (xã Yên Lãng) ngoại ô Hà Nội vừa là thắng cảnh vừa là di tích văn hóa, nay thuộc quận mới lập Cầu Giấy, đã bị nhà cao tầng bao vây. Làng Láng nổi tiếng về cây húng Láng (rau quế) và cà pháo, cà bát, nhưng càng ngày đất trồng bị thu hẹp, húng Láng ngày nay hương vị kém xưa rất nhiều.

%

Những vốn liếng để phô bày văn hóa, văn học, nghệ thuật cho du khách đến thăm, cho



Chùa Láng

học sinh, sinh viên trong nước đến tìm hiểu, học hỏi, còn phải kể đến các tác phẩm nghệ thuật, kể cả các cây cối, hoa quả hiếm quý. Như ở Hawaii người ta nghiên cứu để nhập những giống thực vật hợp với khí hậu, thổ nhưỡng nhiệt đới. Cứ cái đà này, mở thêm quận nội thành mới cho Hà Nội như Cầu Giấy, Thanh Xuân, Tây Hồ những vườn hoa ở Ngọc Hà, Nghi Tàm, nhất là hoa đào nổi tiếng Nhật Tân cứ bị nhà cửa lấn chiếm, biết đâu sẽ có ngày tuyệt giống, nếu không biết duy trì hoặc đem trồng vùng đất khác.

Chúng ta còn nhớ công trình di chuyển những di tích cổ của Ai Cập, những tượng đá, những con thú đầu người mình sư tử to lớn Sphinx, nặng nề lên một vùng đất cao hơn. Tại vị trí cũ, mực nước sông Nile đã dâng ngập do công trình thiết lập đập Assoun. Dự án lớn rất tốn kém này đã được Liên Hiệp Quốc tài trợ và công cuộc cưa cắt, đào bới, nâng lên, di chuyển cổ vật và đặt xuống vị trí mới có nghiên cứu có thiết kế đàng hoàng, đã thành công. Đây không những là di sản của Ai Cập mà là di tích của cả thế giới.

Một thí dụ về tài sản văn hóa nghệ thuật là một họa phẩm giá trị của họa sĩ sơn mài Nguyễn Gia Trí xuyết bị người ngoại quốc mua mất. Bức họa sơn mài lớn mang tên “Trung Nam Bắc một nhà” nổi tiếng, có rất nhiều nhà sưu tập tranh Việt Nam muốn mua, trong khi người cầm quyền không hiểu giá trị

họa phẩm, lơ là chuyện bảo vệ di sản nghệ thuật. Dường như tên họa phẩm này do Nhà Nước đặt, không phải do Nguyễn Gia Trí đặt. Cuối cùng thành phố phải bấm bụng chi ra 80 triệu đồng để giữ lại cho Viện Bảo tàng Sài Gòn, nếu chậm chút nữa bức họa lớn và giá trị cao đó đã bay đi ngoại quốc.

Có rất nhiều tháp Chàm, đình, chùa, đền, miếu từ nam chí bắc, chưa bị phá, nhưng bị lấy cắp những hiện vật rời và hiện vật gắn liền với di tích. Vì lấy cắp được tượng, bằng sắc vua ban thời xưa, đồ thờ quý bán cho những người ngoại quốc chơi đồ cổ, hoặc mua cho viện bảo tàng của nước họ, sẽ được giá cao. Không kể cách tô điểm trang trí cho di tích cũng bị người trong nước chê trách. Họ cho viết những chữ Hán xấu xí, vô nghĩa, nội dung tầm thường, dùng những màu sắc lòe loẹt, sồng sồng, những cách trình bày vụng dại, ngây ngô, thô thiển. Một thí dụ cho thấy rõ cách trùng tu của thắng cảnh và di tích Chùa Hương. Ngay từ khi đi đò để tới nơi du khách đã bị những người lái đò tấn công, tranh dành khách, chưa kể nạn đò nhỏ nguy hiểm và chém tiền đò vô tội vạ. Trên đường leo bậc cấp lên núi, xuất hiện rất nhiều miếu am tạm cất lên tô điểm xanh đỏ lòe loẹt để làm tiền du khách. Một điều kiện khác nữa khiến du khách ngoại quốc không dám thăm Chùa Hương nữa là tuy có hàng quán nơi tụ



Tháp Chàm, Nha Trang.

hợp động người, nhưng không có nhà vệ sinh. Ngoài ra suốt dọc đường leo núi rất dơ dáy, rác rến, bần thiêu, người ta chỉ biết thu tiền, không chi ra để dọn sách sẽ, phong quang.

Nhìn sang các nước khác, khách du lịch Cam-pu-chia thấy những hình tượng trong Angkor Vat và Angkor Thom bị nhiều vết đạn nã vào. Nhưng di tích quý báu này đã được coi như kỳ quan thứ Tám của hành tinh, to lớn quá, vĩ đại quá, những trảng đạn nhỏ bắn vu vơ, tình nghịch, không gây hư hại lớn. Chỉ có tại Afghanistan vì nguyên do kỳ thị tôn giáo, năm 2001, nhóm Taliban quá khích đã ra lệnh phá hủy tất cả tượng Phật. Chúng đã dùng súng lớn để phá hai bức tượng Phật lớn khắc vào núi đá. Hành động này ngu xuẩn này đã bị quốc tế lên án nặng nề. Sau này nếu có tái tạo được chẳng nữa cũng rất khó và đã mất tính cách lịch sử. Một phụ nữ người Anh đã có kế hoạch dựng lại hai bức tượng đó, không rõ đến nay đã tiến triển ra sao hoặc bà ấy đã bỏ cuộc?



Hòn Phụ Tử, Hà Tiên

Mới đây nhất, năm 2006 hòn Phụ của thắng cảnh hòn Phụ Tử ở Hà Tiên, Kiên Giang, đã đổ xuống biển. Ở đây không nói đếm điếm gỡ cho chế độ (hòn Cha đổ thì hòn Con cũng sẽ đổ và chế độ cũng đổ theo) chỉ bàn về trùng tu, bảo tồn di tích, cảnh đẹp. Hãy nghe họ tả vẻ đẹp của Hòn Phụ Tử: “Từ Hòn Trẹm

đi ra (hướng biển) khoảng 1 cây số đến Chùa Hang. cách Chùa Hang vài trăm mét là Hòn Phụ Tử, giống hình hai cha con quần quít bên nhau. Trải qua bao tháng năm sóng biển đã đục sâu vào thân hònlàm thành hai cái chân sóng. vào lúc thủy triều xuống, mặt nước thấp, du khách sẽ nhìn thấy những đợt sóng trắng liếm vào chân hòn rồi lắng đi trong hang. Lúc ấy dường như hòn Phụ Tử bay lơ lửng trên mặt nước trong xanh..”.

Bây giờ thì hòn Phụ đã ngã xuống biển àa cứ đà này hòn Tử cũng sẽ ngã theo. Người dân địa phương thấy trước hậu quả sẽ xảy ra, có báo động với giới cầm quyền Thị xã Hà Tiên, nhất là với Sở Thông Tin Văn Hoá, nhưng không ai nghe, không ai chú ý đến. Khi hòn Cha đổ người ta mới trách lẫn nhau, rồi muốn phục chế lại. Dựng lại một hòn núi nhỏ ở bờ biển chắc chắn không phải là công tác dễ dàng. Nếu biết lo xa, khi được báo động cơ quan có trách nhiệm phải chú tâm và lo bảo vệ. Các nhà khoa bảng về hải dương học, địa chất học phải được thông báo, nhất là người có quyền cấp Tỉnh, Bộ Thông Tin Văn Hoá tại Hà Nội và phải tìm kế hoạch bảo tồn hòn Phụ Tử.

Như vậy chúng ta có thể kết luận rất đơn giản, vì nguyên do gì xảy ra những vụ phá hoại, phá phách, ăn trộm, ăn cắp di tích, cổ vật...như thế? Trước hết là nhà cầm quyền không ý thức được tầm quan trọng trong nhiệm vụ bảo vệ bảo tồn di tích văn hóa lịch sử, giữ gìn danh lam thắng cảnh quốc gia, họ chỉ biết cái lợi trước mắt, chỉ khai thác những nguồn lợi xóc nổi. Sau đó là dân chúng thiếu giáo dục về công dân, về cộng đồng, xã hội. Cuối cùng là do hậu quả tất nhiên của một xã hội không có công bằng, bình đẳng, bởi khoảng cách giàu nghèo quá xa, dân nghèo phải dùng mọi cách, dù là bất hợp pháp để sống còn.

DIỆU TÂN

San Jose, California.

LÊN ĐƯỜNG

Lên đường du tử rời phương đông
Hấp hối chiều vương chút nắng hồng
Phố cũ chìm dần trong bão cát
Thành xưa vỡ vụn giữa đồng không
Núi sông xa lạ còn mời gọi
Vó ngựa rã rời vẫn ruổi rong
Bóng xế trăng soi đời lữ thứ
Đêm dài trần trở mộng lưu vong.

LÝ HIẾU

*

NỬA VÀNG TRĂNG THU

Tiến người về bến sông xưa
Nơi đây buồn bã gió mưa toi bờ
Mỗi người đi mỗi phương trời
Gặp nhau ứa lệ, nghẹn lời nói năng.
Nợ người có nửa vàng trăng
Mà chưa đền trả nên vàng trăng nghiêng
Nợ người nửa khối tình riêng
Nửa đời biệt qua miền lưu vong.
Ánh trăng soi bước long đong
Mỗi người cách một nửa vòng trăng quay
Người đi nước mắt còn đầy
Ta về nửa tỉnh nửa say giữa đời.
Thu này lạnh lắm Thu ơi!
Lá vàng sao cứ rơi hoài chẳng ngưng.

ĐẶNG NGUYỄN

Thu 2008.

MÙA ĐÔNG

Niềm vui không cất cánh
Thành nỗi buồn mênh mang
Chiều Đông không đủ lạnh
Sao cây khô lá vàng ?

Mùa Đông mùa Đông về
Lang thang hồn gió cũ
Cây lá khóc ngoài kia
Em chờ ai song cửa ?

Đời vui không còn nữa
Còn một chút đam mê
Chiều in trên phố cũ
Mưa trời khóc tỉ tê.

Ta ngồi trong quán nhỏ
Lời ca xưa thấm thì
Em về mang tình lỡ
Từng giọt sầu vu quy
Anh còn nguyên nỗi nhớ
Tiếng hát sầu chia ly.

HOÀNG SONG LIÊM

(Virginia)



Et tu Brutè?

Cả đến người còn phản ta ư, Brutus?:
Hai Thí Dụ Về Tài Hùng Biện
trong vở Bi-kịch Julius Ceasar
của William Shakespeare.

Phạm Trọng Lê sưu khảo và dịch

I. Mở đầu:

Vở kịch Julius Ceasar có lẽ viết vào năm 1599, và là vở kịch đầu tiên trong những bi-kịch nổi tiếng nhất của Shakespeare, dựa theo chi-tiết trong truyện « Những cuộc đời của những Danh nhân Hy Lạp và La-Mã » do Plutarch viết, dựa theo bản dịch của Thomas North. Đây là một câu chuyện về chính trị, phân loạn, và phép lung lạc quần chúng, nhưng hậu quả là thảm kịch của một cuộc nội chiến, xảy ra cách đây hơn hai ngàn năm, nhưng vẫn còn là bài học cho thời nay. Câu chuyện bắt đầu từ thành Rome. Tướng La-Mã Julius Caesar đang ở tột đỉnh vinh quang của đời ông. Sau khi ông thắng miền Gaul và thắng con của Pompey trong một cuộc nội chiến, uy-quyền ông gần như tuyệt đối. Năm 46 trước công nguyên, ông được phong chức tổng-tài vĩnh viễn. Sau khi thắng trận ở ngoại biên trở về Rome, ông được dân chúng La-Mã hoan hô nhiệt liệt trên đường phố. Một thầy tướng số báo cho Caesar biết coi chừng ngày hạn của ông Ides of March tức là ngày 15 tháng 3, ngày lễ thần thiên nhiên: « Beware of the Ides of Mach ». Năm đó là 44 trước công nguyên. Caesar bỏ ngoài tai lời khuyên. Hai tay trong nhóm phản nghịch là Cassius, một chính-trị gia giỏi, và Brutus, một nhà quý phái La Mã, lắng nghe dân

chúng hoan hô, trong khi Ceasar ba lần từ khước vương-miền mà Marc Antony dâng ông. Cassius ghen với Ceasar và lập mưu hạ Ceasar. Casca nhập bọn với Cassius và mối bất mãn của họ càng tăng và cuối cùng nhóm mưu phản họp nhau ở nhà Brutus tìm cách ám sát Ceasar là người họ tin có tham vọng muốn làm vua. Bà vợ của Ceasar là Calpurnia nằm mơ thấy Ceasar bị giết nên xin ông đừng ra nghị viện Capitol ngày hôm đó là ngày 15 tháng 3. Ceasar nói: « Cowards die many times before their deaths,/The valiant never taste of death but once. » Những kẻ hèn nhất trước khi chết đã chết nhất nhiều lần/Người uy-dũng chỉ nếm cái chết một lần thôi. Nhưng Decius, một tên trong bọn phản nghịch, thuyết phục ông nên ông quyết định ra Quốc Hội (bây giờ gọi là Senate). Trước khi đến Quốc hội, người thầy tướng số báo cho Ceasar biết hạn xấu ngày 15 tháng 3 của ông chưa qua. Một ông thầy giáo biết mưu mô của bọn phản nghịch nên viết tên những người chủ chốt vào một tờ giấy, tính dâng cho Ceasar khi Ông đi qua, nhưng Ông hiểu nhầm là đơn khiếu nại nên không nghe và không đọc. Tại Quốc hội, Ceasar bị đâm nhất đầu tiên bởi Casca, rồi bởi những tay phản nghịch khác, và cuối cùng bởi Brutus là lúc Ceasar nói câu bất hủ: « Et tu, Brutè! »: Đến cả nhà người cũng phản ta ư? Ông quý xuống chân tượng Pompey, nhân vật mà chính Caesar đã

hạ—bây giờ đến lượt ông bị chính bạn mình giết. Bọn thoán nghịch đâm ông tổng cộng 23 nhát. Một trong những kẻ phản loạn, tên Cinna, kêu lên: Liberty! Freedom! Tyranny is dead! Tự do! Tự do! Độc tài đã chết! Thực ra, mầm mống của nội chiến bắt đầu nở. Antony, sợ bị Brutus và Cassus giết, bỏ trốn. Cassius muốn hạ Marc Antony, nhưng Brutus nhất định không cho giết Antony, vì ông cho rằng những người ra tay giết Caesar là hy sinh cho đại nghĩa thành Rome, « sacrificers not butchers. »

Mark Antony liên lạc với Brutus, tới gặp những tay phản nghịch, và xin phép nói vài lời trước thi thể Caesar. Cassius cảnh cáo Brutus rằng phải coi chừng Antony, nhưng Brutus, vốn là người lý tưởng, không nghe, cứ để Antony nói. Brutus dự tính sẽ nói trước đám đông, và cho Antony biết Antony có thể nói tốt về Caesar tùy ý. Đám đông thoạt tiên nghe Brutus nói. Brutus bảo ông cũng quý trọng và yêu mến Caesar, nhưng vì Caesar có tham vọng làm vua, và vì Brutus không muốn dân thành Rome làm nô lệ, nên ông phải giết Caesar. Dân chúng bị thuyết phục, xiêu lòng, hoan hô Brutus. Đến lượt Mark Antony, ông nói: « Tôi tới để chôn Caesar chứ không phải vinh danh ông. » Đám đông dần dần đổi thái độ; lúc trước hoan hô Brutus bao nhiêu thì nay, sau khi nghe Antony nói trong di chúc, Caesar cho dân tiên, cùng để lại cho dân vườn hoa và vườn cây thì đổi thái độ, hoan hô Antony và hề nhau đi đốt nhà Brutus và tìm giết bọn phản nghịch để trả thù cho Caesar.

Cháu Caesar là Octavius bây giờ tới Rome cùng Antony và Lepidus lập một tam đầu chế (ba lãnh tụ) chia nhau chỉ huy để trả thù cho Caesar. Hai đội quân gặp nhau ở trận Philippi. Đêm hôm trước, Brutus thấy bóng ma của Caesar hiện về và bảo: « Người sẽ

thấy ta ở Philippi. » Hai bên đánh nhau. Phe Brutus thua. Cassius tự xô vào con dao của mình do tên hầu cận là Pindarus giơ lên để giúp mình tự tử. Brutus cũng tự tử bằng cách xô vào con dao do tên hầu cận cầm sẵn. Thế là Brutus và Cassius đã kết liễu đời bằng chính lưỡi dao họ đã dùng để đâm chết Caesar. Thế là Caesar được báo thù. Antony và Octavius cùng nhận Brutus là người đáng kính, và trù liệu chôn cất Brutus một cách long trọng.

Trong hai đoạn sau đây, đoạn đầu là lời Brutus, đoạn sau là lời Antony, ta hãy để ý xem đám đông dân chúng bị lung lạc bằng tài hùng biện, (A) phần thứ nhất của Brutus, gồm 4 đoạn ngắn, đánh dấu từ A-1 đến A-4. Phần thứ hai (B) của Antony, gồm 7 đoạn ngắn, đánh dấu từ B-1 đến B-7. Sau mỗi đoạn tiếng Anh có kèm theo phần dịch sang tiếng Việt. Phần cuối là Nhận xét về vài chữ khó và phép hùng biện, trong đó có phép nói bóng, châm biếm, mỉa mai (irony).

II. Hùng biện bằng lý trí : Lời Brutus, Hồi 3, cảnh 2, câu 1-62: Brutus bước ra cùng Cassius và những người dân La Mã ngoài tiền đình quốc hội Capitol.

A-1

PLEBEIANS

We will be satisfied: let us be satisfied.

BRUTUS

Then follow me, and give me audience, friends.

Cassius, go you into the other street

And part the numbers:

Those that will hear me speak, let 'em stay here.

Those that will follow Cassius, go with him
And public reasons shall be rendered
Of Ceasar's death. [*Goes into the pulpit.*]

1st PLEBIAN

I will hear Brutus speak.

2nd PLEBIAN

I will hear Cassius, and compare their reasons
When severally we hear them rendered.
[*Exeunt Cassius and some of the Plebians.*]

Dịch phần A-1:

Nhiều người dân:

Chúng ta phải hỏi cho ra lẽ hành động của
các người. Hãy giải thích cho ra lẽ.

BRUTUS

Vậy thì đồng bào hãy theo tôi. Hãy nghe tôi
nói, các bạn.

Cassius, hãy ra một đường phố khác

Hãy chia đám đông này làm hai:

Ai muốn nghe tôi nói, thì để họ ở lại đây.

Ai muốn đi theo Cassius, thì hãy theo Ông ấy

Và chúng tôi sẽ trình bày cho mọi người rõ
những lý do

Về cái chết của Ceasar. [*Nói rồi bước lên bục.*]

Người dân thứ nhất:

Tôi sẽ nghe Brutus nói.

Người dân thứ hai:

Tôi sẽ nghe Cassius, rồi so sánh lý do của họ

Khi tất cả chúng ta nghe họ giải thích riêng.

[*Cassius và một số dân chúng đi ra.*]

A-2

3rd PLEBIAN

The noble Brutus is ascended. Silence.

BRUTUS

Be patient till the last.

Romans, countrymen and lovers, hear me for
my cause,

and be silent, that you may hear. Believe me for
mine honour and have respect to mine
honour, that you

**may believe. Censure me in your wisdom
and awake**

your senses, that you may the better judge. If
there be

any in this assembly, any dear friend of Ceasar's,
to him I say, that Brutus' love to Ceasar was
no less than his.

**If then that friend demand why Brutus
rose against**

Ceasar, this is my answer: not that I loved
Ceasar less,

but that I love Rome more. Had you rather Ceasar
were living, and die all slaves, than that
Ceasar were

dead, to live all freemen? As Ceasar loved
me, I weep

for him; as he was fortunate, I rejoice at it; as
he was

valiant, I honour him; but as he was
ambitious, I slew

him. There is tears*, for his love; joy, for
his fortune;

honour, for his valour; and death, for his
ambition.

Who is here so base, that would be a
bondman? If any,

speak, for him have I offended. Who is here
so rude,

that would not be a Roman? If any, speak, for
him have

I offended. Who is here so vile, that will not
love his

country? If any, speak, for him have I
offended. I pause

for a reply.

*Tuy tears viết số nhiều mà động từ ở số ít.

ALL

None, Brutus, None.

Dịch phân A-2:

Người dân thứ ba:

Brutus đáng kính đang bước lên bục. Yên lặng.

BRUTUS

Đồng bào hãy kiên nhẫn cho tới khi tôi nói xong. Hỡi dân thành La-Mã, đồng bào, và các bạn, hãy nghe tôi trình bày lý do tại sao tôi tham gia nhóm âm mưu, và hãy yên lặng, để nghe cho rõ điều tôi muốn nói. Hãy tin tôi vì uy-tín tôi, và hãy lưu ý đến danh dự tôi, để có thể tin lời tôi nói. Phán xét tôi bằng óc khôn ngoan và hãy chăm chú nghe, để có thể phán xét tôi thấu đáo. Nếu trong số đồng bào tụ họp nơi đây, có ai là bạn thân của Ceasar, thì tôi muốn nói cho người đó hiểu là lòng thương mến của Brutus này đối với Ceasar cũng không kém. Nếu mà người đó hỏi rằng tại sao Brutus lại nổi lên chống Ceasar, thì câu trả lời của tôi là: Không phải vì tôi giảm lòng yêu Ceasar, nhưng vì tôi yêu Rome hơn. Đồng bào có muốn Ceasar còn sống, để tất cả sẽ chết như nô lệ, hay muốn Ceasar chết, để tất cả sống tự do? Vì Ceasar yêu thương tôi, tôi khóc thương ông; vì Ceasar may mắn, tôi mừng cho ông; vì ông dũng cảm, tôi vinh danh ông; nhưng vì ông có tham vọng, tôi giết ông. Có nước mắt cho tình thương ông; có mừng vui cho vận may của ông, có danh dự cho lòng dũng cảm của ông, và cái chết cho tham vọng của ông. Trong số đồng bào đứng đây, có ai hèn hạ đến mức muốn chịu

làm nô lệ? Nếu có ai như vậy, thì tôi đã xúc phạm đến người ấy. Trong số đồng bào đứng đây, có ai man rợ đến mức không muốn làm dân thành Rome? Nếu có ai như vậy, thì hãy lên tiếng, vì tôi đã xúc phạm đến người ấy. Trong số đồng bào đứng đây, ai là người ti-tiện đến mức không có lòng yêu nước? Nếu có ai như vậy, hãy lên tiếng, vì tôi đã xúc phạm đến người ấy. Tôi ngưng nói để chờ trả lời.

Tất cả dân chúng đồng thanh:

Chẳng có ai như vậy, Brutus, chẳng có ai.

A-3.

BRUTUS

Then none have I offended. I have done no more
to Ceasar, than you shall do to Brutus.

The question

of his death is enrolled in the Capitol: his
glory not
extenuated, wherein he was worthy, nor his
offences
enforced, for which he suffered death.

[Enter Mark ANTONY with CEASAR's body.]

Here comes his body, mourned by Mark
Antony, who,
though he had no hand in his death, shall
receive the
benefit of his dying, a place in the
commonwealth, as
which of you shall not? With this I depart,
that as I slew
my best lover for the good of Rome, I have
the same
dagger for myself, when it shall please my
country to
need my death. [Comes down.]

ALL

Live Brutus, live, live.

1st PLEBEIAN

Bring him with triumph home unto his house.

2nd PLEBEIAN

Give him a statue with his ancestors.

3rd PLEBEIAN

Let him be Ceasar.

4th PLEBEIAN

Ceasar's better parts

Shall be crowned in Brutus.

1st PLEBEIAN

We'll bring him to his house with shouts and clamours.

Dịch phần A-3:

BRUTUS

Vậy là tôi không xúc phạm đến người nào cả. Tôi không làm gì hơn cho Ceasar mà đồng bào lẽ ra sẽ làm cho Brutus. [=Tôi phải giết Ceasar, và đồng bào sẽ có thể giết tôi, không hơn không kém.] Lý do ngài phải chết đã ghi rõ trong nhật ký của Quốc hội. Vinh quang của ngài không hề suy giảm, ngài đáng hưởng vinh quang đó. Mà những tội phạm của ngài cũng không bị phóng đại, vì tội đó mà ngài phải chết.

[*Mark Antony ôm xác Ceasar bước vào*]

Hãy trông xác Ceasar mà Antony thương tiếc. Tuy Antony không dính líu gì vào cái chết của Ceasar, nhưng Antony sẽ hưởng những lợi-ích của cái chết của Ceasar, như có quyền lợi trong cộng-đồng quốc gia chúng ta. Vì tôi đã giết người bạn thân nhất của tôi vì công ích của thành Rome, nên tôi

đã dành lưỡi dao này cho chính tôi, khi nước nhà cần tôi chết.

Tất cả đồng thanh:

Brutus muôn năm! Phải sống Brutus! Hãy sống!

Người dân thứ nhất:

Hãy vinh dự rước ông về nhà ông!

Người dân thứ hai:

Hãy tạc tượng ông rồi đặt bên cạnh tổ phụ ông!

Người dân thứ ba:

Hãy tôn vinh ông thay thế Ceasar!

Người dân thứ tư:

Hãy đội vương miện cho Brutus người có tất cả những đức tính tốt của Ceasar!

Người dân thứ nhất:

Chúng ta sẽ rước ông về nhà bằng những lời hoan hô cổ võ!

A-4.

BRUTUS

My countrymen.

2nd PLEBEIAN

Peace, silence, Brutus speaks.

1st PLEBEIAN

Peace ho.

BRUTUS

Good countrymen, let me depart alone.

And, for your sake, stay here with Antony:

Do grace to Ceasar's corpse and grace his speech

Tending to Ceasar's glories, which Mark
Antony,
By our permission, is allowed to make.
I do intreat you, not a man depart
Save I alone, till Antony have spoke.

Exit

Dịch phần A-4:

BRUTUS
Đồng bào—

Người dân thứ nhì:
Yên lặng! Nghe Brutus nói.

Người dân thứ nhất:
Yên lặng!

BRUTUS
Đồng bào quý mến, hãy để tôi
bước ra khỏi đây một mình. Vì tôi, hãy nán
lại cùng Antony. Hãy tôn trọng thi thể Ceasar,
và hãy lắng nghe lời Antony ca tụng công
đức hào hùng của Ceasar, mà chúng tôi đã
cho phép ông nói. Tôi thỉnh cầu đồng bào,
không một người nào ra khỏi đây, chỉ mình
tôi thôi, cho đến khi Antony nói xong.
[*Nói rồi Brutus bước ra.*]

III. Hùng biện bằng tình cảm—Lời Mark Antony: hồi III, cảnh ii, câu 63-252.

B-1.

1st PLEBEAIN
Stay ho, and let us hear Mark Antony.

3rd PLEBEAIN
Let him go up into the public chair

We'll hear him. Noble Antony, go up.

ANTONY
For Brutus' sake I am beholding to you.
[*Goes into the pulpit.*]

4th PLEBEAIN
What does he say of Brutus?

3rd PLEBEAIN
He says, for Brutus' sake
He finds himself beholding to us all.

4th PLEBEAIN
'Twere best he speak no harm of Brutus here.

1st PLEBEAIN
This Ceasar was a tyrant.

3rd PLEBEAIN
Nay, that's certain.
We are blest that Rome is rid of him.

2nd PLEBEAIN
Please, let us hear what Antony can say.

ANTONY
You gentle Romans.

ALL
Peace ho, let us hear him.

Dịch phần B-1:

Người dân thứ nhất:
Hãy ở lại! Hãy nghe Mark Antony.

Người dân thứ ba:
Hãy để ông bước lên bục. Ta sẽ nghe ông nói.
Antony đáng kính, hãy bước lên.

ANTONY
Vì Brutus, tôi mang ơn đồng bào.

Người dân thứ 4 :
Ông nói gì về Brutus vậy ?

Người dân thứ 3 :
Ông nói, vì Brutus, ông mang ơn tất cả chúng ta.

Người dân thứ 4 :
Tốt hơn là ông đừng nói xấu Brutus ở đây.

Người dân thứ nhất :
Ceasar này là một bạo chúa.

Người dân thứ 3 :
Đúng, điều đó là chắc rồi. Chúng ta thật có phước đã trừ được hắn.

Người dân thứ hai :
Yên lặng ! Hãy nghe Antony nói.

ANTONY
Đồng bào thành Rome cao quý.

Tất cả:
Yên lặng! Chúng ta hãy nghe ông nói.

B-2.

ANTONY
Friends, Romans, countrymen, lend me your ears:
I come to bury Ceasar, not to praise him.
The evil that men do lives after them:
The good is oft interrèd with their bones.
So let it be with Ceasar. The noble Brutus
Hath told you Ceasar was ambitious:
If it were so, it was a grievous fault,
And grievously hath Ceasar answered it.

Here, under leave of Brutus and the rest
(For Brutus is an honourable man;
So are they all, all honourable men)
Come I to speak in Ceasar's funeral.
He was my friend, faithful and just to me;
But Brutus says, he was ambitious,
And Brutus is an honourable man.
He hath brought many captives home to Rome,
Whose ransoms did the general coffers fill.
Did this in Ceasar seem ambitious?
When that the poor have cried, Ceasar hath wept:

Ambition should be made of sterner stuff.
Yet Brutus says, he was ambitious,
And Brutus is an honourable man.
You all did see, that on the Lupercal
I thrice presented him a kingly crown,
Which he did thrice refuse. Was this ambitious?
Yet Brutus says, he was ambitious,
And sure he is an honourable man.
I speak not to disprove what Brutus spoke,
But here I am to speak what I do know.
You all did love him once, not without cause:
What cause withholds you then to mourn for him?
O judgement, thou art fled to brutish beasts
And men have lost their reason. Bear with me.
My heart is in the coffin there with Ceasar,
And I must pause till it come back to me.

Dịch phần B-2:

ANTONY
Hỡi các bạn, dân La Mã, thưa đồng bào—
nghe tôi nói đây! Tôi tới đây để chôn Ceasar,
chứ không phải để ca tụng ngài. Những điều
ác con người đã làm sẽ vẫn còn sống mãi sau
khi họ chết. Điều thiện thì thường chôn theo
xương họ sau khi họ chết [Tiếng xấu, dẫu
chết rồi, người đời nhớ mãi. Danh thơm, vừa

nằm xuống, thiên hạ quên ngay.] Vậy ta hãy để Ceasar yên. Brutus đáng kính đã nói với các bạn rằng Ceasar là người có tham vọng. Ví như thực như vậy, thì thật là một lỗi lầm trầm trọng, và Ceasar đã phải đền tội đó. Ở đây, được phép của Brutus và tất cả những người khác—vì Brutus là một người đáng kính; và tất cả những người trong nhóm ông cũng vậy—tôi đến đây để nói vài lời trong đáng tang Ceasar. Ngài là bạn thân của tôi, một người trung chính. Nhưng Brutus nói ngài có tham vọng, và Brutus là người đáng kính. Ceasar bắt được nhiều tù nhân mang về Rome, mà tiền chuộc họ chứa đầy công khổ. Điều này có phải là Ceasar có tham vọng không? Khi người nghèo than khóc, Ceasar cùng khóc với họ. Người tham vọng phải là người gõ đá chửi đầu lại nhân từ như vậy! Vậy mà Brutus nói Ceasar tham vọng, và chắc chắn, Brutus là người đáng kính. Tất cả đồng bào đã thấy trong ngày hội Lupercal ba lần tôi dâng vương miện lên Ceasar, ba lần ngài từ chối. Vậy là tham vọng ư? Vậy mà Brutus bảo ngài tham vọng, và Brutus là người đáng kính, và chắc chắn, Brutus là người đáng kính. Tôi không nói để phản đối lời Brutus. Nhưng tôi tới đây để nói điều tôi biết. Đồng bào đã từng yêu mến Ceasar, mà không phải không có lý do. Vậy thì có gì không cho đồng bào thương xót ông khi ông chết? Ôi, trí phán xét, người đã trốn theo cùng những con vật cục súc, và con người đã đánh mất lý trí của họ rồi. Xin kiên nhẫn với tôi. Trái tim tôi hiện ở trong quan tài kia với Ceasar, và tôi phải nghỉ một chút cho nó trở lại với tôi. [=Đau đớn quá nên nghẹn ngào, và xin chờ cho tôi bình tâm lại đã.]

B-3

1st PLEBEAIN

SỐ 45

Methinks there is much reason in his sayings.

2nd PLEBEAIN

If thou consider rightly of the matter,
Ceasar has had great wrong.

3rd PLEBEAIN

Has he, masters?
I fear there will a worse come in his place.

4th PLEBEAIN

Mark ye his words? He would not take the crown;
Therefore 'tis certain he was not ambitious.

1st PLEBEAIN

If it be found so, some will dear abide it.

2nd PLEBEAIN

Poor soul, his eyes are red as fire with weeping

3rd PLEBEAIN

There's not a nobler man in Rome than Antony.

4th PLEBEAIN

Now mark him; he begins again to speak.

Dịch phần B-3:

Người dân thứ nhất:

Tôi nghĩ ông nói rất có lý.

Người dân thứ 2:

Nếu ta xét vấn đề rõ ràng, Ceasar quả thật đã bị oan lớn.

Người dân thứ 3:

Bạn nghĩ như thế hở? Tôi nghĩ kẻ thế ông ta còn tệ hơn.

Người dân thứ 4:

Bạn có nghe những lời Antony nói không?
Ceasar không nhận vương miện.
Như vậy chắc chắn là ngài không có tham vọng.

Người dân thứ 1:
Nếu thực như vậy, bọn phản loạn phải đền tội
đích đáng.

Người dân thứ 2:
Antony thật đáng thương! Ông khóc quá nên
mắt đỏ hoe kia!

Người dân thứ 3:
Không có ai là người đáng trọng hơn Antony
trong cả thành La Mã.

Người dân thứ 4:
Bây giờ hãy nghe ông nói. Ông bắt đầu nói
tiếp kia.

B-4.

ANTONY
But yesterday the word of Ceasar might
Have stood against the world. Now he lies
there,
And none so poor to do him reverence.
O masters! If I were disposed to stir
Your hearts and minds to mutiny and rage,
I should do Brutus wrong, and Cassius
wrong,
Who, you all know, are honourable men.
I will not do them wrong. I rather choose
To wrong the dead, to wrong myself and you,
Than I will wrong such honourable men.
**But here's a parchment, with the seal of
Ceasar.**
I found it in his closet. 'Tis his will.

[*He shows the will.*]

Let but the commons hear this testament--
Which, pardon me, I do not mean to read—

And they would go and kiss dead Ceasar's wounds,
And dip their napkins in his sacred blood,
Yea, beg a hair of him for memory,
And dying, mention it within their wills,
Bequeathing it as a rich legacy
Unto their issue.

Dịch phân B-4:

ANTONY
Chỉ mới hôm qua thôi, một lời của Ceasar
ban ra là toàn thế giới phải cúi đầu. Bây giờ
đây, ông nằm kia, và kẻ tiện dân cũng không
thêm tỏ lòng tôn kính ông. Ôi, thưa đồng bào,
nếu tôi muốn khích động tim óc đồng bào để
gây rối trật tự và bạo động, thì tôi đã hại
Brutus, hại Cassius, là những người, mà đồng
bào biết, đều đáng kính. Tôi không muốn đối
xử bất công với họ. Thà tôi mang tội bất công
với kẻ đã chết, với chính mình và với đồng
bào, hơn là với những người đáng kính như
họ. Nhưng có một vấn kiện có dấu triện son
của Ceasar. Tôi tìm thấy ở phòng riêng của
ngài. Đó là bản chúc thư của ngài. [*Vừa nói
vừa đưa ra bản chúc thư*] Nếu thường dân
nghe bản chúc thư này, mà, tha lỗi cho tôi, tôi
không chủ tâm đọc nó—thì họ sẽ chạy lại hôn
những vết thương trên thi thể Ceasar. Họ sẽ
nhúng khăn tay vào máu của Ceasar, phải, và
năn nỉ xin một sợi tóc trên đầu ngài, để làm
kỷ niệm. Để khi họ chết, họ sẽ ghi lại trong
chức thư của mình, để lại như di sản quý báu
cho con cháu thừa kế.

(Còn tiếp một kỳ)

PHẠM TRỌNG LỆ
(Virginia)